

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT  
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ  
PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP  
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ NGƯỜI DÂN TỘC  
THiểu SỐ KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM  
THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO**

**Mã số đề tài: B2016-TNA-16**

**Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Thị Ngọc**

**THÁI NGUYÊN - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT  
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ  
PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP  
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ NGƯỜI DÂN TỘC  
THiểu SỐ KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM  
THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO**

**Mã số đề tài: B2016-TNA-16**

**Xác nhận của tổ chức chủ trì**

**Chủ nhiệm đề tài**

**TS. Nguyễn Thị Ngọc**

**THÁI NGUYÊN - 2018**

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn</b>	<b>Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao</b>
1	PGS. TS. Phùng Thị Hằng	Trường ĐHSP - ĐHTN Chuyên môn Tâm lý học	Tư vấn khoa học, định hướng nghiên cứu cơ sở lí luận
2	PGS.TS. Phí Thị Hiếu	Trường ĐHSP - ĐHTN Chuyên môn Tâm lý học	Xây dựng khung lí thuyết về kỹ năng giao tiếp, tổ chức thử nghiệm
3	ThS. Lê Hồng Sơn	Trường ĐHSP - ĐHTN Chuyên môn Giáo dục học	Tổ chức khảo sát thực trạng, tổ chức thử nghiệm
4	TS. Trịnh Thị Phương Thảo	Trường ĐHSP - ĐHTN Chuyên môn Phương pháp dạy học bộ môn Toán	Xử lí kết quả khảo sát thực trạng và kết quả thử nghiệm
5	ThS. Lê Như Hoa	Trường ĐHSP - ĐHTN Chuyên môn Tâm lý học	Tổ chức thử nghiệm
6	ThS. Nguyễn Thị Chúc	Trường ĐHSP - ĐHTN Chuyên môn Tâm lý học	Xây dựng khung lí luận về phát triển kỹ năng giao tiếp
7	TS. Nguyễn Hữu Quân	Trường ĐHSP-ĐHTN Quản lí khoa học	Thư kí đề tài

**DANH SÁCH ĐƠN VỊ PHỐI HỢP NGHIÊN CỨU**

<b>Stt</b>	<b>Tên đơn vị trong và ngoài nước</b>	<b>Nội dung phối hợp nghiên cứu</b>	<b>Họ và tên người đại diện đơn vị</b>
1	Khoa TLGD, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Tư vấn định hướng nghiên cứu lí luận	PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn
2	Sở GD&ĐT Thái Nguyên	Nghiên cứu khảo sát thực trạng	Ông Ngô Thượng Chính
3	Sở GD&ĐT Bắc Kạn	Nghiên cứu khảo sát thực trạng	Ông Sầm Văn Du
4	Sở GD&ĐT Cao Bằng	Nghiên cứu khảo sát thực trạng	Ông Trịnh Hữu Khang
5	Vụ Giáo dục dân tộc - Bộ GD&ĐT	Tư vấn định hướng nghiên cứu	Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

## MỤC LỤC

Danh sách thành viên tham gia nghiên cứu đề tài.....	i
Mục lục.....	ii
Danh mục các bảng.....	v
Danh mục các chữ viết tắt.....	vii
Thông tin kết quả nghiên cứu.....	viii
Information on research results.....	xi
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu.....	2
4. Giả thiết khoa học.....	2
5. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu.....	3
7. Phương pháp nghiên cứu.....	3
8. Cấu trúc của đề tài.....	4
<b>Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ NGƯỜI TÀY, NÙNG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP</b> .....	<b>5</b>
1.1. Tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài.....	5
1.1.1. Nghiên cứu nước ngoài.....	5
1.1.2. Nghiên cứu ở Việt Nam.....	9
1.2. Một số khái niệm cơ bản của đề tài.....	12
1.2.1. Giao tiếp.....	12
1.2.2. Kỹ năng, kỹ năng giao tiếp.....	12
1.2.3. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.....	13
1.2.4. Phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.....	14
1.3. Một số vấn đề cơ bản về phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.....	15
1.3.1. Đặc điểm tâm lý - giao tiếp của học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng.....	15
1.3.2. Những vấn đề cơ bản về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp THCS.....	16

1.3.3. Ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng .....	18
1.3.4. Những yêu cầu đối với việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường THCS có đa số học sinh là người dân tộc Tày, Nùng để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh .....	21
1.3.5. Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng ...	25
1.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng .....	32
1.4.1. Về phía nhà trường .....	32
1.4.2. Về phía học sinh và phụ huynh học sinh .....	34
1.4.3. Sự phối hợp của các lực lượng xã hội trong tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh THCS người Tày, Nùng .....	34
Tiểu kết chương 1 .....	35
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG VỀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ VIỆC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP NHẪM PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THCS NGƯỜI DÂN TỘC TÀY, NÙNG KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM .....</b>	<b>36</b>
2.1. Một số vấn đề chung về khảo sát thực trạng .....	36
2.1.1. Mục đích .....	36
2.1.2. Đối tượng khảo sát .....	36
2.1.3. Phương pháp khảo sát .....	37
2.1.4. Phương pháp xử lý số liệu .....	37
2.2. Kết quả khảo sát .....	37
2.2.1. Nhận thức của giáo viên và học sinh người dân tộc Tày, Nùng về tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp .....	37
2.2.2. Thực trạng về kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng ...	41
2.2.3. Thực trạng tổ chức các HĐTN, HN tại các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu nhằm phát triển KNGT cho HS người Tày, Nùng .....	46
2.3. Đánh giá chung về thực trạng .....	58
Tiểu kết chương 2 .....	60

<b>Chương 3: CÁC NHÓM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP NHẪM PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THCS NGƯỜI DÂN TỘC TÀY, NÙNG KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM</b> .....	61
3.1. Nguyên tắc thiết kế các nhóm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh người dân tộc Tày, Nùng ở các trường THCS khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.....	61
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích.....	61
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính đối tượng.....	61
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi, hiệu quả.....	62
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo giáo dục sát với đời sống, điều kiện thực tiễn của học sinh.....	62
3.2. Quy trình thiết kế, nội dung và hình thức của các nhóm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.....	63
3.2.1. Quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng.....	63
3.2.2. Nội dung và hình thức hoạt động trải nghiệm có ưu thế phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng.....	68
3.2.3. Khảo nghiệm sự phù hợp và tính khả thi của các nhóm hoạt động được thiết kế.....	74
3.2.4. Thử nghiệm sư phạm.....	77
Tiểu kết chương 3.....	87
<b>KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ</b> .....	89
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	92
<b>PHỤ LỤC</b>	

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1.	Ma trận các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS người Tày, Nùng .....	26
Bảng 2.1.	Nhận thức của GV và HS về khái niệm kỹ năng giao tiếp .....	38
Bảng 2.2.	Đánh giá của HS về vai trò của kỹ năng giao tiếp .....	39
Bảng 2.3.	Nhận thức của GV về khái niệm hoạt động trải nghiệm.....	40
Bảng 2.4.	Đánh giá của HS về vai trò của HĐTN trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng .....	41
Bảng 2.5.	Thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua tự đánh giá của HS .....	42
Bảng 2.6.	Thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua đánh giá của GV .....	44
Bảng 2.7.	Thực trạng tổ chức HĐTN cho học sinh ở các trường THCS khu vực miền núi phía Bắc.....	46
Bảng 2.8.	Đánh giá của GV, HS về tần suất và hứng thú của học sinh khi tham gia HĐTN ở trường THCS.....	47
Bảng 2.9.	Đánh giá của GV và HS về vai trò của hoạt động trải nghiệm trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp.....	47
Bảng 2.10.	Nội dung trải nghiệm được tổ chức nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh ở các trường THCS khu vực miền núi phía Bắc .....	53
Bảng 2.11.	Đánh giá của học sinh về thực trạng các hình thức tổ chức trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng tại các trường THCS khu vực miền núi phía Bắc...	54
Bảng 2.12.	Đánh giá của giáo viên về tần suất tổ chức các hình thức hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng tại các trường THCS khu vực miền núi phía Bắc .....	55
Bảng 2.13.	Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc thông qua các hoạt động trải nghiệm .....	57

Bảng 3.1.	Mô tả các nhóm hoạt động tương ứng với mức độ kỹ năng giao tiếp hiện có của học sinh .....	69
Bảng 3.2.	Đánh giá về sự phù hợp của các nhóm hoạt động trải nghiệm .....	75
Bảng 3.3.	Đánh giá tính khả thi của các biện pháp .....	76
Bảng 3.4.	Biểu hiện của học sinh về kỹ năng giao tiếp trước thử nghiệm .....	82
Bảng 3.5.	Biểu hiện của học sinh về KNGT sau TN .....	84
Bảng 3.6.	Biểu hiện mức độ kỹ năng giao tiếp của HS trước và sau TN .....	84



**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>CHỮ VIẾT TẮT</b>	<b>CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ</b>
1	CBQL	Cán bộ quản lý
2	DTTS	Dân tộc thiểu số
3	ĐLC	Độ lệch chuẩn
4	ĐTB	Điểm trung bình
5	GD	Giáo dục
6	GV	Giáo viên
7	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
8	HN	Hướng nghiệp
9	HS	Học sinh
10	KNGT	Kỹ năng giao tiếp
11	NCKH	Nghiên cứu khoa học
12	NGLL	Ngoài giờ lên lớp
13	QLGD	Quản lý giáo dục
14	TB	Trung bình
15	THCS	Trung học cơ sở
16	TN	Trải nghiệm

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**1. Thông tin chung**

- Tên đề tài: Phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh trung học cơ sở người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

- Mã số: B2016-TNA-16

- Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Thị Ngọc

- Tổ chức chủ trì: Đại học Thái Nguyên

- Thời gian thực hiện: 24 tháng

**2. Mục tiêu**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng về phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh Trung học cơ sở người Tày, Nùng nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua các hoạt động trải nghiệm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông hiện nay.

**3. Tính mới và sáng tạo**

Xác định cơ sở lý luận về phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm; đánh giá thực trạng phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua các hoạt động trải nghiệm, đề xuất các được quy trình và các nhóm hoạt động trải nghiệm cụ thể nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho nhóm học sinh THCS Tày, Nùng một số tỉnh miền núi phía Bắc theo yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông hiện nay.

**4. Kết quả nghiên cứu**

Tổng quan được các công trình nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS và phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm.

Xây dựng cơ sở lý luận về phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm.

Đánh giá thực trạng phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng tại một số tỉnh miền núi phía Bắc thông qua hoạt động trải nghiệm.

Đề xuất được các quy trình và thiết kế được các nhóm hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người Tày, Nùng.

Đề xuất các khuyến nghị với các trường sư phạm đào tạo giáo viên THCS, các trường THCS, giáo viên tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh người dân tộc Tày, Nùng.

## **5. Sản phẩm**

### **5.1. Sản phẩm khoa học**

1. Nguyễn Thị Ngọc (2016), “Hoạt động trải nghiệm sáng tạo và vai trò phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc”, *Tạp chí giáo dục*, số đặc biệt tháng 12/2016, tr.115 - 117.

2. Nguyễn Thị Ngọc (2018), “Deverloping communication skill for tay and nung ethnic students through the club activities in school”, *European Journal of Education and Applied Psychology*, No1, 2018, Vienna, pp.90 - 94

3. Nguyễn Thị Ngọc (2018), “Quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng ở khu vực miền núi phía Bắc”, *Tạp chí Thiết bị giáo dục*, số 174, tr.24 - 26.

4. Nguyễn Thị Ngọc (2018), Bản thảo sách sách chuyên khảo *Giáo dục kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trung học cơ sở người dân tộc thiểu số*.

### **5.2. Sản phẩm đào tạo**

1. Trần Xuân Huy (2017), *Quản lý phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh tại các trường THCS Huyện Hiệp hòa, Tỉnh Bắc giang*, Luận văn thạc sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

2. Hà Thị Bích Ngọc (2018), *Phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh Trung học cơ sở Thành phố Bắc Kạn*, Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

3. Nguyễn Thế Trung (2017), *Quản lý giáo dục giá trị sống cho học sinh trường THCS huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thông qua hoạt động trải nghiệm*

*sáng tạo*, Luận văn thạc sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

## **6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu**

Cung cấp tài liệu tham khảo cho giáo viên tự bồi dưỡng phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc thiểu số nói riêng cũng như phát triển toàn diện năng lực của học sinh nói chung.

*Ngày 27 tháng 9 năm 2018*

**Tổ chức chủ trì**

**Chủ nhiệm đề tài**

**TS. Nguyễn Thị Ngọc**

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING  
THAI NGUYEN UNIVERSITY

**INFORMATION ON RESEARCH RESULTS**

**1. General information**

- Project title: Developing communication skills for junior high school students in northern Vietnam ethnic minority areas through innovative learning activities.
- Code: B2016-TNA-16
- Project holder: Dr. Nguyen Thi Ngoc
- Implementing organization: Thai Nguyen University
- Duration: 24 months

**2. Objectives**

The project is based on the theoretical and practical research on communication skills development for secondary school students in Tay, Nung. It aims to develop communication skills for students through experiential activities that meet the changing needs of the new high school education program today.

**3. Creativeness and innovativeness**

The project tries to identify reasoning basics for developing communication skills through experiential learning; assess the current situation of communication skills development for students through experiential activities, suggest processes and specific activity teams to develop communication skills for Tay, Nung secondary school students in some northern mountainous provinces according to the requirements of renovating the current education program.

**4. Research results**

An overview of the communication skills of junior high school students and the development of student communication skills through the organization of educational activities and experiential activities will be given.

The theoretical foundation for developing communication skills for secondary school pupils of the Tay and Nung through experiential learning will also be built.

The current status of communication skills development for secondary school pupils of Tay and Nung in some northern mountainous provinces through experiential activities will be assessed.

The processes and design of experiential learning groups to develop communication skills of Tay and Nung junior high school students will be proposed.

Recommendations for pedagogical training schools for junior high school teachers, junior high schools and teachers to organize experiential activities for Tay, Nung students will be discussed.

## **5. Products**

### ***5.1. In terms of science***

1. Nguyen Thi Ngoc (2016), "Innovative learning activities and the role of communication skills development for junior high school pupils of the Tay and Nung mountainous areas in the North", *Journal of Education*, Special Issue 12/2016, pp.115 - 117.

2. Nguyen Thi Ngoc (2018), " Developing communication skill for Tay and Nung ethnic students through the club activities in school", *European Journal of Education and Applied Psychology*, No1, Vienna, pp. 90 - 94.

3. Nguyen Thi Ngoc (2018), "Design process of creative experiential activities to develop communication skills for secondary school pupils of Tay and Nung ethnic minorities in the Northern mountainous region", *Journal of Equipment education*, 174, p.24 - 26.

4. Nguyen Thi Ngoc (2018), Clean drafts the reference books *Communication Skills through Creative Experience for Ethnic Minority Students*.

### ***5.2. In terms of training***

1. Tran Xuan Huy (2017), *Manager of communication skills development for students through activities of Ho Chi Minh Young Pioneers in Secondary Schools in Hiep Hoa District, Bac Giang Province*, Master of Education Management, Thai Nguyen University of Education.

2. Ha Thi Bich Ngoc (2018), *Developing communication skills through creative experiential activities for junior high school students in Bac Kan province*, Master of Education, Thai Nguyen University of Education.

3. Nguyen The Trung (2017), *Management of Life Values Education for Secondary School Students in Hiep Hoa District, Bac Giang Province, through creative experiments*, Master of Education Management, Thai Nguyen University of Education.

**6. Transfer alternatives, application institutions, impact and benefits of research results**

The project provides a good material source for lecturers in teachers' training institutions in their continuous professional development with a hope to support them in organizing experiential activities for students from ethnic minority groups as well as students all over the country in order to develop them to the best of their capabilities.

*Thai Nguyen, September 27<sup>th</sup> 2018*

**Implementing organization**

**Coordinator**

**Dr. Nguyen Thi Ngoc**

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Giao tiếp là một nhu cầu cơ bản của con người, có vai trò quan trọng trong các hoạt động của con người. Sự phát triển của xã hội hiện đại đòi hỏi con người phải có những kỹ năng giao tiếp cần thiết. Những kỹ năng này có thể được hình thành một cách tự giác hoặc tự phát trong cuộc sống, trong hoạt động của mỗi người, tuy nhiên, con người chỉ được trang bị một cách có hiệu quả những kỹ năng trên nếu được sống trong môi trường giáo dục, với những tác động giáo dục phù hợp và mang tính khoa học.

Đối với lứa tuổi học sinh Trung học cơ sở (THCS), giao tiếp là một hoạt động chủ đạo, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự hình thành và phát triển nhân cách của các em trong độ tuổi này. Việc hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh trong đó có học sinh THCS đang là vấn đề cần được quan tâm trong các nhà trường hiện nay, bởi lẽ, nó góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông là hình thành nhân cách toàn diện cho học sinh.

Thực tế cho thấy, học sinh THCS người dân tộc thiểu số (DTTS) nói chung, học sinh THCS người Tày, Nùng ở khu vực miền núi phía Bắc nói riêng, do hạn chế về điều kiện sống, môi trường giao tiếp; do ảnh hưởng của một số nét tâm lý như tự ti, thiếu mạnh dạn..., mà trong giao tiếp các em có những hạn chế nhất định như: kỹ năng diễn đạt, kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp, kỹ năng làm chủ quá trình giao tiếp... Trong khi đó, việc hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, kết quả giáo dục còn hạn chế, việc tổ chức các hoạt động giáo dục chưa thực sự có hiệu quả...

Do trình độ nhận thức và đặc điểm dân cư, nhiệm vụ giáo dục học sinh được dựa chủ yếu vào giáo dục nhà trường, do vậy để phát triển toàn diện năng lực của nhóm học sinh này cần bắt đầu từ những tác động giáo dục mang tính chính thống của nhà trường. Phát triển kỹ năng giao tiếp cho nhóm học sinh người dân tộc Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc cũng không nằm ngoài nhận định trên. Việc gắn kết nội dung phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh người Tày, Nùng trong những hoạt động trải nghiệm do nhà trường tổ chức vừa phù hợp với yêu cầu giáo dục miền núi vừa thể hiện cách tiếp cận mới trong giáo dục hứa hẹn đem lại những thay đổi thực sự trong giao tiếp của nhóm học sinh DTTS này. Tuy nhiên hiện nay, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách sâu sắc và toàn diện về kỹ năng giao



tiếp và quy trình phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam, đặc biệt là vấn đề phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh dân tộc thiểu số thông qua việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho các em, góp phần phát triển giáo dục phổ thông cũng như chiến lược phát triển con người ở miền núi và cả nước. Có thể nói, đây là mảng đề tài cần được nghiên cứu đầy đủ và có hệ thống. Xuất phát từ những lí do trên chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: ***“Phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh Trung học cơ sở người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam thông qua hoạt động trải nghiệm”***.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực trạng phát triển kỹ năng giao tiếp của HS THCS tại các tỉnh miền núi phía Bắc thông qua các HĐTN, HN, đề tài hướng tới việc xây dựng quy trình và thiết kế một số hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho nhóm học sinh THCS người DTTS trong khu vực.

## **3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu**

**3.1. Đối tượng nghiên cứu:** Quy trình thiết kế và các hoạt động trải nghiệm phát triển KNGT cho HS THCS người Tày, Nùng thông qua HĐTN, HN.

### **3.2. Khách thể nghiên cứu**

- Khách thể nghiên cứu: Quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS trên địa bàn một số tỉnh miền núi phía Bắc thông qua hoạt động trải nghiệm.

- Khách thể Điều tra: gồm 300 học sinh và 150 giáo viên trên địa bàn nghiên cứu

## **4. Giả thiết khoa học**

Giao tiếp là một trong những kỹ năng sống đặc biệt quan trọng đối với HS do vậy việc phát triển KNGT là một nhiệm vụ giáo dục mà nhà trường luôn coi trọng. Thực tiễn cho thấy kỹ năng giao tiếp của HS THCS người Tày, Nùng trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc còn nhiều hạn chế chưa đạt được hiệu quả mong muốn. Nếu xây dựng được các quy trình và thiết kế được các hoạt động hướng vào việc phát triển KNGT cho HS THCS một cách phù hợp sẽ góp phần phát triển kỹ năng giao tiếp của các em nói riêng và phát triển toàn diện năng lực của học sinh nói chung.

## **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua các HĐTNHN cho HS THCS.

5.2. Khảo sát thực trạng phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS người Tày, Nùng tại một số tỉnh khu vực miền núi phía Bắc thông qua hoạt động trải nghiệm

5.3. Đề xuất quy trình và thiết kế các hoạt động nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua HĐTN, HN cho HS THCS Tày, Nùng

## **6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu**

### ***6.1. Giới hạn về nội dung nghiên cứu***

Do sự thay đổi tên gọi của chương trình hoạt động trải nghiệm sáng tạo thành hoạt động trải nghiệm (đối với bậc THCS gọi là hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp) nên tác giả tiếp cận nghiên cứu theo tư tưởng mới đảm bảo sự cập nhật của chương trình giáo dục phổ thông mới.

Trong giới hạn nội dung nghiên cứu, tác giả chỉ tập trung xây dựng quy trình và thiết kế một số hoạt động trải nghiệm mẫu phù hợp với việc phát triển các kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng.

***6.2. Giới hạn về địa bàn nghiên cứu.*** Chúng tôi tiến hành khảo sát tại các trường THCS có số lượng lớn học sinh người Tày, Nùng bao gồm: 150 GV và 300 HS THCS người Tày, Nùng tại một số trường THCS thuộc 03 tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn.

## **7. Phương pháp nghiên cứu**

### ***7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận***

Chúng tôi tiến hành phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa các văn bản, tài liệu liên quan đến vấn đề giao tiếp và phát triển KNGT của học sinh THCS trên địa bàn nghiên cứu thông qua HĐTN, HN để xây dựng khung lý thuyết cho đề tài.

### ***7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn***

- Phương pháp quan sát: Quan sát các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người Tày, Nùng trên địa bàn nghiên cứu.

- Phương pháp phỏng vấn: Trò chuyện với HS và GV để tìm hiểu thông tin về thực trạng KNGT và việc tổ chức các HĐTN, HN trong nhà trường nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS. Trò chuyện với phụ huynh học sinh để xác định thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh

- Phương pháp điều tra viết: Thiết kế bảng hỏi để tìm hiểu thực trạng các kỹ

năng giao tiếp, ý nghĩa, vai trò của hoạt động trải nghiệm đối với việc phát triển các kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người Tày, Nùng.

- Phương pháp thử nghiệm sư phạm: nhằm kiểm định hiệu quả phát triển kỹ năng giao tiếp của các hoạt động trải nghiệm được thiết kế theo quy trình trong nhà trường.

### ***7.3. Phương pháp xử lý số liệu bằng thu được từ thực trạng và kết quả thử nghiệm bằng phần mềm SPSS 22.0***

## **8. Cấu trúc của đề tài**

Đề tài gồm có 3 chương:

***Chương 1:*** Cơ sở lý luận về phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh Trung học cơ sở người Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm.

***Chương 2:*** Thực trạng về kỹ năng giao tiếp và việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.

***Chương 3:*** Các nhóm hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.

**Chương 1**  
**CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP**  
**CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ NGƯỜI TÀY, NÙNG THÔNG QUA**  
**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**1.1. Tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài**

***1.1.1. Nghiên cứu nước ngoài***

*1.1.1.1. Những nghiên cứu về giao tiếp và kỹ năng giao tiếp*

Từ những năm đầu của thế kỷ 20, có nhiều nhà triết học, tâm lý học, xã hội học đã tiếp tục quan tâm đến lĩnh vực giao tiếp. Nhà triết học và tâm lý học người Mỹ G.Mit, nhà bác học người Đức C.Giaspe, nhà triết học hiện sinh Nhật Bản Mactin Babơ, nhà triết học người Pháp Gien Marosen, nhà triết học người Nga B.M. Beccheriev.... đã có những nghiên cứu trong lĩnh vực này. Trong đó các nhà nghiên cứu khoa học đã chú ý đến nghiên cứu hiện tượng tiếp xúc giữa con người với con người. Bắt đầu từ những năm 70 của thế kỷ trước, hàng loạt các nhà tâm lý học hiện đại, với nhiều công trình nghiên cứu, họ đã đưa ra được phạm trù giao tiếp như là một phạm trù cơ bản. Nó được thể hiện trong các công trình “giao tiếp là vấn đề của tâm lý học đại cương” của B.Ph Lotnov, “tâm lý học giao tiếp” của AA.Bodaliov, trong cuốn "Education for life" - “Giáo dục vì cuộc sống” (2009), Donald Walters đã cung cấp cho các nhà GD, các bậc cha mẹ ở khắp nơi những kỹ thuật nhằm biến đổi GD thành một quá trình toàn vẹn, một quá trình hài hoà giữa kiến thức sách vở với những kinh nghiệm trực tiếp từ đời sống. Donald Walters đã khuyến khích mọi người ứng dụng một hệ thống giáo dục mà trong đó, nhấn mạnh sự tích hợp của việc giảng dạy cho trẻ những kiến thức cơ bản cùng với nghệ thuật sống. Ông đã chỉ ra cho mọi người “thấy được toàn bộ cuộc sống là giáo dục và giáo dục không chỉ giới hạn ở những năm tháng miệt mài trên ghế nhà trường...”. Đúng như Jesse J.Casbon nhận xét “Cuốn sách nói cho chúng ta biết về phương pháp cách nuôi dưỡng óc sáng tạo và trực giác ở mỗi đứa trẻ và làm sao có thể đánh thức những khả năng chưa được khai thác của trẻ” và hãy để “mỗi đứa trẻ là chính nó”. Trong cuốn “Dạy trẻ học nói như thế nào” (1990), tác giả Kak - Hai - Nơdích người Đức đã nêu rõ yêu cầu về phát triển ngôn ngữ của trẻ có một vai trò quan trọng và quá trình phát triển ở từng giai đoạn. Trong mỗi giai đoạn đó nhiệm vụ của người lớn giúp trẻ thâm nhập vào thế giới ngôn ngữ phong phú và đa dạng. Bằng những ví dụ, cách làm cụ thể, thiết thực đã giúp các bậc phụ huynh có thêm những

kiến thức cơ bản trong việc giáo dục và dạy dỗ, nắm vững ngôn ngữ giao tiếp của con em mình. Với Evgrafova M.G, sự hình thành văn hoá giao tiếp bằng lời của học sinh tuổi mẫu giáo lớn trên cơ sở phong tục tập quán của dân tộc là rất quan trọng. Ở đây, tác giả đã trình bày quy luật và nguyên tắc hình thành văn hoá giao tiếp bằng lời của học sinh tuổi mẫu giáo lớn, những đặc điểm của việc hình thành văn hoá giao tiếp bằng lời của học sinh tuổi mẫu giáo lớn trên cơ sở phong tục tập quán của dân tộc; nội dung và kỹ thuật hình thành văn hoá giao tiếp bằng lời của học sinh tuổi mẫu giáo lớn trên cơ sở phong tục tập quán của dân tộc. Đây chính là những tiền đề để học sinh ở tuổi mẫu giáo lớn hình thành được kỹ năng giao tiếp trước khi bước vào lứa tuổi THCS. Nghiên cứu về sự ảnh hưởng của văn hoá giao tiếp trong gia đình đến sức khoẻ tâm lý đạo đức của thiếu niên, tác giả Malin I.I đã khẳng định văn hoá tâm lý của giao tiếp trong gia đình được thể hiện ở hệ thống các chuẩn mực; định hướng giá trị; những cách thức và phong cách hành vi, giao tiếp và mối quan hệ qua lại trong gia đình..., những cái được áp dụng trong hệ thống các mối quan hệ qua lại và giao tiếp giữa cha mẹ với con cái. Tác giả đã làm nổi bật lên 5 loại văn hoá tâm lý của giao tiếp trong gia đình và ảnh hưởng của chúng tới sự hình thành nhân cách và sức khoẻ tâm lý đạo đức của thiếu niên. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng sự thiếu hụt chức năng bất kỳ nào đó của người lớn trong gia đình hoặc sự xem thường nó sẽ làm rối loạn sức khoẻ tâm lý của trẻ. Chính văn hoá tâm lý của giao tiếp trong gia đình và ảnh hưởng của chúng sẽ tác động đến sự phát triển kỹ năng giao tiếp của thiếu niên. Để nâng cao khả năng giao tiếp cho trẻ, tác giả Linda Maget, trong cuốn “Nâng cao khả năng giao tiếp cho trẻ” (2008), đã giới thiệu những kỹ năng giao tiếp xã hội, giúp trẻ giải quyết những trở ngại trong việc kết giao bạn bè. Với cách trình bày của mình, tác giả Linda Maget giúp các bậc cha mẹ và trẻ học được kỹ năng giao tiếp xã hội để luôn có bạn bè, trưởng thành trong học tập và cuộc sống, đó là mục tiêu của cuốn sách muốn đem lại. Tác giả Nguyễn Trí (“Một số vấn đề dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở THCS”- 2009) đã đề cập đến chương trình dạy tiếng Malaysia: "Sự thành thạo ngôn ngữ làm cho học sinh học tập có hiệu quả, vì vậy ngôn ngữ được coi trọng ở THCS. Khi học xong THCS học sinh biết sử dụng ngôn ngữ phù hợp với trình độ phát triển của mình". Cũng theo tác giả Nguyễn Trí, trong chương trình giảng dạy tiếng Thái Lan "việc dạy tiếng phải trau dồi cho học sinh kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và khả năng dùng ngôn ngữ..."; còn đối với chương trình dạy tiếng Pháp, tác giả chỉ ra rằng, việc nắm vững tiếng Pháp quyết định thành quả học tập ở THCS và trở thành tiêu chuẩn quan

trọng để đánh giá kết quả đào tạo ở cấp học này. Đối với New Zealand, chương trình GD đã chú ý xây dựng GD các kỹ năng cho trẻ ngay từ lứa tuổi mầm non, mục tiêu của giáo dục New Zealand là làm thế nào giúp trẻ tự tin vào bản thân, khoẻ mạnh về thể chất và tâm hồn, có khả năng giao tiếp và tôn trọng tri thức. Việc GD kỹ năng cho trẻ ngay từ lứa tuổi này đã tạo cho trẻ mầm non có cơ hội tiếp cận cộng đồng, tạo nhiều cơ hội giao tiếp cho tuổi thơ. Đây là một cách GD đúng đắn cho trẻ, giúp trẻ có những nền kiến thức rất cơ bản để hình thành kỹ năng giao tiếp cho tuổi học trò (New Zealand chia sẻ kinh nghiệm giáo dục mầm non, <http://www.vietnamplus.vn>, ngày 12/10/2010. Cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, trước bối cảnh toàn cầu hóa, quốc tế hóa, các nước đều rất quan tâm đến vấn đề giáo dục con người trong xã hội mới. Một trong bốn trụ cột của nền GD toàn cầu trong thế kỷ XXI đã được UNESCO đề xuất là “học để cùng chung sống” và được coi là một trong những trụ cột quan trọng, then chốt của GD hiện đại. Câu hỏi đặt ra là “Kỹ năng nào là cần thiết cho mỗi con người để thành công trong công việc và cuộc sống?”, một trong những kỹ năng toàn cầu đòi hỏi ở mỗi con người hoàn thiện là phải có “kỹ năng giao tiếp”. Chương trình GD các giá trị sống của Unesco được coi là đối tác của các nhà GD trên toàn cầu. Đó là chương trình ứng dụng những kỹ thuật, kỹ năng đơn giản nhưng mang tính chuyên môn cao bao gồm kỹ năng lắng nghe tích cực, những câu hỏi theo dạng mở - đóng và cách thảo luận tìm ra hướng giải quyết. Chương trình này đã làm phong phú thêm vốn sống cho các bạn trẻ, trang bị những giá trị tích cực, các kỹ năng sống thiết thực, hữu ích trong hành trang bước vào đời (Diane Tillman, “Những giá trị sống cho tuổi trẻ”, 2009)...

Ý nghĩa quan trọng của các công trình nghiên cứu nêu trên được thể hiện ở chỗ: Dựa trên việc xác định những tiền đề của sự phát triển tâm lý học sinh, các tác giả đã chỉ ra rằng việc giáo dục các kỹ năng sống cho trẻ, trong đó có kỹ năng giao tiếp có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Đây là con đường cơ bản giúp cho trẻ có cơ hội tiếp cận cộng đồng, lĩnh hội kinh nghiệm xã hội - lịch sử để phát triển và hoàn thiện nhân cách.

#### *1.1.1.2. Những nghiên cứu về giáo dục thông qua trải nghiệm của học sinh*

Tư tưởng về giáo dục thông qua trải nghiệm đã manh nha từ thời cổ đại nó được phát triển bởi các nhà giáo dục trên thế giới và ngày càng khẳng định vai trò và tầm quan trọng trong hệ thống giáo dục của các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Tư tưởng giáo dục thông qua trải nghiệm trở thành tư tưởng giáo dục chính thông và phát triển thành học thuyết khi gắn liền với các nhà tâm lý học

như John Dewey, Kurt Lewin, Jean Piaget, Lev Vygotsky, David Kolb, William James, Carl Roger ... Quan điểm giáo dục này còn được tiếp tục nghiên cứu và hiện thực hóa bởi các nhà khoa học hiện đại như Conrad và Hedin, Druism, Owen (1995); Bisson và Luckner (1996), Hiệp hội giáo dục trải nghiệm Canada (1996)...[37]

Ngày nay giáo dục thông qua trải nghiệm phát triển mạnh mẽ được thể hiện trong chương trình giáo dục phổ thông của nhiều quốc gia có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Nhất là các nước tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông theo hướng phát triển năng lực; chú ý giáo dục nhân văn, giáo dục sáng tạo, giáo dục phẩm chất và kỹ năng sống... Mỗi quốc gia tổ chức theo hình thức và đặt ra yêu cầu mang tính đặc trưng riêng, cụ thể như sau:

Singapore: Hội đồng nghệ thuật quốc gia có chương trình giáo dục nghệ thuật, cung cấp, tài trợ cho nhà trường phổ thông toàn bộ chương trình của các nhóm nghệ thuật, những kinh nghiệm sáng tạo nghệ thuật...

Netherlands: Thiết lập trang mạng nhằm trợ giúp những học sinh có những sáng tạo làm quen với nghề nghiệp. Học sinh gửi hồ sơ sáng tạo (dự án) của mình vào trang mạng này, thu thập thêm những hiểu biết từ đây; mỗi học sinh nhận được khoản tiền nhỏ để thực hiện dự án của mình.

Vương quốc Anh: Cung cấp hàng loạt tình huống, bối cảnh đa dạng, phong phú cho học sinh và đòi hỏi phát triển, ứng dụng nhiều tri thức, kỹ năng trong chương trình, cho phép học sinh sáng tạo và tư duy; giải quyết vấn đề làm theo nhiều cách thức khác nhau nhằm đạt kết quả tốt hơn; cung cấp cho học sinh các cơ hội sáng tạo, đổi mới, dám nghĩ, dám làm...

Đức: Từ cấp THCS đã nhấn mạnh đến vị trí của các kỹ năng cá biệt, trong đó có phát triển kỹ năng sáng tạo cho trẻ; phát triển khả năng học độc lập; tư duy phê phán và học từ kinh nghiệm của chính mình.

Nhật: Nuôi dưỡng cho trẻ năng lực ứng phó với sự thay đổi của xã hội, hình thành một cơ sở vững mạnh để khuyến khích trẻ sáng tạo.

Hàn Quốc: Mục tiêu hoạt động trải nghiệm sáng tạo hướng đến con người được giáo dục, có sức khỏe, độc lập và sáng tạo. Cấp THCS và cấp Trung học cơ sở nhấn mạnh cảm xúc và ý tưởng sáng tạo, cấp Trung học phổ thông phát triển công dân toàn cầu có suy nghĩ sáng tạo [13].

Đánh giá chung về các công trình nghiên cứu ngoài nước có liên quan đến vấn đề nghiên cứu của đề tài cho thấy: Vấn đề giao tiếp và phát triển kỹ năng giao tiếp đã được nghiên cứu sâu ở nhiều tầng bậc với các nhóm đối tượng khác nhau. Phương tiện để giáo dục nội dung này cũng được khai thác với nhiều góc độ đa dạng: ngôn ngữ, ứng xử của cha mẹ; truyền thống gia đình; phong tục, tập quán, hệ thống các chuẩn mực xã hội được cung cấp bởi thầy cô giáo trong nhà trường... Các cách thức nghiên cứu trên mặc dù đã tạo ra những giá trị nhất định song đó là những công trình đã được tiến hành từ rất lâu nên cách tiếp cận mới trong giáo dục chưa được thể hiện. Cũng bởi định hướng nghiên cứu khác nên việc đưa một nhóm học sinh thiểu số vào những trải nghiệm có chủ đích để tập trung vào phát triển kỹ năng giao tiếp chưa được các tác giả quan tâm.

Nội dung tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo đã có nhiều quốc gia quan tâm và được tổ chức bằng nhiều cách thức với yêu cầu khác nhau song cách tiếp cận chung khi đưa người học vào các hoạt động trải nghiệm ở các quốc gia đều hướng vào việc gắn những hiểu biết, kỹ năng của các em với thực tiễn cuộc sống giúp các em vững vàng làm chủ cuộc sống của bản thân. Trên thực tế đặc điểm dân tộc của mỗi quốc gia là khác nhau nên cách tiếp cận trong giáo dục các nhóm học sinh khác nhau không đồng nhất. Tuy nhiên có thể thấy rằng, việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm để phát triển kỹ năng giao tiếp của một nhóm học sinh thiểu số hiện chưa có bất kỳ công trình nào trên thế giới nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống.

### ***1.1.2. Nghiên cứu ở Việt Nam***

#### ***1.1.2.1. Những nghiên cứu về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp***

Ở nước ta, đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về vấn đề giao tiếp dưới góc độ tâm lý học.

Bắt đầu từ những năm 80 của thế kỷ trước, có nhiều bài viết và công trình nghiên cứu của các nhà tâm lý học Việt Nam như Phạm Minh Hạc, Trần Trọng Thủy, Ngô Công Hoàn, Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Lê.... được công bố, in ấn, xuất bản và áp dụng trong giáo dục, trong cuộc sống. Nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp sư phạm của sinh viên dưới góc độ Tâm lý học, tác giả Hoàng Anh đã đề xuất quy trình rèn luyện kỹ năng sư phạm cho sinh viên các trường Sư phạm (Hoàng Thị Anh, “Kỹ năng giao tiếp sư phạm của sinh viên”, 1992). Tác giả Lưu Thu Thủy (“Quy trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa với bạn cùng lứa tuổi cho học sinh các lớp 4,5 trường THCS”, 1995) đã nghiên cứu quy trình giáo dục



hành vi giao tiếp có văn hóa với bạn cùng lứa tuổi cho học sinh lớp 4, lớp 5 trường THCS. Tác giả đã nghiên cứu hành vi giao tiếp có văn hóa của học sinh dưới hai góc độ: Các nét tính cách bộc lộ qua giao tiếp và các kỹ năng giao tiếp của học sinh; thiết kế quy trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 4, lớp 5 trong phạm vi trường học. Tuy nhiên, những hành vi giao tiếp bên ngoài trường học của học sinh chưa được quan tâm, nghiên cứu. Đây là khoảng trống bởi hành vi của người học không chỉ được thể hiện ở trong nhà trường mà nó còn được thể hiện ở gia đình và ngoài xã hội. Cùng chủ đề nghiên cứu về giao tiếp ở lứa tuổi học sinh, tác giả Hoàng Thị Phương (“Một số biện pháp giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho trẻ 5 - 6 tuổi”, 2003) nghiên cứu một số biện pháp giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho trẻ 5 đến 6 tuổi, giao tiếp được khai thác dưới góc độ hành vi văn hóa sơ đẳng nhưng là cơ bản, phổ biến, đặc trưng cho lứa tuổi mẫu giáo lớn. Đó là những kỹ năng mang tính nền tảng làm cơ sở để GD và phát triển sau này cho trẻ thơ ở tuổi học THCS. Nghiên cứu về đề tài "Một số đặc điểm giao tiếp của học sinh phổ thông dân tộc nội trú khu vực Đông Bắc Việt Nam" (2005), tác giả Phùng Thị Hằng đã khai thác khái niệm giao tiếp dưới góc độ nhu cầu giao tiếp, nội dung giao tiếp, phạm vi giao tiếp, đối tượng và cách sử dụng phương tiện giao tiếp của học sinh phổ thông [27]. Tuy nhiên, trong phạm vi đề tài, nhu cầu giao tiếp, nội dung giao tiếp, phạm vi giao tiếp của học sinh dân tộc được thể hiện bằng kỹ năng hành vi như thế nào chưa được khai thác. Tập thể tác giả do tác giả Nguyễn Hữu Độ chủ biên đã biên soạn tài liệu giáo dục nếp sống thanh lịch - văn minh cho HS Hà Nội và đã thí điểm đối với HS lớp 5 qua thực hiện các kỹ năng giao tiếp ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, nhà trường và xã hội. Đây là một tài liệu có tính thực tiễn trong giáo dục kỹ năng giao tiếp cho HS THCS tại Hà Nội (“Giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh Hà Nội”, 2010). Tác giả Bùi Thị Phương đã tiến hành nghiên cứu kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người dân tộc Tày, đồng thời chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của các em trong đề tài “Kỹ năng giao tiếp của học sinh trung học cơ sở người dân tộc Tày ở tỉnh Bắc Kạn”.

Từ những nghiên cứu nêu trên có thể thấy rằng, cho tới nay vấn đề kỹ năng giao tiếp và phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc thiểu số vẫn còn là khoảng trống ít được quan tâm nghiên cứu. Do đó, việc nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp và việc tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS người dân tộc thiểu số là một yêu cầu khách quan và cần thiết, đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn giáo dục miền núi.

### *1.1.2.2. Nghiên cứu về giáo dục thông qua trải nghiệm của học sinh*

Giáo dục thông qua trải nghiệm là tên gọi mới song không phải là một tư tưởng mới trong giáo dục. Nguyên lí giáo dục của Việt Nam đã khẳng định tư tưởng “hoạt động giáo dục phải thực hiện theo nguyên lí học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lí luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và xã hội”. Điều đó cho thấy chúng ta đã khẳng định được vai trò của những trải nghiệm thực tế đối với quá trình giáo dục học sinh.

Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một cách tiếp cận hiện đại trong chương trình giáo dục phổ thông. Thực hiện Nghị quyết số 29 - NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam. Xu hướng đổi mới chương trình là giảm kiến thức hàn lâm, lý thuyết và tăng tính thực tiễn, tổ chức hoạt động học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội. Ở bậc THCS, hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm tập trung hình thành cho học sinh thói quen tự giải quyết, tự làm những công việc hàng ngày của bản thân trong học tập, lao động và sinh hoạt, tìm hiểu về định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Những công trình nghiên cứu cụ thể về hoạt động trải nghiệm sáng tạo (theo dự thảo chương trình năm 2015) và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (theo chương trình phổ thông năm 2017) trong trường phổ thông có thể đến các luận văn và luận án khá phong phú [10]. Ngoài ra còn có các công trình nghiên cứu chuyên sâu về tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường phổ thông như: Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông do tác giả Nguyễn Thị Liên chủ biên; Kỹ năng xây dựng và tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường THCS của các tác giả Nguyễn Thúy Hồng, Đinh Thị Kim Thoa, Nguyễn Văn Hiền, Trần Văn Tính, Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hồng Đào...

Hoạt động trải nghiệm sáng tạo được tổ chức linh hoạt phù hợp với các đặc điểm riêng của từng nhóm học sinh rất có ưu thế trong việc phát triển toàn diện các năng lực của học sinh. Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo này để phát triển kỹ năng giao tiếp là một hướng đi mới chưa có công trình nghiên cứu nào, đặc biệt điều đó còn có ý nghĩa hơn khi gắn với nhóm học sinh người dân tộc thiểu số tại các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc nước ta.

Đánh giá chung: Nhìn chung, những vấn đề lý luận về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp của học sinh; vấn đề tìm kiếm các biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho

học sinh đã được đề cập tới trong các công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài, trong đó có thể tìm thấy các khía cạnh liên quan đến kỹ năng giao tiếp của học sinh dân tộc thiểu số. Ở Việt Nam, những nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của học sinh DTTS còn rất ít ỏi. Vấn đề kỹ năng giao tiếp của học sinh DTTS ở từng cấp học, bậc học, vấn đề phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh DTTS chỉ được đề cập đến trong một số ít bài báo khoa học, luận văn, luận án tiến sĩ.... Việc sử dụng các hoạt động trải nghiệm để phát triển và hoàn thiện kỹ năng giao tiếp cho học sinh người dân tộc thiểu số thực sự là vấn đề nghiên cứu mới mẻ và có tính thực tiễn. Do đó, vấn đề này cần được đi sâu nghiên cứu để góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho học sinh DTTS nói chung, học sinh THCS người DTTS nói riêng, góp phần vào chiến lược phát triển con người ở các tỉnh miền núi phía Bắc và cả nước.

## **1.2. Một số khái niệm cơ bản của đề tài**

### ***1.2.1. Giao tiếp***

Giao tiếp là một phương thức tiếp xúc giữa con người với nhau thông qua ngôn ngữ. Trong hoạt động sống của con người giao tiếp quyết định rất lớn đến khả năng thành công của con người.

Giao tiếp được hiểu là quá trình tiếp xúc tâm lí giữa con người với con người nhằm trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, nhận thức, ảnh hưởng và điều chỉnh lẫn nhau.

Giao tiếp đối với lứa tuổi học sinh THCS đặc biệt là nhóm học sinh người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía bắc có những đặc điểm riêng do ảnh hưởng bởi các điều kiện sống, sinh hoạt và học tập.

### ***1.2.2. Kỹ năng, kỹ năng giao tiếp***

Khái niệm kỹ năng được đề cập trong nhiều tài liệu khác nhau, có thể kể đến một số khái niệm như sau: Kỹ năng là hệ thống các thao tác giúp có người có thể làm việc thành thực trong các lĩnh vực hoạt động nhất định. Kỹ năng là tổ hợp các thuộc tính đem lại hiệu quả hoạt động cao. Trong thực tiễn hoạt động dạy học và giáo dục kỹ năng cũng là một trong những mục tiêu mà giáo dục hướng tới. Mặc dù mỗi tác giả có cách biện luận riêng song nhìn chung kỹ năng được hiểu chung nhất là “kỹ năng là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm của bản thân và các thao tác phù hợp với điều kiện thực tiễn của hoạt động để thực hiện có hiệu quả hoạt động đó”.

Giao tiếp là một hoạt động cơ bản của con người gắn liền với sự tồn tại và phát triển toàn diện nhân cách của cá nhân. Hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp là một công việc khó khăn đòi hỏi nhà giáo dục phải bỏ nhiều thời gian và công sức.

Kỹ năng giao tiếp là những thao tác giao tiếp có hiệu quả của các cá nhân với nhau trong các hoạt động sống, học tập và làm việc.

*Kỹ năng giao tiếp là sự vận dụng tri thức kinh nghiệm của cá nhân vào trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả các mục đích giao tiếp đề ra.*

### **1.2.3. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp là một khái niệm mới được xác định trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2017. Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp là sự phát triển của hoạt động trải nghiệm ở THCS với ý nghĩa định hướng nghề nghiệp cho học sinh từ bậc THCS. Ở bậc THCS, chương trình tập trung nhiều hơn vào các hoạt động xã hội, hoạt động phục vụ cộng đồng và bắt đầu đẩy mạnh các hoạt động hướng nghiệp. Tuy nhiên hoạt động phát triển cá nhân, hoạt động lao động vẫn được tiếp tục triển khai để hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực của học sinh [10].

Hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục trong đó nội dung và cách thức tổ chức tổ chức tạo điều kiện cho từng học sinh được tham gia trực tiếp và làm chủ thể của hoạt động, tự lên kế hoạch, chủ động xây dựng chiến lược hành động cho bản thân và cho nhóm để hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực cần có của công dân trong xã hội hiện đại, qua hoạt động học sinh phát huy khả năng sáng tạo để thích ứng và tạo ra cái mới, giá trị cho cá nhân và cộng đồng.

Nếu quan điểm hoạt động trải nghiệm là một hình thức tổ chức hoạt động - “cách” thì có thể hiểu: Hoạt động trải nghiệm là một trong số những hình thức dạy học, giáo dục, để tổ chức các hoạt động giáo dục (hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục), mà học sinh được tham gia trực tiếp để chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng, kỹ xảo hình thành và phát triển năng lực của bản thân”.

Mục tiêu của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở THCS là giúp học sinh tiếp tục củng cố và phát triển các kỹ năng sống cơ bản, thói quen tích cực, nề nếp học tập, hành vi ứng xử văn hóa ở THCS. Ở THCS, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tập trung hơn vào phát triển phẩm chất, trách nhiệm của cá nhân: trách nhiệm trong học tập, trách nhiệm với gia đình, cộng đồng; giúp học sinh hình thành

năng lực tự đánh giá và tự điều chỉnh, năng lực giải quyết vấn đề, hình thành các giá trị của cá nhân; tham gia tích cực các hoạt động lao động; tham gia phục vụ cộng đồng phù hợp với lứa tuổi; biết tổ chức công việc một cách khoa học; có hứng thú, hiểu biết về một số lĩnh vực nghề nghiệp, xây dựng được kế hoạch học tập hướng nghiệp và có ý thức rèn luyện những phẩm chất cần có của người lao động tương lai [37].

#### ***1.2.4. Phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp***

Hoạt động trải nghiệm cùng với các môn khoa học khác được coi là một phương pháp học của học sinh, làm tăng giá trị bản thân cho người học. Đó là một quá trình trong đó chủ thể trực tiếp tham gia vào các hình hoạt động và giao lưu phong phú, đa dạng, học sinh tự biến đổi mình, tự làm phong phú mình bằng cách thu lượm và xử lý thông tin từ môi trường xung quanh. Quan niệm này làm vai trò của người thầy phải thay đổi: hỗ trợ, hướng dẫn, trọng tài, cố vấn nhằm phát huy cao độ tính năng động chủ quan của người học.

Hoạt động trải nghiệm giúp học sinh trong quá trình trải nghiệm thể hiện được giá trị bản thân, thiết lập được mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể, với các cá nhân khác, với môi trường học và môi trường sống. Đây chính là điều kiện cho việc phát triển và ngày càng hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp cho học sinh.

Môi trường học tập tương tác trong đó có sự gắn kết nhận thức với cảm xúc xã hội và hành vi của người học trong những tình huống học tập sống động. Quá trình học tập được diễn ra sôi động và có ý nghĩa trong môi trường học tập, có sự tương tác, người học có thể học tập lẫn nhau, người này có thể học tập kinh nghiệm của người khác, giá trị của mỗi cá nhân đều được thể hiện và được điều chỉnh để thích ứng và điều phối với nhau, với môi trường học.

Trong quá trình học trải nghiệm và hoạt động, một lượng lớn thông tin có thể truyền đạt qua lại với nhau, hoạt động trải nghiệm sáng tạo giúp học sinh tăng cường sự hiểu biết và tiếp thu các giá trị truyền thống của dân tộc và những giá trị tốt đẹp của nhân loại. Mặt khác nó cũng là cơ sở giúp học sinh củng cố các kỹ năng đã có đồng thời tiếp tục rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp, ứng xử...

Do đó có thể hiểu phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là việc tạo ra các điều kiện (như môi trường, nội dung, cách thức và phương tiện giao tiếp) làm chuyển đổi hệ thống các kỹ năng giao tiếp của học sinh theo hướng ngày càng thành thực, nhuần

nhuyễn, phong phú thêm và phát huy hiệu quả cao trong quá trình giao tiếp của học sinh với các đối tượng trong quan hệ giao tiếp.

Để khai thác được các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường trở thành phương tiện để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh, nhà giáo dục cần đo được các mức độ của kỹ năng giao tiếp hiện có. Trên cơ sở đó, có thể lựa chọn hoặc thiết kế các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sao cho phát huy tốt nhất những kỹ năng giao tiếp nền tảng đồng thời đưa các kỹ năng đó lên mức độ cao hơn.

### **1.3. Một số vấn đề cơ bản về phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

#### ***1.3.1. Đặc điểm tâm lý - giao tiếp của học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng***

Học sinh trung học cơ sở người dân tộc Tày - Nùng được đề cập trong đề tài là những học sinh cư trú chủ yếu tại các tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Cạn, đặc trưng của vùng miền núi phía Bắc nơi có số lượng lớn người dân tộc Tày, Nùng sinh sống là địa bàn đồi núi, giao thông khó khăn nên việc phát triển kinh tế gia đình còn nhiều hộ gặp khó khăn. Mặt khác do có nhiều thói quen sinh hoạt hoặc những tập tục lâu đời (ăn uống không hợp vệ sinh, ăn thực phẩm bị mốc, ôi thiu...), chưa mang tính khoa học nên nhìn chung thể trạng của học sinh phát triển chưa đồng đều, tỉ lệ học sinh thấp còi, học sinh suy dinh dưỡng vẫn còn cao ... Đặc điểm thể trạng trên cũng là nguyên nhân cơ bản làm cho hoạt động thần kinh của học sinh Tày, Nùng đôi khi có biểu hiện chậm hơn so với học sinh nhóm người Kinh trong khu vực. So với chuẩn chung về mặt thể trạng, nhìn chung học sinh người dân tộc Tày, Nùng trong độ tuổi THCS nhiều nơi còn thấp hơn chuẩn.

Người dân tộc Tày, Nùng có những nét nhân cách vô cùng tốt đẹp như: lòng yêu thương người, lòng vị tha, kính già yêu trẻ, coi trọng tình cảm, tình người, tình anh em. Chính từ lối sống theo truyền thống đó học sinh của hai dân tộc này cũng có nhiều nét tính cách tốt đẹp, các em rất coi trọng tình cảm, đặc biệt là tình bạn. Do đặc trưng tâm lý lứa tuổi các em rất dễ tìm bạn và kết bạn “tòng” - kết bạn thân. Tuy nhiên ở mỗi em nhu cầu kết bạn và khả năng kết bạn là khác nhau. Trong quan hệ tình cảm với bạn hay với mọi người các em rất coi trọng lời hứa, yêu ghét rõ ràng, có trách nhiệm với bạn. Tính cách giản dị và khá khép mình trong mọi mối quan hệ đặc biệt là các em rất ít được tiếp xúc với những môi trường xã hội ngoài bản, làng. Chính vì vậy các em gặp rất nhiều khó khăn trong những hoàn cảnh lạ lẫm và chưa biết cách giao tiếp cởi mở và có hiệu quả [27].

Môi trường sống chủ yếu của học sinh THCS người Tày - Nùng từ khi sinh ra là tại địa phương, với không gian núi rừng rộng rãi, tiếp xúc nhiều với thiên nhiên, cây cỏ muông thú nên nhận thức cảm tính của học sinh Tày - Nùng phát triển khá tốt, cảm giác, tri giác của các em có những nét độc đáo. Quá trình tri giác thường gắn liền với những hành động cụ thể trực tiếp, những ấn tượng trực quan như màu sắc, cường độ, âm thanh. Điều này có ảnh hưởng nhất định đến các hoạt động học tập và giáo dục của các em. Đặc điểm nổi bật trong tư duy của học sinh độ tuổi THCS người Tày, Nùng là thói quen lao động trí óc chưa bền, ngại suy nghĩ, động não, ngại đi sâu tìm hiểu nguyên nhân và ý nghĩa của sự vật hiện tượng. Ở nhiều em tưởng tượng còn nghèo nàn, khả năng tư duy trừu tượng - lôgic còn rất hạn chế, suy nghĩ đơn giản, một chiều, thiếu sâu sắc khi nhìn nhận vấn đề. Mặt khác do điều kiện kinh tế tự cung tự cấp, ít va chạm, ít tính phức tạp nên vốn sống, vốn hiểu biết của học sinh dân tộc Tày - Nùng trên địa bàn nghiên cứu còn hạn hẹp. Do vậy đối với học sinh Tày, Nùng vốn kinh nghiệm có sẵn cùng với xúc cảm gắn liền với các ấn tượng trực quan, “mắt thấy, tai nghe” có ảnh hưởng đến hiệu quả tư duy của các em. Đây cũng là một trong những điểm lưu ý và là cơ sở để nhà giáo dục tổ chức các hoạt động giáo dục trong đó có giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp sao cho phù hợp với cách suy nghĩ rất đặc trưng của nhóm học sinh dân tộc Tày, Nùng tại các tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Cạn

### ***1.3.2. Những vấn đề cơ bản về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp THCS***

*1.3.2.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đối với học sinh THCS thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (theo dự thảo chương trình phổ thông 2017)*

#### **\* Về phẩm chất**

Biết rung cảm với cảnh quan, di tích, truyền thống, thể hiện sự trân trọng, tự hào về truyền thống tốt đẹp của địa phương, đất nước

Nhận ra được ý nghĩa và giá trị của bản thân và những người xung quanh, quan tâm chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần cho bản thân và những người xung quanh, có hành vi văn hóa trong ứng xử với bản thân và mọi người.

Thể hiện trách nhiệm trong học tập và rèn luyện của bản thân và các công việc được giao, trách nhiệm với gia đình, trách nhiệm với cộng đồng và môi trường.

Trung thực với bản thân, người khác và trong công việc.

Chăm chỉ, tự giác trong học tập, lao động và rèn luyện

\* Về năng lực

*Năng lực thích ứng với cuộc sống:* được thể hiện bằng các biểu hiện như biết tự thực hiện những công việc hàng ngày của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; Chủ động thiết lập và gìn giữ các mối quan hệ với bạn bè thầy cô và những người xung quanh; Nhận diện được cảm xúc của bản thân và của người khác, chỉ ra được điểm mạnh và điểm hạn chế của bản thân và thể hiện được sự chủ động trong điều chỉnh bản thân để phù hợp với hoàn cảnh luôn thay đổi; Vận dụng được những hiểu biết về quyền và nhu cầu chính đáng của bản thân để tự bảo vệ mình; Sẵn sàng bước vào môi trường học tập mới ở THPT hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

*Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:* được thể hiện ở những biểu hiện như xây dựng được mục tiêu, lập được kế hoạch hoạt động, thiết kế được các hoạt động hướng đến mục tiêu, đóng góp công sức vào hoạt động chung và kết hợp được với người khác để hoàn thành công việc; Nêu mặt được, mặt thiếu sót của cá nhân cũng như cả nhóm và rút ra được kinh nghiệm từ sự hợp tác; Biết đánh giá kết quả hoạt động và rèn luyện của bản thân sau hoạt động; Biết lắng nghe, chia sẻ và hỗ trợ bạn cùng thực hiện nhiệm vụ nhóm; Xử lý được một số tình huống nảy sinh trong hoạt động và các mối quan hệ, biết điều hành, tổ chức hoạt động nhóm; Đề xuất và thực hiện được các giải pháp khác nhau cho vấn đề cần giải quyết, đánh giá được hiệu quả của các giải pháp đã thực hiện và rút ra được một số bài học kinh nghiệm trong giải quyết vấn đề [37].

*Năng lực định hướng nghề nghiệp:* được thể hiện ở những biểu hiện sau: Giới thiệu được một số công việc, nghề truyền thống của địa phương và một số nghề phổ biến ở Việt Nam; Chỉ ra được vai trò kinh tế của một số nghề quen thuộc đối với xã hội; Phân tích được một số thông tin chính về các nghề mà cá nhân quan tâm; Chỉ ra được một số điểm mạnh, điểm yếu, sở thích và khả năng có liên quan đến nghề nào đó và bước đầu có ý thức rèn luyện một số năng lực và phẩm chất cần có của người lao động; Lựa chọn được hướng đi phù hợp của bản thân khi kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản, lập được kế hoạch học tập và rèn luyện phù hợp với hướng đi đã chọn .

#### *1.3.2.2. Các nhóm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức trong trường THCS*

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường THCS theo chương trình phổ thông năm 2017 hướng vào 4 nhóm hoạt động phát triển đồng tâm qua các lớp học từ 6 đến 9 ở trường THCS [10], [13]. Các nhóm hoạt động cụ thể bao gồm:



\* *Hoạt động phát triển cá nhân*: bao gồm các hoạt động

Hoạt động tìm hiểu, khám phá bản thân

Hoạt động rèn luyện nề nếp, thói quen, tính tuân thủ, trách nhiệm, ý chí vượt khó

Hoạt động phát triển các mối quan hệ trong gia đình, nhà trường và xã hội

\* *Hoạt động lao động*: bao gồm các hoạt động

Hoạt động lao động ở nhà

Hoạt động lao động ở trường

Hoạt động lao động tại địa phương

\* *Hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng*: bao gồm các hoạt động

Hoạt động giáo dục truyền thống, tư tưởng, đạo đức

Hoạt động văn hóa, giáo dục, hữu nghị và hợp tác

Hoạt động tìm hiểu phong cảnh, di tích lịch sử - văn hóa của địa phương và đất nước

Hoạt động tình nguyện/nhân đạo và hoạt động giáo dục các vấn đề xã hội, vấn đề thời sự

\* *Hoạt động giáo dục hướng nghiệp*: bao gồm các hoạt động

Hoạt động tìm hiểu, trải nghiệm thế giới nghề nghiệp

Hoạt động đánh giá, rèn luyện phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp với nhóm nghề.

### ***1.3.3. Ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng***

i) Làm nảy sinh nhu cầu giao tiếp ở học sinh THCS người Tày, Nùng

Học sinh THCS người Tày, Nùng phần lớn với bản tính rụt rè, nhút nhát, ngại va chạm là một cản trở lớn đối với hoạt động giao tiếp của các em. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thiết kế trở thành nội dung bắt buộc trong nhà trường là một điều kiện thuận lợi nảy sinh các thành phần của hoạt động giao tiếp. Với 4 nhóm hoạt động tác động lên mọi mặt hoạt động của một cá nhân chính là môi trường cho sự thể nghiệm các kỹ năng giao tiếp của học sinh, rèn luyện để các kỹ năng đó ngày một phát triển.

Khi học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm, các em phải tiến hành hành động giao tiếp, mỗi cá nhân phải có sự tác động qua lại với nhau bởi phương tiện ngôn ngữ (lời nói hay chữ viết) hoặc phương tiện phi ngôn ngữ (nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ...). Để có thể tác động qua lại với nhau, các em phải tiếp cận với nhau, tri giác lẫn nhau, nhìn thấy nhau và nghe được tiếng nói của đôi bên, cảm nhận được hành vi, cử chỉ thông qua ánh nhìn, cái ôm, cái bắt tay. Trong trường hợp không gặp mặt thì việc giao tiếp vẫn diễn ra để thỏa mãn nhu cầu trao đổi thông tin bằng phương tiện thư từ, điện thoại... Nội dung trong những câu chuyện của học sinh xuất phát từ nhu cầu giao tiếp với người khác thông qua một sự ràng buộc bằng hành động. Sự ràng buộc này được tạo ra bởi các yêu cầu đặt ra cho các nhóm trong hoạt động trải nghiệm được tổ chức. Trong quá trình tiếp xúc, nhu cầu giao tiếp ở mỗi học sinh bộc lộ chẳng hạn như: mong muốn được trò chuyện, được chia sẻ với những người xung quanh, mong muốn có bạn thân thiết, muốn cảm nhận được niềm vui hay nỗi buồn, sự yêu thương hay tức giận của người mình đang đối thoại. Nhu cầu giao tiếp là cội nguồn khơi gợi tính tích cực giao tiếp của cá nhân. Đây chính là cơ sở để hình thành nên các mối quan hệ xã hội phong phú và đa dạng trong cuộc sống của con người. Việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm đa dạng với các hoạt động tìm hiểu, giao lưu, khám phá, vui chơi, lao động... giúp học sinh chiếm lĩnh được các phương thức mới làm nảy sinh các nội dung mới và làm đa dạng nhu cầu giao tiếp của học sinh. Khi nảy sinh nhu cầu học sinh người Tày, Nùng muốn giao tiếp nhiều hơn, khi mối quan hệ càng mở rộng, nhu cầu giao tiếp tiếp tục gia tăng. Sự mở rộng các mối quan hệ dẫn đến sự biến đổi về nhu cầu giao tiếp không ngừng tăng lên ở học sinh THCS. Chính trong quá trình đó các kỹ năng giao tiếp của cá nhân được rèn luyện và phát triển, học sinh sẽ rút ra được những bài học kinh nghiệm để giao tiếp sao cho có hiệu quả hơn trong các mối quan hệ giao tiếp.

#### ii) Đa dạng hóa nội dung giao tiếp

Nội dung giao tiếp thường gắn liền với nội dung hoạt động có sự tham gia của chủ thể giao tiếp. Nội dung giao tiếp là một mặt quan trọng trong quá trình giao tiếp giữa con người với con người. Ở bất kỳ quá trình giao tiếp nào đều tồn tại một nội dung giao tiếp nhất định.

Trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở bậc THCS, học sinh người Tày, Nùng được tham gia các nhóm hoạt động, mỗi nhóm hoạt động sẽ cung cấp cho các em các chất liệu để làm nên nội dung giao tiếp.

Nhóm 1: Hoạt động phát triển bản thân: học sinh cần thiết lập được mối quan hệ với cha mẹ, anh chị em, bạn bè, ông bà, những người xung quanh, học sinh xác định được vai trò của bản thân trong các mối quan hệ đó. Ở nhà phương tiện giao tiếp chủ yếu của học sinh là tiếng Tày, tiếng Nùng. Khi tham gia hoạt động học tập tại trường, học sinh giao tiếp với thầy cô và bạn bè bằng tiếng Việt. Nhờ vậy, học sinh không chỉ mở rộng nội dung giao tiếp mà còn có điều kiện để phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và lời nói trong giao tiếp.

Nhóm 2: Hoạt động lao động: bắt nguồn từ việc thỏa thuận những quy tắc trong hoạt động lao động ở cả 3 môi trường là gia đình, nhà trường và địa phương. Học sinh được thâm nhập vào hoạt động với tư cách là chủ thể của hoạt động giao tiếp sẽ rèn luyện được sự tự tin và kỹ năng trình bày trước đối tượng giao tiếp (có thể 1 hoặc nhiều người).

Nhóm 3: Hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng: trong các nhóm hoạt động, nhóm hoạt động này giúp học sinh người Tày, Nùng được thể nghiệm nội dung giao tiếp đa dạng và phong phú nhất. Đây là hoạt động giúp khắc phục những hạn chế trong hoạt động giao tiếp của học sinh THCS là sự nghèo nàn về nội dung giao tiếp. Từ khi sinh ra, lớn lên và tham gia học tập tại trường mầm non, THCS, học sinh chưa có nhiều cơ hội để trải nghiệm các hoạt động kể trên do hạn chế về độ tuổi và thiếu thuận lợi từ điều kiện môi trường sống và học tập. Nội dung giao tiếp thông qua những hoạt động mới như hoạt động tình nguyện, nhân đạo, giao lưu văn hóa, hữu nghị hợp tác góp phần thay đổi rõ nét các mối quan hệ giao tiếp và các nội dung giao tiếp của học sinh.

### iii) Mở rộng đối tượng và phạm vi giao tiếp

Học sinh THCS người Tày, Nùng sẽ được tham gia vào các mối quan hệ giao tiếp đa dạng hơn từ bạn cùng xóm, bạn khác xóm, bạn cùng trường, bạn khác trường, bạn cùng độ tuổi, bạn không cùng độ tuổi, bạn trong câu lạc, bạn cùng tham gia một hoạt động, một chiến dịch...nhờ thông qua các hoạt động trải nghiệm. Thông qua những hoạt động có tính liên kết với nhiều đối tượng giao tiếp khác nhau là điều kiện thuận lợi để cá nhân thiết lập những mối quan hệ mới với những đối tượng giao tiếp mới (bạn của bạn). Tuy nhiên trong từng hoạt động cụ thể cá nhân sẽ có những mối quan hệ tương ứng, tính chất của các mối quan hệ này cũng có sự khác nhau (thường xuyên hay không thường xuyên, thân thiết hay chỉ là quan hệ giao tiếp mang tính chất xã giao...)

Phạm vi giao tiếp là khoảng được giới hạn về quan hệ giao tiếp của chủ thể, bao gồm phạm vi không gian (bạn xa hay bạn gần); đối tượng mà chủ thể giao tiếp nhiều hay ít, đa dạng hay hạn hẹp, ít ỏi. Học sinh bước vào bậc THCS có nhu cầu mở rộng các mối quan hệ giao tiếp, để thỏa mãn nhu cầu này học sinh có xu hướng mở rộng mối quan hệ bạn bè trong và ngoài trường, cùng giới và khác giới... Phạm vi giao tiếp có liên quan đến một số đặc điểm tâm lý khác như sự thích nghi, khả năng giao tiếp, khả năng chinh phục... đây chính là những yếu tố cần được quan tâm thúc đẩy đối với nhóm học sinh THCS người Tày, Nùng. Khi tham gia hoạt động trải nghiệm, giao tiếp của học sinh không chỉ trong nhà trường mà còn với các tổ chức tham gia hoạt động, những nơi các em được đến trải nghiệm, phạm vi giao tiếp không ngừng được mở rộng.

#### iv) Rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ giao tiếp

Để giao tiếp, con người có thể sử dụng nhiều loại phương tiện giao tiếp khác nhau song chủ yếu là phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Ngôn ngữ là một hệ thống từ, ngữ, quy tắc liên kết chúng thành câu trọn vẹn có nghĩa để giao tiếp. Đối với học sinh THCS người Tày, Nùng ngôn ngữ chủ yếu được dùng trong gia đình là tiếng mẹ đẻ, đến trường các em giao tiếp chủ yếu bằng tiếng Việt. Do đó, việc giao tiếp bằng ngôn ngữ của nhóm học sinh này có sự giao thoa giữa tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt, điều này được thể hiện qua cách phát âm, cách sử dụng từ, cách diễn đạt.

Tham gia các hoạt động trải nghiệm, học sinh được tiếp xúc với nhiều người, mỗi người sử dụng ngôn ngữ ở các mức độ khác nhau sẽ giúp các em học hỏi được cách giao tiếp sao cho đạt được hiệu quả, tạo được sự đồng thuận, ủng hộ và đáp lại của người đối thoại.

Do đặc điểm tâm lý đặc trưng, khả năng sử dụng ngôn ngữ của học sinh THCS người Tày, Nùng mang tính thuần nhất, thiếu sự tinh tế và chau chuốt về cách dùng từ ngữ. Chính nhờ các mối quan hệ giao tiếp đa dạng các em học tập và dần dần tạo lập được thói quen sử dụng từ ngữ chau chuốt, giàu hình ảnh và tinh tế hơn.

#### ***1.3.4. Những yêu cầu đối với việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường THCS có đa số học sinh là người dân tộc Tày, Nùng để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh***

i) Hệ thống hóa được các kỹ năng giao tiếp cần phát triển ở học sinh THCS người Tày, Nùng

Có nhiều cách phân chia kỹ năng giao tiếp trong các công trình nghiên cứu trước đây, tuy nhiên trong cách tiếp cận nghiên cứu đề tài này, chúng tôi chia kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người Tày, Nùng thành 3 nhóm sau:

*Nhóm thứ nhất: Kỹ năng thiết lập các mối quan hệ*

Kỹ năng chào hỏi

Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi

Kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp

Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị

Kỹ năng từ chối lời yêu cầu, đề nghị của người khác

*Nhóm thứ hai: Kỹ năng giải quyết vấn đề*

Kỹ năng phản hồi

Kỹ năng chia sẻ

Kỹ năng xử lý tình huống

Kỹ năng thuyết trình trước đám đông

Kỹ năng làm việc nhóm

Kỹ năng thuyết phục

Kỹ năng lắng nghe

*Nhóm thứ 3: Kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp*

Kỹ năng diễn đạt

Kỹ năng thương lượng

Kỹ năng giao tiếp qua ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ

ii) Mức độ kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người Tày, Nùng

\* Để xác định các mức độ giao tiếp của học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng trên địa bàn nghiên cứu, chúng tôi tiếp cận xác định các biểu hiện theo các thành phần của hoạt động giao tiếp bao gồm: Nhu cầu giao tiếp; Đối tượng giao tiếp; Phạm vi giao tiếp; nội dung giao tiếp; Cách sử dụng phương tiện giao tiếp. Tuy nhiên cách liệt kê các biểu hiện chỉ mang tính chất tương đối, tùy vào từng đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp cùng với các điều kiện khác mới có thể đo được biểu hiện chính xác về mức độ giao tiếp của học sinh THCS người Tày, Nùng trên địa bàn nghiên cứu.

Các mức độ được mô tả biểu hiện thao các thang bậc như sau:

<b>Thành phần</b> <b>Mức độ</b>	<b>Nhu cầu</b> <b>giao tiếp</b>	<b>Đối tượng,</b> <b>Phạm vi</b> <b>giao tiếp</b>	<b>Nội dung</b> <b>giao tiếp</b>	<b>Cách sử dụng</b> <b>phương tiện</b> <b>GT</b>
<b>Yếu</b>	Không muốn giao tiếp với ai, thu mình trong mọi hoạt động	Chỉ giao tiếp với bố mẹ và một hoặc hai bạn trong lớp; không có bạn ngoài lớp, ngoài trường, hiếm khi nói chuyện với thầy cô giáo.	Chỉ nói việc cần thiết như hỏi đồ đạc để ở đâu, hỏi ý kiến bố mẹ cho phép làm việc gì, chỉ hỏi bạn khi mượn đồ dùng học tập hoặc nhờ vả 1 việc mang tính bắt buộc	Rất khó khăn khi tìm một từ để diễn tả ý định của mình.  Không biết thể hiện thái độ của mình cho người khác hiểu.
<b>Trung bình</b>	Có nhu cầu trò chuyện với bố mẹ và 1 vài bạn trong lớp	Giao tiếp với bố mẹ, đôi khi nói chuyện với một vài bạn trong lớp; Thỉnh thoảng có trao đổi với thầy cô giáo	Trao đổi những vấn đề liên quan đến sinh hoạt trong gia đình và việc học tập với bạn cùng lớp.	Biết sử dụng từ ngữ diễn tả cho người đối thoại có thể hiểu được ý định của bản thân.  Biết bày tỏ thái độ khi không hài lòng, khi vui vẻ ít bộc lộ
<b>Khá</b>	Có mong muốn được trò chuyện với bố mẹ, ông bà, anh chị em, bạn cùng lớp	Thường xuyên trò chuyện với ông bà cha mẹ và người thân, có nhóm bạn thân và giao tiếp cởi mở với nhóm này, chủ động trong mối quan hệ với thầy cô giáo.	Tâm sự với bố mẹ cả những vấn đề có liên quan đến các mối quan hệ xung quanh mình.  Trao đổi tâm tình với nhóm bạn thân, giao lưu học tập với các bạn trong lớp  Thường xuyên trao đổi với giáo viên những vấn đề có liên quan đến học tập	Biết sử dụng từ ngữ để diễn đạt tương đối nhanh và rõ ý định mong muốn.  Biết bày tỏ buồn vui trong các mối quan hệ với bạn, biết nhìn nhận tâm trạng của người giao tiếp thông qua ánh mắt và nét mặt

Thành phần Mức độ	Nhu cầu giao tiếp	Đối tượng, Phạm vi giao tiếp	Nội dung giao tiếp	Cách sử dụng phương tiện GT
Tốt	<p>Thường xuyên có nhu cầu được trò chuyện với cha mẹ ông bà, hàng xóm cùng thôn, bản, làng</p> <p>Mong muốn được chia sẻ với bạn cùng lớp mọi việc, bắt đầu có sự mở rộng kết giao bạn bè</p>	<p>Thường xuyên trò chuyện với cha mẹ về mọi vấn đề của cuộc sống. Biết hỏi thăm và trò chuyện với hàng xóm, láng giềng.</p> <p>Có các mối quan hệ hòa nhã với các bạn trong lớp, kết giao với các bạn khác lớp, khác khối thông qua việc tham gia các hoạt động chung</p>	<p>Nội dung giao tiếp liên quan đến chuyện gia đình, chuyện ở trường và bước đầu biết đánh giá các hiện tượng trong đời sống xã hội.</p> <p>Thường xuyên trao đổi với thầy cô giáo về chuyện học tập, có tâm sự những câu chuyện liên quan đến các bạn trong lớp.</p>	<p>Diễn đạt lưu loát, biết biểu lộ cảm xúc, thái độ của bản thân trong các câu chuyện với người đối diện</p>
Rất tốt	<p>Có nhu cầu trò chuyện với cha mẹ và người thân hàng ngày.</p> <p>Có nhu cầu gặp gỡ với bạn bè trong trường, trong lớp và ngoài trường, ngoài lớp với các hoạt động đa dạng: vui chơi, tham quan, du lịch...</p>	<p>Rất thường xuyên tiếp xúc với hàng xóm, người xung quanh, giao tiếp cởi mở.</p> <p>Có nhiều mối quan hệ bạn bè trong và ngoài trường, có kết bạn phương xa.</p> <p>Tích cực tham gia các tổ, nhóm, CLB theo sở thích.</p>	<p>Phong phú, đa dạng về mọi mặt của cuộc sống như: sinh hoạt, học tập, vui chơi giải trí và thỏa mãn sở thích, đam mê riêng.</p> <p>Rất thường xuyên trò chuyện với các thầy cô về tất cả những vấn đề của cuộc sống: học tập, tình bạn, tình yêu, quan điểm sống, cách ứng xử...</p>	<p>Thể hiện được sự hoạt bát, diễn đạt trôi chảy, sử dụng từ ngữ phong phú, có sự trau chuốt và tinh tế trong cách trò chuyện.</p> <p>Bày tỏ rõ nét thái độ thông qua cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt. Nhận biết rõ thái độ của người đối diện dù không thể hiện bằng ngôn ngữ nói.</p>

\* Trên cơ sở xác định các biểu hiện mức độ giao tiếp của học sinh, chúng tôi phân chia mức độ kỹ năng giao tiếp của học sinh thành 5 mức tương ứng như trên là: Rất tốt, Tốt, Khá, Trung bình, Yếu. Các kỹ năng được dựa vào các biểu hiện ở bảng trên để xếp loại kỹ năng theo các mức độ phù hợp.

iii) Những yêu cầu trong việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh THCS người Tày, Nùng

- Hoạt động trải nghiệm cho học sinh THCS người Tày, Nùng cần cụ thể hóa được mục đích của hoạt động giúp cho GV, HS và phụ huynh học sinh để hiểu được vai trò và ý nghĩa của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

- Hoạt động trải nghiệm cần được thiết kế và tổ chức mang tính chất gắn gũi với các hoạt động sống, sinh hoạt hàng ngày của học sinh.

- Hoạt động trải nghiệm cần được thiết kế phù hợp với nội dung dạy học trong nhà trường và phát huy tối đa các điều kiện cơ sở vật chất hiện có của nhà trường THCS trên địa bàn nghiên cứu.

- Hoạt động trải nghiệm phải phát huy tối đa vai trò của tri thức bản địa và các giá trị văn hóa bản sắc đặc trưng của dân tộc Tày, Nùng trên địa bàn nghiên cứu.

- Hoạt động trải nghiệm cần được thiết kế và tổ chức nội dung rõ ràng, khoa học phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh THCS Tày, Nùng

- Hoạt động trải nghiệm được tổ chức cho học sinh THCS người Tày, Nùng phải huy động được sự tham gia của các lực lượng giáo dục: gia đình - nhà trường - xã hội trong quá trình tiến hành hoạt động.

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phải được thiết kế và tổ chức gắn với các lĩnh vực ngành nghề phổ biến tại khu vực và phù hợp với năng lực hiện có của học sinh.

### ***1.3.5. Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng***

#### ***1.3.5.1. Nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh***

Chương trình Hoạt động trải nghiệm trong chương trình phổ thông mới năm 2017 chia thành các nội dung hoạt động: Hoạt động phát triển cá nhân, Hoạt động lao động, Hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng, Hoạt động giáo dục hướng nghiệp. Bốn nội dung hoạt động này được thực hiện thông qua bốn loại hoạt động



chủ yếu: Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ. Dựa trên đặc điểm của học sinh THCS người Tày, Nùng và điều kiện giáo dục tại các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu, chúng tôi xác định các nhóm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp góp phần phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh như sau:

**Bảng 1.1. Ma trận các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS người Tày, Nùng**

Nhóm KN	Kỹ năng giao tiếp	Hoạt động phát triển cá nhân	Hoạt động lao động	Hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng	Hoạt động giáo dục hướng nghiệp
Nhóm 1	Kỹ năng chào hỏi	H	M	M	M
	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi	H	M	H	M
	Kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp	M	L	H	M
	Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị	H	H	H	M
	Kỹ năng từ chối lời yêu cầu, đề nghị của người khác	H	M	M	L
Nhóm 2	Kỹ năng phản hồi	M	H	H	M
	Kỹ năng chia sẻ	H	H	H	H
	Kỹ năng xử lý tình huống	H	M	M	M
	Kỹ năng thuyết trình trước đám đông	H	M	H	M
	Kỹ năng làm việc nhóm	M	H	H	H
	Kỹ năng thuyết phục	M	H	H	M
	Kỹ năng lắng nghe	M	H	H	H
Nhóm 3	Kỹ năng diễn đạt	M	H	H	M
	Kỹ năng thương lượng	M	H	H	M
	Kỹ năng giao tiếp qua ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ	M	L	M	M

Quy ước:

H (High): Mức độ phát triển cao

M (Medium): Mức độ phát triển trung bình

L (Low): Mức độ phát triển thấp

Nội dung các nhóm hoạt động trải nghiệm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng dựa vào hệ thống các hoạt động theo chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp cụ thể như sau:

Nhóm 1: Hoạt động phát triển cá nhân

*Khoa học, kỹ thuật:* Hoạt động thuộc lĩnh vực này giúp học sinh bước đầu tiếp cận với các ngành khoa học liên quan tới việc phát triển kỹ thuật và ứng dụng ứng dụng kiến thức các môn khoa học vào thực tiễn cuộc sống. Thông qua đó HS có thể tìm hiểu về khoa học theo các chuyên đề như: Môi trường tự nhiên, phương tiện cung cụ phục vụ đời sống sinh hoạt... Khi tham gia vào hoạt động này sẽ giúp các em áp dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống, làm quen với phương pháp, kỹ năng nghiên cứu khoa học,; tạo sự tự tin, tìm tòi và sáng tạo; rèn luyện cách làm việc tự lực, kỹ năng làm việc nhóm, tính tích cực, chủ động, hứng thú trong học tập và sinh hoạt.

*Văn hóa, nghệ thuật:* Lĩnh vực này bao gồm tri thức, lối sống, phong tục, tập quán, các giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo ra như: văn nghệ dân gian, hò vè, sân khấu, hội họa...Lĩnh vực này sẽ giúp HS tìm hiểu và khám phá về văn học, nghệ thuật bước đầu giúp các em phát hiện ra năng lực, tố chất, sở thích, khả năng của bản thân để có thể tham gia vào các hoạt động một cách tích cực và hứng thú. Các hoạt động có thể tổ chức như: Sinh hoạt văn nghệ; Đọc sách, báo, xem phim; Tham quan danh lam thắng cảnh; Sinh hoạt câu lạc bộ; Giáo dục di sản và giáo dục truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của quê hương, của dân tộc, những vấn đề về đạo đức, ứng xử... Thông qua các hoạt động này góp phần hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất nhân cách tốt đẹp như lòng yêu quê hương đất nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực có tinh thần trách nhiệm, các năng lực tự chủ và tự học; năng lực thẩm mỹ, hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề.

*Vui chơi, giải trí:* Đây là một trong các yếu tố để duy trì và phát triển các hoạt động phong trào, giúp học sinh được thư giãn sau những giờ học. Bao gồm các hoạt động như nghệ thuật, ca múa hát, kịch, tiểu phẩm, trò chơi giải trí...Bên cạnh đó còn chuyển tải những bài học về đạo đức, giá trị...đến với HS. Hoạt động này là phương tiện để giáo dục HS rất hiệu quả, có tác động mạnh mẽ đến nhiều lĩnh vực cần tiếp thu của HS, qua đây góp phần hình thành KNGT ứng xử và kỹ năng tự quản, kỹ năng phản hồi cho HS.

*Thể dục thể thao:* Đây là một lĩnh vực không thể thiếu của HĐ TNST, nó giúp HS nâng cao sức miễn dịch của cơ thể ngăn ngừa bệnh tật, đồng thời nâng cao sức khỏe, rèn luyện bản thân để học tập tốt hơn, rèn luyện cho HS tinh thần đoàn kết, kỹ năng hợp tác. ... Khi tham gia vào các hoạt động này giúp HS phát huy tính sáng tạo, giải tỏa căng thẳng, xây dựng sự tự tin, phát triển kỹ năng giao tiếp có hiệu quả trong nhóm đồng thời xây dựng được các mối quan hệ đa dạng và phong phú.

#### Nhóm 2: Hoạt động lao động

*Lao động vệ sinh xung quanh trường và lao động công ích:* Đây là hoạt động mà cá nhân đóng góp một phần sức lao động của mình để tham gia xây dựng, tu bổ các công trình công cộng nhằm duy trì, bảo tồn các công trình công cộng. Trong nhà trường thì loại hình lao động này được hiểu là sự đóng góp sức lao động của HS cho các công trình công cộng của nhà trường hoặc địa phương nơi HS sinh sống. Qua đó giúp HS hiểu được giá trị của lao động biết trân trọng sức lao động và có ý thức giữ gìn những công trình công cộng. Thông qua lao động công ích HS được rèn luyện các kỹ năng như: kỹ năng hợp tác, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác, kỹ năng diễn đạt, kỹ năng thể hiện cảm xúc, hành vi.

#### Nhóm 3: Hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng

*Chính trị - xã hội:* Là những hoạt động giúp học sinh tiếp cận với các vấn đề về chính trị, xã hội của cộng đồng, dân tộc, đất nước như: Các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị, xã hội, văn hóa trong và ngoài nước; Truyền thống tốt đẹp của nhà trường, địa phương; Các hoạt động kết nghĩa, giao lưu; Các hoạt động nhân đạo, từ thiện, tình nguyện từ đó giáo dục các giá trị cho học sinh như: tôn trọng, chia sẻ, cảm thông... Khi tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội sẽ giúp học sinh hình thành và phát triển thái độ, tình cảm, niềm tin trong sáng, rèn luyện kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng hợp tác, biểu đạt ý kiến, tôn trọng và lắng nghe để khẳng định bản thân trong cuộc sống của tập thể, cộng đồng.

#### Nhóm 4: Hoạt động giáo dục hướng nghiệp

*Định hướng nghề nghiệp:* Đây là nội dung quan trọng của HĐTN, thông qua đó HS có được trải nghiệm thực tiễn về nghề nghiệp, giúp các em có cơ sở để nhìn lại khả năng của bản thân để từ đó điều chỉnh việc chọn nghề cho phù hợp với năng

lực, nguyện vọng của bản thân và phù hợp với nhu cầu lao động của địa phương và xã hội... Các nội dung bao gồm: Làm quen với các ngành nghề truyền thống và những nghề cơ bản trong xã hội; Tìm hiểu xu hướng phát triển ngành nghề; Các yêu cầu của nghề; Thông qua các buổi sinh hoạt tập thể, hoạt động lao động sản xuất, câu lạc bộ hướng nghiệp và các hoạt động định hướng nghề nghiệp khác, HS được đánh giá và tự đánh giá về năng lực sở trường, hứng thú.. được rèn luyện phẩm chất và năng lực để thích ứng với nghề nghiệp tương lai, rèn luyện KNGT, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng làm việc nhóm.

#### *1.3.5.2. Hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp*

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở bậc THCS được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, mỗi hình thức hoạt động trên đều có ý nghĩa giáo dục nhất định. Thông qua các hình thức tổ chức đa dạng, phong phú, vấn đề giáo dục học sinh được thực hiện một cách tự nhiên, sinh động, nhẹ nhàng, hấp dẫn mà không gò bó, khô cứng phù hợp với đặc điểm sinh lý cũng như nhu cầu học sinh THCS. Trong quá trình thiết kế, tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, GV và HS đều có cơ hội thể hiện sự sáng tạo, chủ động, làm tăng thêm tính hấp dẫn, độc đáo của các hình thức tổ chức hoạt động.

- *Tổ chức các trò chơi:* Trò chơi là một loại hoạt động giải trí, thư giãn không thể thiếu trong cuộc sống của con người. Việc lựa chọn trò chơi phù hợp sẽ có tác dụng rất tích cực tới con người nói chung và đặc biệt đối với HS nói riêng. Muốn để cho trò chơi là một con đường học tập tích cực đòi hỏi phải có sự chọn lọc, tư duy của người GV trong cách lựa chọn trò chơi để tổ chức học tập trải nghiệm.

Trò chơi mang lại những thuận lợi trong quá trình tổ chức dạy học trải nghiệm rõ nét nhất là: việc phát huy tính sáng tạo, hấp dẫn và gây hứng thú cho học sinh, giúp học sinh dễ tiếp thu kiến thức, rèn luyện tác phong nhanh nhẹn... Một số trò chơi được sử dụng nhiều trong các trường phổ thông hiện nay như: trò chơi học tập, trò chơi vận động, trò chơi dân gian... Qua hoạt động này giúp HS phát triển các kỹ năng giao tiếp như: kỹ năng chia sẻ, kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm...

- *Tổ chức các cuộc thi:* Tổ chức các cuộc thi có thể trong nhà trường, lớp học hay ngoài không gian trường học. Nội dung cuộc thi rất phong phú và dễ lồng ghép trong các nội dung giáo dục nào. Tuy nhiên, yêu cầu đặt ra đối với mỗi cuộc thi đều phải mang ý nghĩa giáo dục nhất định. Cuộc thi có nhiều cách tổ chức dưới nhiều

hình thức khác nhau như: Thi giải ô chữ, đố vui về các địa danh trên đất nước ta, hội thi kể chuyện theo tranh về môi trường...

Mỗi hình thức có thể tổ chức với một chủ đề trong đó mang một hay nhiều nội dung giáo dục mà ở đó có sự gắn kết với nội dung chương trình cũng như phát triển kỹ năng giao tiếp như: Kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề..

- *Tổ chức các câu lạc bộ*: Đây là hình thức hoạt động ngoại khóa của một nhóm HS cùng sở thích, nhu cầu, năng khiếu...dưới định hướng của nhà GD nhằm tạo môi trường giao lưu thân thiện, tích cực giữa các HS với nhau và giữa HS với GV và những người trưởng thành khác.

Hoạt động câu lạc bộ đòi hỏi lịch sinh hoạt định kì và với các chủ đề thảo luận nghiên cứu khác nhau như: câu lạc bộ về biến đổi khí hậu, câu lạc bộ xanh, câu lạc bộ Toán học, Câu lạc bộ thơ, Câu lạc bộ văn nghệ...Việc thực hiện duy trì câu lạc bộ đòi hỏi có những nguyên tắc nhất định về: tinh thần, thời gian, địa điểm, sự công bằng, sự công hiến sáng tạo, tôn trọng, bình đẳng...Thông qua hình thức này giúp HS phát triển kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết phục; kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp...

- *Sinh hoạt tập thể*: Hình thức sinh hoạt tập thể là hình thức tổ chức quen thuộc diễn ra thường xuyên tại các trường học phổ thông. Đây là hình thức tổ chức có sự gắn kết cao, đồng thời cũng là yếu tố chính để duy trì và phát triển các phong trào và đoàn thể thanh thiếu niên. Qua đó giúp trẻ phát triển kỹ năng phản hồi; kỹ năng thuyết trình trước đám đông...Hiện nay chương trình phổ thông mới có đề cập đến các hoạt động sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, các hoạt động ngoại khóa khác. Ngoài ra hoạt động Đoàn TN, Đội TNTP HCM cũng có thể được tích hợp trong các hoạt động trải nghiệm sinh hoạt tập thể.

- *Lao động công ích*: Lao động công ích là hình thức hoạt động mang tính tập thể cao. Có thể được tổ chức trong khuôn viên nhà trường hoặc làng xóm như: Vệ sinh vườn trường, sân trường lớp học; vệ sinh đường làng ngõ xóm, trồng và chăm sóc vườn hoa, chăm sóc và bảo vệ di tích lịch sử, các công trình công cộng, di sản văn hóa... Thông qua hoạt động này giúp HS được rèn luyện kỹ năng hợp tác; kỹ năng diễn đạt; kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề; kỹ năng làm việc nhóm.

- *Tổ chức tham quan dã ngoại*: Đây là hình thức tổ chức học tập trải nghiệm hiệu quả nhất bởi tính hấp dẫn đối với học sinh. Địa điểm tham quan, dã ngoại mà hiện nay được các nhà trường phổ thông thường lựa chọn để tổ chức cho học sinh là

các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, nhà máy, xí nghiệp; tham quan các cơ sở sản xuất, làng nghề truyền thống, tham quan các viện bảo tàng. Mỗi hình thức lại gắn với một chủ đề giáo dục nhất định góp phần bổ sung kiến thức thực tiễn hoặc kỹ năng sống cần thiết cho học sinh. Qua hoạt động này giúp học sinh rèn luyện kỹ năng hợp tác; kỹ năng xử lý tình huống...

- *Diễn đàn*: Diễn đàn được tổ chức với quy mô khác nhau. Chủ đề của diễn đàn có thể xây dựng dựa trên nội dung các hoạt động GD, những nhu cầu, mong muốn của các em với thầy cô, bạn bè và các yêu cầu xã hội. Cũng từ đó phụ huynh, thầy cô giáo sẽ thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của học sinh để tìm ra những giải pháp phù hợp nhằm GD học sinh.

Với cách thức tổ chức diễn đàn như trên yêu cầu cần có sự đầu tư về thời gian, công sức của giáo viên - những người tổ chức. Bởi vậy giáo viên cần xây dựng chương trình cụ thể khoa học và có tính định hướng nhằm phát triển năng lực ở người học. Qua hình thức này giúp học sinh phát triển kỹ năng phản hồi; kỹ năng thuyết phục; kỹ năng chia sẻ...

- *Giao lưu*: Giao lưu có những đặc trưng riêng biệt khó hòa lẫn với các hình thức tổ chức khác. Đó là giao lưu phải có đối tượng là những nhân vật điển hình có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực nào đó thực sự là tấm gương sáng cho các em noi theo, phù hợp với hứng thú của HS, thu hút sự tham gia đông đảo của học sinh. Đồng thời, đòi hỏi sự trao đổi thông tin tình cảm chân thực những vấn đề cần thiết liên quan tới cuộc sống, sinh hoạt và học tập của các em. Từ đó giúp HS rèn luyện kỹ năng chia sẻ; kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị; kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm...

- *Tổ chức sự kiện*: Các hình thức tổ chức sự kiện quen thuộc trong nhiều nhà trường phổ thông như: Lễ tốt nghiệp, lễ vinh danh học sinh có thành tích xuất sắc, buổi triển lãm về biển đảo, hội diễn khoa học, hoạt động học tập thực tế, tìm hiểu di sản văn hóa, về phong tục tập quán, khám phá đất nước, trải nghiệm văn hóa nước ngoài...

Việc tổ chức sự kiện đòi hỏi sự công phu cũng như chuẩn bị kỹ lưỡng để học sinh biết biết hợp tác với nhau, làm việc nhóm hiệu quả và hình thành được các kỹ năng ngay trong quá trình tổ chức sự kiện.

- *Hoạt động chiến dịch*: Mỗi chiến dịch mang một chủ đề định hướng học tập trải nghiệm như: Chiến dịch giờ trái đất, chiến dịch làm sạch môi trường xung

quanh trường học, chiến dịch ứng phó với biến đổi khí hậu... Quy mô của hoạt động có thể tổ chức trong không gian nhà trường hoặc ngoài nhà trường. Việc tổ chức phải phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương. Đảm bảo nội dung của chiến dịch hướng vào những vấn đề đó có tính cấp thiết và mang tính giáo dục. Từ đó giúp trẻ phát triển kỹ năng chia sẻ; kỹ năng giải quyết tình huống; kỹ năng phản hồi...

- *Sân khấu tương tác*: Là một hình thức nghệ thuật tương tác dựa trên hoạt động diễn kịch, trong đó vở kịch chỉ có phần mở đầu đưa ra tình huống, phần còn lại được sáng tạo bởi người tham gia. Nội dung là các vấn đề tác động tới cuộc sống của học sinh. Học sinh tự chọn ra vấn đề và tự xây dựng kịch bản và chọn ra những diễn viên để thực hiện và không có sự giúp đỡ từ bên ngoài. Sân khấu tương tác có thể diễn ra trong phạm vi trong lớp học hoặc rộng hơn là phạm vi toàn trường. Qua đó giúp học sinh rèn luyện các kỹ năng như: phát biểu trước tập thể, kỹ năng trình bày vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thể hiện sự tự tin...

- *Hoạt động tình nguyện, nhân đạo*: Hoạt động tình nguyện, nhân đạo là một nội dung hoạt động tác động đến trái tim, tình cảm, sự đồng cảm của học sinh trước những con người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn giúp các em được chia sẻ, biết quan tâm hơn đến những người xung quanh từ đó giáo dục các giá trị cho học sinh như: tiết kiệm, tôn trọng, chia sẻ, cảm thông, yêu thương, trách nhiệm, hạnh phúc... Giúp học sinh phát triển kỹ năng giao tiếp như: kỹ năng chia sẻ; kỹ năng biểu lộ xúc cảm, hành vi....

Mỗi hình thức tổ chức đều có những ưu và nhược điểm nhất định nhưng đều hướng tới mục đích giáo dục không chỉ về kiến thức mà còn cả về kỹ năng nhằm phát triển năng lực ở người học. Rèn luyện tính tự tin, tính sáng tạo và tư duy khoa học.

#### **1.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng**

##### **1.4.1. Về phía nhà trường**

i) Nhận thức cán bộ quản lý, GV về ý nghĩa của hoạt động phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Một trong những yếu tố quyết định hiệu quả của việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm là sự

nhận thức đầy đủ về vai trò của hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh, hoạt động trải nghiệm theo chương trình giáo dục phổ thông mới và việc tích hợp giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm.

Kỹ năng giao tiếp có vai trò quan trọng trong cuộc sống, học tập của mỗi cá nhân, đối với học sinh THCS người Tày, Nùng việc phát triển các kỹ năng giúp học sinh sinh tự tin hơn trong các mối quan hệ. Việc nhà giáo dục lựa chọn các hoạt động trải nghiệm chính là hướng vào việc phát huy ưu thế của các hoạt động này trong quá trình giáo dục học sinh.

ii) Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của đội ngũ giáo viên ở các trường THCS

Để tổ chức có hiệu quả các HĐTN nhằm phát triển KNGT cho học sinh đòi hỏi người giáo viên phải có năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm. Năng lực này của người giáo viên được thể hiện trên 3 mặt: Một là kiến thức về tâm lí - giao tiếp của học sinh THCS người Tày, Nùng. Hai là kiến thức về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chương trình phổ thông mới. Ba là năng lực thiết kế, tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh vừa phát huy khả năng hiện có của học sinh đồng thời tạo ra hứng thú cho học sinh. Hoạt động cụ thể của GV bao gồm:

- Thiết kế được nội dung chương trình tổ chức HĐTN cho HS phù hợp với mục tiêu chung của nhà trường và của địa phương.

- Hướng dẫn HS rèn luyện từng kỹ năng thành phần trong tổ chức HĐTN theo quy trình khoa học.

- Chú trọng đến ý thức tự học, tự rèn luyện của HS trên cơ sở hướng dẫn, chỉ đạo của GV. Phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo của HS và đồng thời chú trọng phát triển từng KNGT có ưu thế phát triển trong các hoạt động của HS khi tham gia HĐTN. Từng công đoạn trong quá trình tổ chức HĐTNHN cho HS đều đòi hỏi phải tạo ra các sản phẩm cụ thể. Đồng thời khuyến khích HS chia sẻ các sản phẩm với các cá nhân khác để nâng cao kỹ năng giao tiếp của bản thân.

- Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính khách quan, sử dụng các kênh đánh giá từ tập thể, cá nhân để việc đánh giá được toàn diện. Chú trọng vào việc đo các mức độ phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh.



iii) Điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ cho tổ chức hoạt động trải nghiệm

Hoạt động trải nghiệm theo chương trình giáo dục phổ thông mới đòi hỏi có sự huy động các điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường. Tỷ lệ các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm diễn ra trong nhà trường rất lớn vì vậy đây cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. Cụ thể để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong nhà trường cần trang bị những phương tiện như:

- Đồ dùng để trình diễn, hướng dẫn: Video clip về các nội dung giáo dục; Phần mềm về hướng nghiệp; Dụng cụ lao động phù hợp với hoạt động lao động
- Đồ dùng để phục vụ hoạt động tập thể: Âm li, loa đài; Bộ lều trại
- Đồ dùng để thực hành: Bộ tranh ảnh về quần áo, giày dép theo mùa; theo giới tính, theo lứa tuổi; bộ tranh ảnh về trang phục các dân tộc Tày, Nùng; bộ tranh về các nghề, làng nghề truyền thống của địa phương và vùng lân cận; bộ tranh về các lễ hội; dụng cụ lao động phù hợp với hoạt động lao động...

#### ***1.4.2. Về phía học sinh và phụ huynh học sinh***

i) Nhận thức và hứng thú của học sinh đối với việc phát triển KNGT thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Học sinh là yếu tố then chốt quyết định chất lượng và hiệu quả của việc phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm. Theo đó, học sinh phải có nhận thức đúng về sự cần thiết phải rèn luyện các KNGT, có sự tự giác và tích cực, chủ động rèn luyện một cách thường xuyên, liên tục các kỹ năng giao tiếp trong các hoạt động trải nghiệm được tổ chức trong và ngoài nhà trường.

ii) Sự quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi của phụ huynh để con em được tham gia các hoạt động trải nghiệm ở trường nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp nói chung và giáo dục toàn diện học sinh nói chung.

#### ***1.4.3. Sự phối hợp của các lực lượng xã hội trong tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh THCS người Tày, Nùng***

Trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển KNGT cho học sinh THCS người Tày, Nùng, nhà trường giữ vai trò chủ đạo. Song các hoạt động trải nghiệm không chỉ hạn hẹp trong phạm vi nhà trường mà còn mở rộng ra các hoạt động đa dạng phong phú, có sự phối hợp với nhiều lực lượng, cơ quan, đơn vị và tổ chức ngoài nhà trường. Sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa các lực lượng tạo ra

môi trường giúp học sinh trải nghiệm những điều mới mẻ, mở rộng phạm vi và đối tượng giao tiếp, từ đó làm nảy sinh nhu cầu và các mối quan hệ giao tiếp mới một cách thường xuyên, liên tục. Chính trong môi trường này là điều kiện kiểm nghiệm sự phát triển các kỹ năng giao tiếp của học sinh.

### **Tiểu kết chương 1**

Hoạt động phát triển KNGT thông qua HĐTNHN trong nhà trường cần được hiểu là hoạt động được tổ chức bằng các việc làm cụ thể của HS, được thực hiện trong thực tế, có sự định hướng, hướng dẫn của giáo viên. Qua trải nghiệm thực tiễn, HS có kiến thức, kỹ năng, tình cảm và ý chí nhất định. Sự sáng tạo của HS và của GV, lực lượng tổ chức hoạt động sẽ có được khi phải giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn phải vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để giải quyết vấn đề, ứng dụng trong tình huống mới.

Giao tiếp và kỹ năng giao tiếp có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống của con người. Đối với HS THCS người Tày, Nùng, giao tiếp được xem là phương tiện quan trọng nhất để hình thành và phát triển nhân cách. Có nhiều con đường để phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS song phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua thông qua HĐTNHN có rất nhiều ưu thế. Tuy nhiên để phát huy được những ưu thế này người giáo viên phải xác định rõ mục tiêu, nội dung phát triển kỹ năng giao tiếp qua HĐTNHN, đồng thời cần nắm vững chuẩn KNGT và vai trò của mình việc tổ chức và thiết kế các HĐTNHN.

Hiện nay việc phát triển KNGT thông qua các HĐTNHN đã đạt được những kết quả nhất định trong nhận thức và hành động. Tuy nhiên việc rèn luyện KNGT cho HS tại các trường THCS còn nhiều hạn chế, vì vậy cần tiếp tục nghiên cứu để nâng cao hiệu quả phát triển KNGT cho HS qua các hoạt động trải nghiệm. Với ý nghĩa đó, chương 1 là nền tảng lý luận để tìm hiểu thực trạng và đề xuất biện pháp giáo dục KNGT thông qua HĐTNHN cho học sinh THCS người Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc.

**Chương 2**  
**THỰC TRẠNG VỀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ VIỆC TỔ CHỨC**  
**CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM NHẪM PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO**  
**TIẾP CHO HỌC SINH THCS NGƯỜI DÂN TỘC TÀY, NÙNG KHU VỰC**  
**MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM**

**2.1. Một số vấn đề chung về khảo sát thực trạng**

**2.1.1. Mục đích**

Đánh giá thực trạng kỹ năng giao tiếp và việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc ở các khía cạnh như: nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng của các hoạt động trải nghiệm đối với việc phát triển kỹ năng giao tiếp; thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh; thực trạng việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh dân tộc Tày, Nùng ở các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu và thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm.

**2.1.2. Đối tượng khảo sát**

Đề tài tiến hành khảo sát thực trạng tại 3 tỉnh trong khu vực Việt Bắc gồm Thái Nguyên, Bắc Cạn, Cao Bằng với 150 giáo viên và 300 học sinh THCS người Tày, Nùng tại các trường THCS Nguyễn Du - TP Thái Nguyên; Trường THCS....

Cụ thể số lượng giáo viên và học sinh tại các trường như sau:

<b>Thái Nguyên</b>	THCS Nguyễn Du - TP Thái Nguyên	50HS/25GV
	THCS Hà Thượng - Huyện Đại Từ	50HS/25GV
<b>Bắc Cạn</b>	THCS thị trấn Chợ Rã - huyện Chợ Rã	40HS/30GV
	PTDTNT THCS Ba Bể - huyện Chợ Rã	30HS/10GV
	THCS Thượng Giáo - huyện Chợ Rã	30HS/10GV
<b>Cao Bằng</b>	THCS Nước Hai - Huyện Hòa An	100HS/50GV

### **2.1.3. Phương pháp khảo sát**

i. Phương pháp điều tra bằng Anket: Phương pháp được thiết kế thành 2 bộ câu hỏi: Bộ câu hỏi dành cho giáo viên dùng để thu thập thông tin về thực trạng nhận thức của giáo viên về vai trò của hoạt động trải nghiệm trong phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh; nội dung và các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm của học sinh, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Bộ câu hỏi dành cho học sinh THCS người Tày - Nùng dùng để tìm hiểu nhận thức của các em về kỹ năng giao tiếp, sự nhìn nhận các kỹ năng của bản thân học sinh và vai trò, ý nghĩa, nội dung và hình thức của các hoạt động trải nghiệm đối với việc phát triển kỹ năng giao tiếp của các em.

ii. Phương pháp phỏng vấn: Trực tiếp phỏng vấn một số phụ huynh học sinh để xác định khả năng phối hợp tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh THCS người Tày, Nùng trên địa bàn nghiên cứu

iii. Phương pháp quan sát hoạt động: Quan sát một số hoạt động trải nghiệm theo chủ đề tại trường THCS để xác định mức độ phát triển các kỹ năng giao tiếp của học sinh khi tham gia hoạt động.

### **2.1.4. Phương pháp xử lý số liệu**

Sử dụng kết hợp phần mềm Excel và SPSS 22.0 để phân tích các số liệu thu được từ thực trạng, luận giải các thông số kết quả thực trạng.

## **2.2. Kết quả khảo sát**

### **2.2.1. Nhận thức của giáo viên và học sinh người dân tộc Tày, Nùng về tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp**

Để tìm hiểu thực trạng nhận thức của giáo viên và học sinh người dân tộc Tày, Nùng về tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp. Chúng tôi tiến hành khảo sát trên 100 GV và 300 em học sinh với câu hỏi để đo mức độ hiểu biết về kỹ năng giao tiếp và vai trò của các kỹ năng này tại câu hỏi số 1 và 2 ở 2 mẫu phiếu 1.1 và 1.2 phần phụ lục 1. Kết quả khảo sát như sau:

**Bảng 2.1. Nhận thức của GV và HS về khái niệm kĩ năng giao tiếp**

Stt	Khái niệm kĩ năng giao tiếp	GV		HS	
		Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Là sự vận dụng tri thức kinh nghiệm của cá nhân vào trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả các mục đích giao tiếp đề ra.	30	20.0	58	19.3
2	Là cách nói chuyện với người khác một cách lời cuốn, hấp dẫn đạt được hiệu quả trong giao tiếp.	8	5.3	17	5.7
3	Kỹ năng giao tiếp là khả năng phối hợp hài hòa, hợp lý những thao tác, cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ trong giao tiếp để đạt được mục đích giao tiếp	112	74.7	225	75.0
	<b>Tổng</b>	<b>150</b>	<b>100.0</b>	<b>300</b>	<b>100.0</b>

Như vậy tỉ lệ GV và HS hiểu đúng về kỹ năng giao tiếp theo cách tiếp cận của đề tài chiếm tỉ lệ thấp 20% ở GV và 19,3% ở HS. Hầu hết ý kiến đều xác định kỹ năng giao tiếp theo khái niệm gần đúng là khả năng phối hợp hài hòa, hợp lý những thao tác, cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ trong giao tiếp để đạt được mục đích giao tiếp. Qua tìm hiểu thực tế, bản thân giáo viên và học sinh đều lí giải bởi kỹ năng là những cái cụ thể cần được xác định rõ vì vậy chủ yếu chọn khái niệm trên. Điều đó cho thấy GV và HS đã có sự phân tích và nhìn nhận về các kỹ năng giao tiếp, tuy chưa thực sự đầy đủ song đó cũng là căn cứ để khẳng định những tác động sẽ có hiệu quả tốt.

Để tìm hiểu nhận thức của học sinh về vai trò của kỹ năng giao tiếp với bản thân, chúng tôi đã hỏi HS ở câu hỏi số 2 mẫu 1.1 phần phụ lục và thu được kết quả sau:

**Bảng 2.2. Đánh giá của HS về vai trò của kỹ năng giao tiếp**

Stt	Mức độ	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Rất quan trọng	243	81
2	Quan trọng	52	17.3
3	Bình thường	1	.3
4	Ít quan trọng	1	.3
5	Không quan trọng	3	1.0
	Tổng	300	100.0

Học sinh THCS người Tày, Nùng đánh giá rất cao vai trò của kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống của cá nhân. Có đến 81% học sinh cho rằng kỹ năng giao tiếp rất quan trọng, tuy nhiên cũng còn học sinh đánh giá vai trò của các kỹ năng ở mức độ bình thường, có 1 em cho rằng kỹ năng giao tiếp ít quan trọng và 1 em cho rằng không quan trọng. Tuy nhiên kết quả khảo sát cho thấy nhận thức của học sinh khá tập trung, sự phân tán rất ít. Thông tin thu được từ kết quả khảo sát trên cho thấy nhận thức của đa số học sinh là đúng đắn. Đây cũng chính là điều kiện cho phép những hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS đạt được hiệu quả mong muốn.

Nhằm mục đích tìm hiểu nhận thức của giáo viên và học sinh về hoạt động trải nghiệm và vai trò của hoạt động này trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh, chúng tôi đã sử dụng các câu hỏi phần phụ lục để khảo sát được những thông tin sau:

Thứ nhất là nhận thức của giáo viên về hoạt động trải nghiệm: sử dụng câu hỏi khảo sát số 3 mẫu 1.2, kết quả như sau:

Có 69.3% giáo viên đã hiểu đúng về khái niệm hoạt động trải nghiệm, tỉ lệ giáo viên nhận thức chưa đúng chiếm khoảng hơn 30% (gần 1/3 số GV được khảo sát)

Để làm rõ nguyên nhân vì sao có sự nhận thức chưa đúng ở một số GV, chúng tôi đã phỏng vấn trực tiếp một số GV và được giải thích rằng bản thân họ đảm nhận các môn tự nhiên trong khi ở trường các hoạt động trải nghiệm thường do các cô tổng phụ trách hoặc các bộ môn xã hội đảm nhận. Bản thân những giáo viên này

chưa tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh nên cũng chưa tìm hiểu kỹ về hoạt động giáo dục này. Đây cũng là vấn đề thực trạng chúng tôi ghi nhận khi khảo sát tại một số trường khác trên địa bàn nghiên cứu.

**Bảng 2.3. Nhận thức của GV về khái niệm hoạt động trải nghiệm**

Stt	Khái niệm kỹ năng giao tiếp	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Hoạt động trải nghiệm là các hoạt động giáo dục thực tiễn được tiến hành song song với hoạt động dạy học trong nhà trường. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một bộ phận của quá trình giáo dục được tổ chức ngoài giờ học các môn văn hóa ở trên lớp và có mối quan hệ bổ sung, hỗ trợ cho hoạt động dạy học	22	14.7
2	Hoạt động TN là hoạt động giáo dục, trong đó từng cá nhân học sinh được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong môi trường nhà trường cũng như môi trường gia đình và xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, phẩm chất nhân cách, các năng lực.	24	16.0
3	Hoạt động TN là hoạt động giáo dục, trong đó nội dung và cách thức tổ chức tạo điều kiện cho từng học sinh được tham gia trực tiếp và làm chủ thể của hoạt động, tự lên kế hoạch, chủ động xây dựng chiến lược hành động cho bản thân và cho nhóm để hình thành, phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị kỹ năng sống và những năng lực cần có của công dân trong xã hội hiện đại, qua hoạt động học sinh phát huy khả năng sáng tạo để thích ứng và tạo ra cái mới, giá trị cho cá nhân và cộng đồng.	104	69.3
	<b>Tổng</b>	<b>150</b>	<b>100.0</b>

Thứ hai, chúng tôi khảo sát đánh giá của học sinh về vai trò của hoạt động trải nghiệm đối với việc phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua câu hỏi số 6 mẫu 1.1 ở phụ lục 1

**Bảng 2.4. Đánh giá của HS về vai trò của HĐTN trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng**

Stt	Mức độ	HS	
		Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Rất tốt	189	64.9
2	Tốt	73	25.1
3	Bình thường	24	8.2
4	Ít tác dụng	1	0.3
5	Không có tác dụng gì	4	1.4
	<b>Tổng</b>	<b>291</b>	<b>100.0</b>

Có 189 ý kiến chiếm 64,9% học sinh cho rằng hoạt động trải nghiệm có vai trò rất tốt đối với việc phát triển kỹ năng giao tiếp, có 25,1% đánh giá ở mức tốt. Như vậy các đánh giá theo chiều hướng tích cực về vai trò của hoạt động trải nghiệm trong phát triển kỹ năng giao tiếp chiếm tỉ lệ cao. Chính sự nhận thức đúng về vai trò của hoạt động trải nghiệm sẽ làm cho học sinh có ý thức tự giác, tích cực tạo ra hứng thú để tham gia các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường

Tuy nhiên còn 1 số ít ý kiến phủ nhận hoàn toàn vai trò của hoạt động trải nghiệm đối với việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh (4 em chiếm 1,4%).

### **2.2.2. Thực trạng về kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng**

Để có cơ sở cho việc thiết kế các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng, chúng tôi đã tiến hành khảo



sát tự đánh của HS về các kỹ năng giao tiếp của bản thân bằng câu hỏi số 3 mẫu 1.1 phần phụ lục 1. Trong đó chúng tôi sử dụng thang đo Likert 5 bậc lựa chọn trong bảng khảo sát với 5 mức: Rất tốt, Tốt, Khá, Trung bình và Yếu. Để giúp học sinh có thể tự đánh giá chính xác những kỹ năng hiện có chúng tôi gửi kèm theo các phiếu khảo sát bảng kê những biểu hiện của kỹ năng để học sinh theo dõi và lựa chọn phù hợp với mức độ kỹ năng. Cách tính điểm và quy ước các mức độ như sau:

$$\text{Giá trị khoảng cách} = (\text{Maximum} - \text{Minimum})/n = (5-1)/5 = 0.8$$

Ý nghĩa các mức như sau:

1.00 - 1.80: *Yếu*;      1.81 - 2.60: *Trung bình*;      2.61 - 3.40: *Khá*  
3.41 - 4.20: *Tốt*;      4.21 - 5.00: *Rất tốt*

Kết quả khảo sát thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh được thể hiện như sau:

**Bảng 2.5. Thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua tự đánh giá của HS**

TT	Kỹ năng giao tiếp	Ý kiến	
		HS (ĐTB)	Thứ bậc
1	Kỹ năng chào hỏi	4.08	1
2	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi	3.71	7
3	Kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp	3.48	14
4	Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị	3.75	5
5	Kỹ năng từ chối lời yêu cầu, đề nghị của người khác	3.73	6
6	Kỹ năng phản hồi	3.60	11
7	Kỹ năng chia sẻ	3.76	4
8	Kỹ năng xử lý tình huống	3.67	8
9	Kỹ năng thuyết trình trước đám đông	3.24	15
10	Kỹ năng làm việc nhóm	3.78	3
11	Kỹ năng thuyết phục	3.64	9
12	Kỹ năng lắng nghe	4.00	2
13	Kỹ năng diễn đạt	3.61	10
14	Kỹ năng thương lượng	3.56	12
15	Kỹ năng giao tiếp qua ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ	3.50	13

Kết quả tại bảng trên cho thấy, HS tự xác định các kỹ năng giao tiếp của mình ở 2 mức độ từ Khá và Tốt, tỉ lệ các kỹ năng đạt mức Tốt chiếm đến 14/15 kỹ năng được liệt kê tại bảng trên. Kỹ năng được các em tự nhận làm tốt nhất là kỹ năng chào hỏi với điểm TB là 4.08; kỹ năng lắng nghe thứ 2; tiếp đó là các kỹ năng như làm việc nhóm; chia sẻ; nói lời yêu cầu, đề nghị. Kỹ năng thuyết trình trước đám đông là kỹ năng HS nhận thấy mình yếu nhất với điểm TB là 3.24 đạt mức Khá theo thang quy ước. Một số những kỹ năng có điểm trung bình thấp hơn so với bảng các kỹ năng như: tiếp cận đối tượng giao tiếp; giao tiếp qua ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ; thương lượng; phản hồi. Kết quả tại bảng trên cho phép nhóm nghiên cứu rút ra 2 vấn đề: thứ nhất học sinh tự nhận thấy những kỹ năng của mình tương đối tốt, không có kỹ năng nào ở mức TB hay Yếu, kết quả này có phản ánh thực chất kỹ năng giao tiếp của học sinh hay không? Thứ 2, những kỹ năng mà học sinh tự nhận thấy kém hơn là những kỹ năng phản ánh sự rụt rè và nhút nhát, ngại tiếp xúc với người lạ, chỉ quen giao tiếp và hợp tác với những người quen biết. Để lí giải phần nào thực trạng trên, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp một số em học sinh với câu hỏi là: “Em đánh giá các kỹ năng giao tiếp của em ở mức độ nào? Em hãy kể một vài biểu hiện chứng tỏ kỹ năng giao tiếp của em đạt ở mức em chọn?” Câu trả lời chúng tôi nhận được là các em giao tiếp tốt. Tuy nhiên chỉ có 2/6 em được phỏng vấn kể ra được các biểu hiện của kỹ năng đó tốt ra sao. Ví dụ như: em dám nói trước đông người, em có thể nói đủ thứ chuyện với bạn cùng lớp, bạn khác lớp và các bạn mà em gặp ở chợ, ở ngoài đường.

Khi nhận thấy có sự chênh lệch về mức độ kỹ năng và biểu hiện của kỹ năng, chúng tôi tiến hành xác minh bằng cách tìm hiểu nguyên nhân vì sao học sinh nhận các mức độ cao của kỹ năng giao tiếp trong khi biểu hiện không đạt được ở mức tương ứng thì được biết: các bạn trong lớp đều nhận mức độ đó nên HS thấy cần phải trả lời giống các bạn trong lớp, các em không muốn nhận mình là “kém cỏi” hơn các bạn khác.

Nhằm xác minh rõ thực trạng kỹ năng giao tiếp của HS THCS người Tày - Nùng, chúng tôi tiến hành khảo sát trên giáo viên với câu hỏi số 2 mẫu 1.2 phụ lục 1. Cách thức triển khai và xử lí số liệu thu được tương tự như đối với khảo sát HS. Kết quả thể hiện tại bảng sau:

**Bảng 2.6. Thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh thông qua đánh giá của GV**

(Quy ước ý nghĩa các mức như sau: 1.00 - 1.80: *Yếu*; 1.81 - 2.60: *Trung bình*; 2.61 - 3.40: *Khá*; 3.41 - 4.20: *Tốt*; 4.21 - 5.00: *Rất tốt*)

TT	Kỹ năng giao tiếp	Ý kiến	
		GV (ĐTB)	Thứ bậc
1	Kỹ năng chào hỏi	3.71	1
2	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi	3.35	2
3	Kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp	2.97	12
4	Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị	3.29	4
5	Kỹ năng từ chối lời yêu cầu, đề nghị của người khác	3.23	7
6	Kỹ năng phản hồi	3.27	6
7	Kỹ năng chia sẻ	3.29	4
8	Kỹ năng xử lý tình huống	3.27	6
9	Kỹ năng thuyết trình trước đám đông	3.09	11
10	Kỹ năng làm việc nhóm	3.28	5
11	Kỹ năng thuyết phục	3.19	10
12	Kỹ năng lắng nghe	3.33	3
13	Kỹ năng diễn đạt	3.23	7
14	Kỹ năng thương lượng	3.20	9
15	Kỹ năng giao tiếp qua ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ	3.22	8

Kết quả khảo sát trên GV cho thấy có sự khác biệt với tự đánh giá của HS, chỉ có kỹ năng chào hỏi được đánh giá ở mức Tốt; tất cả các kỹ năng giao tiếp được khảo sát GV đều đánh giá ở mức Khá. Một số kỹ năng được giáo viên đánh giá cao như: tự chủ cảm xúc, hành vi; lắng nghe; chia sẻ, nói lời yêu cầu, đề nghị... Một số kỹ năng GV đánh giá thấp hơn như: tiếp cận đối tượng giao tiếp, thuyết trình trước đám đông; thuyết phục...

Để làm rõ hơn sự chênh lệch trong tự đánh giá của HS và đánh giá của GV, chúng tôi đã phỏng vấn trực tiếp một số GV tại 03 tỉnh thuộc khu vực nghiên cứu với câu hỏi như sau: “Thầy cô có thể lí giải nguyên nhân vì sao học sinh tự đánh giá kỹ năng giao tiếp ở mức cao trong khi không nêu được biểu hiện của các kỹ năng ở mức độ tương ứng? Thầy cô có bình luận gì nếu như kết quả đánh giá của các thầy cô thấp hơn tự đánh giá của các em?”

Câu trả lời chúng tôi nhận được khá thống nhất với phỏng vấn học sinh, nguyên nhân cơ bản là các em không muốn bị đánh giá kém bạn, đánh giá của GV là khách quan khi nhìn vào các kỹ năng của HS nên có sự chênh lệch với tự đánh giá của HS là điều tất yếu. Theo ý kiến của GV “nhìn chung ngày nay do điều kiện học tập, giao lưu và sự thuận lợi của nhiều điều kiện như cơ sở vật chất, điện, đường, phương tiện thông tin đại chúng, kỹ năng giao tiếp của học sinh thay đổi khá nhiều, các em tự tin hơn, mạnh dạn hơn vì vậy tỉ lệ HS có kỹ năng giao tiếp ở mức Yếu và TB khá hạn chế”

Qua sự đánh giá của GV kết hợp với tự đánh giá của HS có thể thấy, thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người Tày, Nùng tại địa bàn một số tỉnh miền núi phía Bắc nước ta đạt ở mức Trung bình khá, các em đã mạnh dạn hơn trong các mối quan hệ giao tiếp, bước đầu có những thành tích nhất định nhờ sự giao tiếp với các mối quan hệ không chỉ bó hẹp trong phạm vi nhà trường, đây là tín hiệu đáng mừng đối với giáo dục miền núi. Đồng thời cũng là thông tin thực tiễn hữu ích mà nhóm tác giả cần quan tâm để thiết kế được các nhóm hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển tối đa những kỹ năng giao tiếp hiện có của học sinh, đưa các kỹ năng này đạt tới một mức độ mới được đo thông qua các biểu hiện của học sinh trong các tình huống giao tiếp nhất định.

### 2.2.3. Thực trạng tổ chức các HĐTN, HN tại các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu nhằm phát triển KNGT cho HS người Tày, Nùng

Để có cơ sở khảo sát hiệu quả của các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh. Nhóm tác giả khảo sát các nhà trường có thực sự tổ chức các hoạt động trải nghiệm hay không bằng câu hỏi xác định dành cho cả GV và HS với 2 phương án “có” và “Không”. Kết quả cho thấy như sau:

**Bảng 2.7. Thực trạng tổ chức HĐTN cho học sinh ở các trường THCS khu vực miền núi phía Bắc**

Stt	Lựa chọn	GV		HS	
		Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Có	137	91.3	290	96.7
2	Không	13	8.7	10	3.3
	Tổng	150	100.0	300	100

Có 8,7% Giáo viên và 3.3% học sinh cho rằng trường trung học cơ sở của họ chưa tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Đây là vấn đề thực tiễn nảy sinh trong quá trình nghiên cứu, để làm rõ vấn đề này nhóm tác giả tiến hành phỏng vấn một số giáo viên và học sinh cho rằng: có sự nhầm lẫn giữa các hoạt động giáo dục NGLL và hoạt động trải nghiệm, bản thân thầy cô và các em có biết đến và tham gia hoạt động này trong nhà trường nhưng do cách gọi tên hoạt động dẫn đến sự nhầm lẫn.

Để tìm hiểu tần suất tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường cũng như hứng thú của học sinh khi tham gia các hoạt động trải nghiệm trên, nhóm tác giả tiến hành khảo sát trên GV và HS bằng câu hỏi số 5 ở mẫu phiếu số 1 và số 2 phần phụ lục 1.

Kết quả khảo sát như sau:

**Bảng 2.8. Đánh giá của GV, HS về tần suất và hứng thú của học sinh khi tham gia HĐTN ở trường THCS**

Stt	Tần suất/Hứng thú	GV		HS	
		Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Thường xuyên	123	82.0	200	66.7
2	Thỉnh thoảng	25	16.7	82	27.3
3	Chưa tham gia	2	1.3	10	3.3
	<b>Tổng</b>	<b>150</b>	<b>100</b>	<b>300</b>	<b>100</b>
1	Rất hứng thú với các hoạt động	120	80.0	173	59.7
2	Hứng thú với tùy loại hoạt động	27	18.0	113	39.0
3	Không hứng thú với các hoạt động	3	2.0	4	1.4
	<b>Tổng</b>	<b>150</b>	<b>100</b>	<b>290</b>	<b>100</b>

Kết quả khảo sát trên cho thấy ý kiến đánh giá của giáo viên và học sinh có sự khác biệt. Có hơn 66% học sinh cho rằng các em thường xuyên tham gia các hoạt động trải nghiệm cơ nhà trường tổ chức trong khi đánh giá của giáo viên là 82%, tỉ lệ đánh giá ở mức thỉnh thoảng có sự chênh lệch trong đánh giá của GV và HS ở mức 10% theo hướng HS đánh giá tỉ lệ này là cao hơn. Khi đánh giá hứng thú của học sinh khi tham gia các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường học sinh đánh giá khoảng 59% trong khi có 80% Gv nhận định học sinh rất hứng thú với hoạt động này. Tỉ lệ học sinh cho rằng các em hứng thú với tùy loại hoạt động lên đến 39% trong khi chỉ có 18% thầy cô đồng ý với quan điểm này. Tỉ lệ học sinh chưa từng tham gia hoạt động và không hứng thú với hoạt động chiếm tỉ lệ thấp theo đánh giá của cả GV và HS. Điều đó cho thấy các hoạt động trải nghiệm tổ chức trong nhà trường THCS được các em học sinh tham gia khá tích cực và hào hứng.

Chúng tôi tiếp tục khảo sát thực trạng ảnh hưởng của các hoạt động trải nghiệm với việc phát triển các kỹ năng giao tiếp cụ thể bằng cách hỏi GV và HS thông qua câu hỏi số 7 mẫu 1.1 và câu hỏi số 8 mẫu 1.2 phần phụ lục 1, kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.9. Đánh giá của GV và HS về vai trò của hoạt động trải nghiệm trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp**

(Quy ước: 1: Thay đổi rất nhiều; 2: Tương đối thay đổi;  
3: Thay đổi rất ít; 4: Không thay đổi)

Stt	Kĩ năng	Mức độ ảnh hưởng	GV		HS	
			Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Kỹ năng chào hỏi	1	37	24.8%	149	51.2%
		2	104	69.8%	130	44.7%
		3	8	5.4%	6	2.1%
		4	0	0.0%	6	2.1%
2	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi	1	15	10.0%	59	20.3%
		2	96	64.0%	186	63.9%
		3	39	26.0%	40	13.7%
		4	0	0.0%	6	2.1%
3	Kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp	1	21	14.0%	70	24.1%
		2	84	56.0%	117	40.2%
		3	44	29.3%	95	32.6%
		4	1	0.7%	9	3.1%
4	Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị	1	24	16.0%	96	33.0%
		2	86	57.3%	125	43.0%
		3	40	26.7%	55	18.9%
		4	0	0.0%	15	5.2%
5	Kỹ năng từ chối lời yêu cầu, đề nghị của người khác	1	18	12.0%	66	22.7%
		2	90	60.0%	164	56.4%
		3	38	25.3%	47	16.2%
		4	4	2.7%	14	4.8%
6	Kỹ năng phản hồi	1	32	21.3%	100	34.4%
		2	86	57.3%	116	39.9%
		3	32	21.3%	63	21.6%
		4	0	0.0%	12	4.1%
7	Kỹ năng chia sẻ	1	27	18.0%	97	33.3%
		2	91	60.7%	116	39.9%
		3	30	20.0%	63	21.6%
		4	2	1.3%	15	5.2%
8	Kỹ năng xử lý tình huống	1	16	10.7%	82	28.2%

Stt	Kĩ năng	Mức độ ảnh hưởng	GV		HS	
			Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %
		2	101	67.3%	133	45.7%
		3	31	20.7%	62	21.3%
		4	2	1.3%	14	4.8%
9	Kỹ năng thuyết trình trước đám đông	1	15	10.0%	65	22.3%
		2	104	69.3%	125	43.0%
		3	30	20.0%	80	27.5%
		4	1	0.7%	21	7.2%
10	Kỹ năng làm việc nhóm	1	27	18.0%	109	37.6%
		2	108	72.0%	125	43.1%
		3	15	10.0%	43	14.8%
		4	0	0.0%	13	4.5%
11	Kỹ năng thuyết phục	1	9	6.0%	73	25.1%
		2	115	76.7%	143	49.1%
		3	24	16.0%	58	19.9%
		4	2	1.3%	17	5.8%
12	Kỹ năng lắng nghe	1	21	14.0%	107	36.8%
		2	102	68.0%	122	41.9%
		3	27	18.0%	48	16.5%
		4	0	0.0%	14	4.8%
13	Kỹ năng diễn đạt	1	16	10.7%	83	28.5%
		2	92	61.3%	125	43.0%
		3	42	28.0%	61	21.0%
		4	0	0.0%	22	7.6%
14	Kỹ năng thương lượng	1	10	6.7%	76	26.1%
		2	93	62.0%	134	46.0%
		3	47	31.3%	61	21.0%
		4	0	0.0%	20	6.9%
15	Kỹ năng giao tiếp qua ánh	1	13	8.7%	84	28.9%



Stt	Kĩ năng	Mức độ ảnh hưởng	GV		HS	
			Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %
	mắt, cử chỉ, điệu bộ	2	101	67.3%	127	43.6%
		3	36	24.0%	70	24.1%
		4	0	0.0%	10	3.4%

Chúng tôi sử dụng thang đo Likert 3 bậc lựa chọn trong bảng khảo sát để quy ước sự thay đổi của kỹ năng giao tiếp của học sinh trên địa bàn khảo sát. Mức độ 4 là quy ước cho sự không thay đổi của kỹ năng giao tiếp. Sự thay đổi của 15 kỹ năng giao tiếp được liệt kê trong bảng khảo sát cho thấy đánh giá của GV có sự khác nhau về mức độ đối với từng kỹ năng.

+ Kỹ năng chào hỏi: 51.2% ý kiến của học sinh cho rằng có sự thay đổi rất nhiều, tuy nhiên ý kiến của giáo viên (69%) cho rằng tương đối thay đổi ở học sinh, kết quả khảo sát trên GV và HS ở kỹ năng này có sự không đồng nhất về các mức độ ảnh hưởng và tỉ lệ các ý kiến đánh giá.

+ Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi: cả GV và HS đều có sự đánh giá đồng đều với mức 64% ở mức tương đối thay đổi. Như vậy đánh giá của GV và HS ở nội dung kỹ năng này có sự đồng đều nhau.

+ Kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp: ý kiến của cả GV và HS dàn trải ở các mức độ có 14.0% ý kiến đánh giá là thay đổi nhiều; 56.0% ý kiến đánh giá tương đối thay đổi và có 29.3% ý kiến cho rằng kỹ năng này ít thay đổi. Đánh giá ở học sinh có sự khác biệt đối với 40,2% HS cho rằng tương đối thay đổi, hơn 30% ý kiến cho rằng ít thay đổi, đặc biệt có 9 ý kiến của HS cho rằng kỹ năng này không thay đổi thông qua tham gia các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường. Như vậy các ý kiến có sự chênh lệch khi nhìn nhận 1 kỹ năng được thay đổi ở mức độ nào sau khi tham gia hoạt động trải nghiệm.

+ Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị: theo đánh giá của cả GV và HS đều tập trung ở mức độ 2 tức là tương đối thay đổi. Giáo viên có sự đánh giá tích cực khi không có ý kiến nào cho rằng kỹ năng này không thay đổi. Tuy nhiên có 15/300 ý kiến (chiếm 5,2%) của học sinh là kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị không thay đổi khi tham gia các hoạt động trải nghiệm.

+ Kỹ năng từ chối lời yêu cầu, đề nghị của người khác: Tỷ lệ ý kiến đánh giá của cả GV và HS cao nhất vẫn tập trung ở mức tương đối thay đổi tuy nhiên ở kỹ năng này có 4 ý kiến của GV cho rằng không thay đổi, 14 HS có trùng ý kiến này với GV. Như vậy các kỹ năng có sự đánh giá khác nhau về sự thay đổi ở học sinh nếu tham gia các hoạt động trải nghiệm. Đây là cơ sở để nhóm nghiên cứu đề xuất các hoạt động tập trung vào một số kỹ năng còn hạn chế theo quan điểm của GV và HS.

+ Kỹ năng phản hồi: Theo đánh giá của HS có sự chênh lệch rất ít ở 2 mức độ thay đổi rất nhiều và tương đối thay đổi. Có 12 ý kiến của học sinh cho rằng kỹ năng này không thay đổi. Đánh giá của GV chủ yếu có tỷ lệ cao ở mức tương đối thay đổi, không có GV nào cho rằng kỹ năng phản hồi của học sinh không có sự thay đổi nếu tham gia các hoạt động trải nghiệm.

+ Kỹ năng chia sẻ: Đây là một kỹ năng mà học sinh có điều kiện thực hành nhiều khi tham gia vào các hoạt động trải nghiệm. Theo đánh giá của GV và HS cho thấy chủ yếu mức đánh giá cao nhất vẫn là tương đối thay đổi. Tuy nhiên tỷ lệ ý kiến đánh giá của GV có sự chênh lệch trong khi đánh giá của HS ở 2 mức thay đổi rất nhiều và tương đối thay đổi chỉ là 33% và 39%. Có 2 ý kiến của GV cho rằng kỹ năng này không thay đổi, 15 ý kiến của học sinh cùng quan điểm với GV

+ Kỹ năng xử lý tình huống: Tỷ lệ các ý kiến đánh giá của GV và HS có sự đồng nhất, chủ yếu là ở mức tương đối thay đổi, GV đánh giá ở mức này có tỷ lệ cao hơn, có sự cách biệt với các mức khác. HS có sự nhân định cùng quan điểm với GV tuy nhiên mức độ chênh lệch ít hơn.

+ Kỹ năng thuyết trình trước đám đông: Có đến 21 ý kiến chiếm hơn 7% số lượng HS được khảo sát cho rằng kỹ năng này không thay đổi sau các hoạt động trải nghiệm. Đây là một vấn đề thực tiễn đáng lưu ý. Các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường có thể nói khá phong phú về hình thức, trong đó có nhiều hoạt động yêu cầu học sinh phải thể hiện khả năng trao đổi, đàm phán, trình bày, thương lượng và thuyết phục song tỷ lệ học sinh đánh giá kỹ năng này không thay đổi cao hơn hẳn so với những kỹ năng trước đó.

+ Kỹ năng làm việc nhóm: Đánh giá của GV và HS đối với kỹ năng làm việc nhóm có sự chênh lệch rất rõ. Có hơn 72% GV cho rằng kỹ năng này tương đối thay

đổi trong khi chỉ có 43% HS cho rằng tương đối thay đổi. Theo 37,6% HS cho rằng kỹ năng này thay đổi rất nhiều nếu như học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm.

+ Kỹ năng thuyết phục: chỉ có 6% GV cho rằng thay đổi rất nhiều, có đến 76,7% GV cho rằng tương đối thay đổi. Đánh giá của HS đối với những kỹ năng này có sự khác biệt so với GV, có 25% HS cho rằng kỹ năng này được thay đổi rất nhiều, 49% ý kiến cho rằng tương đối thay đổi, có 17 ý kiến của HS chiếm 5,8% cho rằng không có sự thay đổi.

+ Kỹ năng lắng nghe: có 68% ý kiến của GV đánh giá mức tương đối thay đổi chiếm tỉ lệ cao nhất. Tuy nhiên đánh giá của HS dàn ở cả 2 mức là 41% và 36% cho mức tương đối thay đổi và thay đổi rất nhiều. Không có GV nào cho rằng kỹ năng này không thay đổi tuy nhiên có 4,8% ý kiến của học sinh vẫn ghi nhận ở mức độ này.

+ Kỹ năng diễn đạt: Tỉ lệ ý kiến đánh giá vẫn tập trung chủ yếu ở mức 2 là tương đối thay đổi với 61% ý kiến của GV và 43% ý kiến của HS. Cơ hơn 28% HS cho rằng kỹ năng này thay đổi rất nhiều tuy nhiên vẫn có 7,6% ý kiến cho rằng không thay đổi. GV đều đánh giá tích cực với kỹ năng này không có ý kiến nào cho rằng kỹ năng này không có sự thay đổi sau khi học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm.

+ Kỹ năng thương lượng: Tỉ lệ ý kiến đánh giá tương tự kỹ năng diễn đạt. Điều này cho thấy GV và HS có sự nhìn nhận và thể hiện quan điểm tương đối rõ về hệ thống các kỹ năng giao tiếp của HS THCS người Tày, Nùng được phát triển như thế nào thông qua hoạt động trải nghiệm.

+ Kỹ năng giao tiếp qua ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ: Trong khi chỉ có 8% GV cho rằng kỹ năng giao tiếp qua ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ của HS thay đổi rất nhiều sau hoạt động trải nghiệm thì có đến hơn 28% ý kiến đánh giá của HS ở mức độ này. Ý kiến chiếm tỉ lệ cao vẫn xác định ở mức tương đối thay đổi với hơn 67% ý kiến của GV và 43% của HS.

Để tìm hiểu các nội dung hoạt động trải nghiệm được tổ chức trong nhà trường, chúng tôi tiếp tục sử dụng câu hỏi số 8 phần phụ lục 1 mẫu 1.1. để tìm hiểu các nội dung hoạt động trải nghiệm theo ý kiến đánh giá của học sinh. Kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.10. Nội dung trải nghiệm được tổ chức nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh ở các trường THCS khu vực miền núi phía Bắc**

Stt	Nội dung	Nhận xét	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Khoa học, kỹ thuật	có	238	81.8%
		không	53	18.2%
2	Văn hóa, nghệ thuật	có	279	95.9%
		không	12	4.1%
3	Vui chơi, giải trí	có	284	97.6%
		không	7	2.4%
4	Thể dục, thể thao	có	281	96.6%
		không	10	3.4%
5	Lao động vệ sinh xung quanh trường và lao động công ích	có	280	96.6%
		không	10	3.4%
6	Chính trị, xã hội	có	208	71.5%
		không	83	28.5%
7	Định hướng nghề nghiệp	có	246	84.5%
		không	45	15.5%

Nhìn chung với 7 nội dung hoạt động trải nghiệm được liệt kê trong bảng khảo sát được đa số học sinh thừa nhận các hoạt động này đã được tổ chức, tỉ lệ học sinh đánh giá từ 71% đến hơn 97%. Trong đó hoạt động chính trị, xã hội là hoạt động đánh giá thấp nhất với 71.5%. Tỉ lệ học sinh cho rằng các hoạt động trải nghiệm này chưa được tổ chức khá thấp (2.4% đến 28.5%). Để tìm hiểu sự chênh lệch này chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn học sinh bằng câu hỏi “Em hiểu nội dung hoạt động chính trị, xã hội là những hoạt động nào?” Câu trả lời chúng tôi nhận được cho thấy các em không hiểu hoạt động này là gì nên không chọn ý này, vì vậy kết quả khảo sát cho nội dung hoạt động này là thấp nhất. Tương tự các hoạt động vui chơi, giải trí là dễ nhận biết nhất do vậy kết quả khảo sát cho tỉ lệ cao. Từ thực trạng này chúng tôi nhận thấy, học sinh THCS người Tày, Nùng thuộc địa bàn nghiên cứu còn hiểu rất mơ hồ về các hoạt động trải nghiệm và ý nghĩa giáo dục kỹ năng giao tiếp. Đây cũng là một vấn đề thực trạng cần ghi nhận đối với nhóm tác giả nghiên cứu đề tài.

Để tìm hiểu thực trạng các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm chúng tôi đã tiến hành khảo sát GV và HS thông qua câu hỏi số 9 mẫu 1.1 và câu hỏi số 7 mẫu 1.2 phần phụ lục 1.

Kết quả khảo sát trên học sinh như sau:

**Bảng 2.11. Đánh giá của học sinh về thực trạng các hình thức tổ chức trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng tại các trường THCS khu vực miền núi phía Bắc**

Hình thức hoạt động trải nghiệm		Count	Column N %
Câu_9.1. Câu lạc bộ	có	172	59.1%
	không	119	40.9%
Câu_9.2. Trò chơi	có	282	96.9%
	không	9	3.1%
Câu_9.3. Diễn đàn	có	223	76.6%
	không	68	23.4%
Câu_9.4. Sân khấu tương tác	có	235	80.8%
	không	56	19.2%
Câu_9.5. Tham quan, dã ngoại	có	235	80.8%
	không	56	19.2%
Câu_9.6. Hội thi/cuộc thi	có	280	96.2%
	không	11	3.8%
Câu_9.7. Tổ chức sự kiện	có	259	89.0%
	không	32	11.0%
Câu_9.8. Giao lưu	có	264	90.7%
	không	27	9.3%
Câu_9.9. Hoạt động chiến dịch	có	208	71.5%
	không	83	28.5%
Câu_9.10. Hoạt động nhân đạo	có	259	89.0%
	không	32	11.0%
Câu_9.11. Hoạt động tình nguyện	có	260	89.3%
	không	31	10.7%
Câu_9.12. Lao động công ích	có	247	84.9%
	không	44	15.1%
Câu_9.13. Sinh hoạt tập thể	có	279	95.9%
	không	12	4.1%
Câu_9.14. Hoạt động NCKH	có	244	83.8%
	không	47	16.2%

Nhìn chung học sinh đánh giá các hình thức này đều đã được tổ chức xong tỉ lệ đánh giá khác khác biệt giữa các hình thức hoạt động, có đến hơn 40% HS tham gia khảo sát cho rằng hình thức CLB chưa được tổ chức ở trường của các em trong khi các trò chơi thì tỉ lệ chỉ có 3.1%. Các hình thức khác cũng chưa được tổ chức đồng đều dẫn đến đánh giá có sự khác biệt ở học sinh. Như vậy các trường THCS trên địa bàn khảo sát chỉ tập trung tổ chức 1 số nhóm hoạt động trải nghiệm nhất định chẳng hạn như các hoạt động vui chơi, sinh hoạt tập thể, cuộc thi, hội thi... Để tìm hiểu rõ hơn thực trạng này chúng tôi đã tiến hành khảo sát trên giáo viên và yêu cầu xác định rõ tần suất của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển được kỹ năng giao tiếp của học sinh. Kết quả khảo sát được thể hiện tại bảng sau:

**Bảng 2.12. Đánh giá của giáo viên về tần suất tổ chức các hình thức hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng tại các trường THCS khu vực miền núi phía Bắc**

Stt	Hình thức	Mức độ	Số ý kiến	Tỷ lệ %	Mean
1	Câu lạc bộ	Thường xuyên	4	2.7%	2.45
		Thỉnh thoảng	74	50.0%	
		Không bao giờ	70	47.3%	
2	Trò chơi	Thường xuyên	58	38.7%	1.66
		Thỉnh thoảng	85	56.7%	
		Không bao giờ	7	4.7%	
3	Diễn đàn	Thường xuyên	3	2.0%	2.31
		Thỉnh thoảng	97	64.7%	
		Không bao giờ	50	33.3%	
4	Sân khấu tương tác	Thường xuyên	11	7.3%	2.31
		Thỉnh thoảng	81	54.0%	
		Không bao giờ	58	38.7%	
5	Tham quan, dã ngoại	Thường xuyên	22	14.7%	2.02
		Thỉnh thoảng	103	68.7%	
		Không bao giờ	25	16.7%	
6	Hội thi/cuộc thi	Thường xuyên	65	43.3%	1.67
		Thỉnh thoảng	70	46.7%	
		Không bao giờ	15	10.0%	
7	Tổ chức sự kiện	Thường xuyên	21	14.0%	2.13
		Thỉnh thoảng	88	58.7%	
		Không bao giờ	41	27.3%	
8	Giao lưu	Thường xuyên	23	15.3%	2.03
		Thỉnh thoảng	99	66.0%	
		Không bao giờ	28	18.7%	
9	Hoạt động chiến dịch	Thường xuyên	3	2.0%	2.53
		Thỉnh thoảng	65	43.3%	
		Không bao giờ	82	54.7%	
10	Hoạt động nhân đạo	Thường xuyên	37	24.7%	1.89
		Thỉnh thoảng	92	61.3%	
		Không bao giờ	21	14.0%	
11	Hoạt động tình nguyện	Thường xuyên	28	18.7%	1.91
		Thỉnh thoảng	107	71.3%	
		Không bao giờ	15	10.0%	
12	Lao động công ích	Thường xuyên	56	37.3%	1.70
		Thỉnh thoảng	83	55.3%	
		Không bao giờ	11	7.3%	
13	Sinh hoạt tập thể	Thường xuyên	87	58.0%	1.44
		Thỉnh thoảng	60	40.0%	
		Không bao giờ	3	2.0%	
14	Hoạt động NCKH	Thường xuyên	3	2.0%	2.44
		Thỉnh thoảng	78	52.0%	
		Không bao giờ	69	46.0%	

Theo đánh giá của GV tại bảng trên cho thấy có sự khác biệt rất lớn so với đánh giá của học sinh. Trong các mức độ của hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm đưa ra khảo sát, chủ yếu GV để ở mức thỉnh thoảng. Có 1 số hoạt động được GV chỉ ra có tổ chức thường xuyên là “sinh hoạt tập thể”; “Trò chơi”; “Lao động công ích”. Một số hình thức hoạt động trải nghiệm được GV chỉ ra chưa được tổ chức tại trường THCS với tỉ lệ cao là: “hoạt động chiến dịch” “hoạt động NCKH”, “sân khấu tương tác”, “chiến dịch”...Như vậy kết quả khảo sát trên GV và HS tại các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu có sự khác biệt rất lớn. Trong các hình thức tổ chức hoạt động được khảo sát tất cả các hình thức đều được học sinh đánh giá đã tổ chức tại trường song GV lại đánh giá chưa bao giờ tổ chức. Để làm rõ hơn vấn đề thực trạng này, chúng tôi tiến hành phỏng vấn một số cán bộ quản lý và GV được biết “hiện nay do điều kiện cơ sở vật chất và chương trình của hoạt động giáo dục trong nhà trường đã quy định, hầu hết các trường đều tổ chức ghép các hoạt động và lựa chọn những hình thức dễ tổ chức, tiết kiệm, không đòi hỏi phải di chuyển hoặc chi phí nhiều kinh phí”. Trên thực tế, các trường THCS trên địa bàn các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn và Thái Nguyên, các hoạt động trải nghiệm còn được hiểu và thực hiện như các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Mục đích của các hoạt động là tạo ra sân chơi bổ ích sau các giờ học và tăng cường khối đoàn kết giữa các HS với nhau do đó. Hoạt động trải nghiệm chưa được tiếp cận dưới góc độ của các hoạt động giáo dục nhằm giúp học sinh được nhúng mình và trải nghiệm thực tiễn vì vậy hiệu quả giáo dục chưa cao. Bản thân học sinh đã có nhiều tiến bộ về kỹ năng giao tiếp (mức TB khá) nhưng do sự phối hợp chưa đồng bộ của nhiều yếu tố. Hoạt động trải nghiệm chưa thực sự phát huy hiệu quả trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh do chưa tổ chức đúng cách và cũng không có hoạt động trải nghiệm được tổ chức riêng cho việc phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh. Xu hướng tích hợp trong dạy học và giáo dục hiện nay không cho phép các trường thực hiện các hoạt động trải nghiệm riêng cho từng mục đích giáo dục. Đây là cơ sở thực tiễn để nhóm nghiên cứu thiết kế các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh.

Với mục đích tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp trong nhà trường, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát Giáo viên với câu hỏi số 8 mẫu 1.2 phần phụ lục 1. Kết quả khảo sát thể hiện tại bảng sau:

**Bảng 2.13. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc thông qua các hoạt động trải nghiệm**

Stt	Yếu tố	Mức độ	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên về ý nghĩa của việc phát triển KNGT thông qua hoạt động trải nghiệm	Rất ảnh hưởng	105	70.0%
		Ít ảnh hưởng	41	27.3%
		Không ảnh hưởng	4	2.7%
2	Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên	Rất ảnh hưởng	95	63.3%
		Ít ảnh hưởng	53	35.3%
		Không ảnh hưởng	2	1.3%
3	Điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường	Rất ảnh hưởng	76	51.0%
		Ít ảnh hưởng	69	46.3%
		Không ảnh hưởng	4	2.7%
4	Nhận thức và hứng thú của học sinh đối với việc phát triển KNGT thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Rất ảnh hưởng	91	61.1%
		Ít ảnh hưởng	53	35.6%
		Không ảnh hưởng	5	3.4%
5	Sự quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi của phụ huynh HS	Rất ảnh hưởng	94	63.1%
		Ít ảnh hưởng	52	34.9%
		Không ảnh hưởng	3	2.0%
6	Sự phối hợp của các lực lượng xã hội trong tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh THCS người Tày, Nùng	Rất ảnh hưởng	90	60.4%
		Ít ảnh hưởng	55	36.9%
		Không ảnh hưởng	4	2.7%

Trong 6 yếu tố ảnh hưởng được khảo sát cho thấy các ý kiến đánh giá của GV chủ yếu ở mức “rất ảnh hưởng” và “ít ảnh hưởng”. Tất cả các yếu tố đều có ý kiến đánh giá ở mức “không ảnh hưởng” nhưng với tỉ lệ thấp dao động từ 2% đến 3,4%. Yếu tố “nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên về ý nghĩa của việc phát triển KNGT thông qua hoạt động trải nghiệm” được đánh giá mức rất ảnh hưởng cao



nhất với 70%. Theo các thầy cô năng lực tổ chức các hoạt động trải nghiệm và sự quan tâm, tạo mọi điều kiện của phụ huynh HS cũng là những yếu tố ảnh hưởng rất nhiều với hơn 63% ý kiến. Điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường chỉ có 50% ý kiến đánh giá là “rất ảnh hưởng”. Yếu tố “Nhận thức và hứng thú của học sinh đối với việc phát triển KNGT thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp” được GV đánh giá là không ảnh hưởng với tỉ lệ cao nhất (5 ý kiến) chiếm 3,4%. Đây là một vấn đề đáng lưu tâm do học sinh là chủ thể của các hoạt động giáo dục song GV lại đánh giá là không ảnh hưởng, để lí giải điều này, chúng tôi đã phỏng vấn trực tiếp 1 số GV và được biết “học sinh ở trường của thầy cô rất ít chủ động, GV là người tổ chức, điều khiển và thúc đẩy các hoạt động trải nghiệm để học sinh tham gia, trên thực tế nhiều em có tâm lí chờ đợi và thiếu hiểu biết về những hoạt động này. Theo các thầy cô, để hoạt động diễn ra chủ yếu phụ thuộc vào vai trò tổ chức của GV vì vậy nhận thức và hứng thú của học sinh ít có ảnh hưởng”. Như vậy với đặc điểm tính cách của học sinh miền núi, học sinh người Tày, Nùng tại địa bàn nghiên cứu chưa có sự chủ động trong các hoạt động, đây cũng là thông tin để nhóm tác giả lưu ý trong quá trình thiết kế nội dung hoạt động trải nghiệm cho nhóm học sinh này.

### **2.3. Đánh giá chung về thực trạng**

Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu đã đánh giá đúng vai trò của hoạt động trải nghiệm trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp tuy nhiên các hoạt động được tổ chức chưa đồng đều, hiệu quả đạt được chưa cao. Kết quả khảo sát thực trạng xuất hiện nhiều mẫu thuẫn trong đánh giá của GV và HS về các dạng hoạt động và các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

Nhìn chung do đặc điểm lứa tuổi và địa bàn sinh sống, thói quen sinh hoạt, tính tích cực và chủ động của học sinh trong các hoạt động giáo dục chưa cao, học sinh phụ thuộc nhiều vào cách thức tổ chức và điều khiển hoạt động của GV.

Đa số kỹ năng giao tiếp của HS mới ở mức TB Khá, phần lớn tập trung ở một số kỹ năng quen thuộc lặp lại thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày. Một số em chưa thực sự tích cực và hứng thú khi tham gia các hoạt động trải nghiệm được tổ chức trong nhà trường.

Kết quả khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển KNGT cho HS thông qua các hoạt động trải nghiệm trên địa bàn các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn và Thái Nguyên cho thấy có một số yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến hiệu quả của các

hoạt động giáo dục trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh như: Nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên về ý nghĩa của việc phát triển KNGT thông qua hoạt động trải nghiệm; Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên; Sự quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi của phụ huynh HS...

Thực trạng do nhiều nguyên nhân như: Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của GV còn hạn chế; thiếu nguồn tài liệu tham khảo, hướng dẫn chi tiết đối với các GV trong việc thiết kế, xây dựng chương trình hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển được kỹ năng giao tiếp cho học sinh. GV giảng dạy cũng phần nào hạn chế về KNGT; chưa thực sự nắm rõ các kỹ năng giao tiếp cần phát triển ở HS. Trình độ nhận thức và hứng thú của học sinh, tính tích cực chủ động của học sinh chưa cao. Sự quan tâm của gia đình học sinh chưa nhiều, chưa sâu sát với các hoạt động giáo dục của con em. Chính vì thế mà việc tổ chức các hoạt động còn thiếu tính sáng tạo trong khi HS thì nhút nhát, rụt rè thiếu tự tin trong giao tiếp.

Chưa có cơ chế phối hợp các lực lượng giáo dục nhằm tổ chức có hiệu quả các hoạt động này đồng thời chưa được sắp xếp, tổ chức một cách hệ thống, chặt chẽ. Những tồn tại của thực trạng có thể là do tác động bởi hoàn cảnh, môi trường và chính bản thân học sinh trong các mối quan hệ giao tiếp. Để khắc phục được những tồn tại này đòi hỏi người làm công tác giáo dục cần phải có những biện pháp phù hợp, đặc biệt cần hình thành được năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của đội ngũ giáo viên giúp họ biết thiết kế, tổ chức có hiệu quả các hoạt động này, lôi cuốn học sinh tham gia vào hoạt động từ đó tạo tâm thế chủ động và tăng cường sự tự tin trong giao tiếp cho học sinh.

## Tiểu kết chương 2

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng nói chung, phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS thông qua các HĐTN, HN nói riêng ở các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu chưa phát huy được hiệu quả mong muốn. Thực trạng nội dung, phương pháp và hình thức thực hiện các mục tiêu giáo dục (trong đó có mục tiêu phát triển kỹ năng giao tiếp) cho HS THCS qua HĐTN, HN chưa thống nhất và đồng bộ. Do đó, kéo theo thực trạng phát triển kỹ năng giao tiếp của HSTHCS chưa cao. Sự phát triển kỹ năng giao tiếp của HS diễn ra không đồng đều ở các kỹ năng giao tiếp khác nhau, đặc biệt là HS gặp khó khăn ở những kỹ năng giao tiếp như kỹ năng thuyết phục, kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị, kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm, kỹ năng thương lượng.

Từ thực trạng kỹ năng giao tiếp và vấn đề phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm ở các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu cho thấy cần có được các hoạt động trải nghiệm được thiết kế đồng bộ và khoa học, tác động thường xuyên, liên tục có thể tạo ra được sự thay đổi về các mức độ của kỹ năng giao tiếp dựa trên mức kỹ năng hiện có của nhóm học sinh THCS người Tày, Nùng.

Để thực hiện được yêu cầu phát triển các kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm đòi hỏi có sự quan tâm và phối hợp đồng bộ của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, đặc biệt là sự phối hợp của phụ huynh học sinh để tạo nên sự thống nhất các giá trị trải nghiệm cho học sinh trong các môi trường gần gũi nhất là gia đình và nhà trường. Mặt khác sự quan tâm và tạo điều kiện về vật chất và tinh thần là yếu tố cơ bản có ảnh hưởng không nhỏ đến sự thành công của các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường, đặc biệt là các trường THCS ở các tỉnh miền núi có đông học sinh là người dân tộc thiểu số trong đó có nhóm học sinh người Tày, Nùng.

### Chương 3

## CÁC NHÓM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM NHẪM PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THCS NGƯỜI DÂN TỘC TÀY, NÙNG KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

### 3.1. Nguyên tắc thiết kế các nhóm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh người dân tộc Tày, Nùng ở các trường THCS khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam

#### 3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích

Hoạt động giáo dục luôn hướng tới một mục đích cụ thể và phải định hướng các nhiệm vụ để đạt được mục đích đó trong suốt quá trình hoạt động diễn ra. Chính vì vậy khi tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm phát triển KNKT cho học sinh THCS người Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cũng cần phải xác định rõ mục đích và đảm bảo các hoạt động giáo dục nhằm đạt được mục đích đề ra.

Mục đích của hoạt động giáo dục nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng là nhằm góp phần nâng cao nhận thức của học sinh về các kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống, giúp các em biết đến những cách thức khác nhau để phát triển kỹ năng này của bản thân. Đồng thời có khả năng sử dụng những kỹ năng giao tiếp này trong thực tiễn cuộc sống, học tập và sinh hoạt ở các môi trường mà các em tham gia.

Hoạt động trải nghiệm trong trường THCS là những hoạt động phong phú và đa dạng, HS được tham gia vào các hoạt động với yếu tố linh hoạt cao, khả năng chệch hướng mục đích đặt ra cũng dễ dàng xảy ra. Mặt khác, do đặc điểm tâm lí nhân cách của học sinh người Tày, Nùng là tự do phóng khoáng ít bị ràng buộc. Chính vì vậy nhà GD cần mềm dẻo, uyển chuyển, trong việc lựa chọn và vận dụng các hoạt động GD để đạt được kết quả cao nhất trong quá trình giáo dục nhóm học sinh này song các cần bám sát mục đích giáo dục để đạt tới mục đích giáo dục đặt ra

#### 3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính đối tượng

Để quá trình giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng phát huy được hiệu quả đòi hỏi quá trình tổ chức hoạt động và giao lưu cần phải được thiết kế và tổ chức phù hợp với đặc điểm của học sinh. Các nội dung và hình thức hoạt động được thiết kế nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh người Tày, Nùng do đó cần hướng vào việc đáp

ứng nhu cầu và khả năng của các em. Sự phù hợp với đối tượng giáo dục được thể hiện bằng nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục được đề xuất trong chương trình có thực sự phát huy hiệu quả trong việc phát triển các kỹ năng giao tiếp cho các em hay không? Việc thiết kế và lựa chọn thông tin nguồn của các hoạt động chú ý gắn với khai thác tri thức địa phương phong phú của người Tày, Nùng khu vực Việt Bắc. Việc lựa chọn sử dụng những tri thức nào và khai thác các tri thức ấy ở mức độ ra sao đòi hỏi giáo viên phải đo được mức độ hiểu biết của học sinh về tri thức định sử dụng, mặt khác năng lực của các nhóm học sinh người Tày, Nùng tại các địa phương có sự khác nhau. Đây cũng là vấn đề tác giả trăn trở trong quá trình thiết kế các hoạt động giáo dục nhằm phát triển được các kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người Tày, Nùng, đặc biệt là các em cư trú tại vùng sâu, vùng xa đang bị hạn chế rất nhiều điều kiện, bản thân các em có nhiều thiệt thòi so với học sinh THCS trong cả nước.

### ***3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi, hiệu quả***

Nội dung và hình thức của các hoạt động giáo dục có tính khả thi trước hết phải đảm bảo tính thực tiễn, phải dựa trên cơ sở của các chủ trương, đường lối, chính sách về giáo dục. Đồng thời cần bám sát vào thực trạng giáo dục ở địa phương như công tác quản lý của hiệu trưởng, công tác giảng dạy của giáo viên, đặc biệt cần bám sát những yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới đã đề cập. Các hoạt động giáo dục phải sát với thực tế đáp ứng của các trường trung học cơ sở, phù hợp với điều kiện vật chất và nhân lực, có khả năng ứng dụng cao. Tính khả thi là một nguyên tắc vô cùng quan trọng, từ đó giúp cho việc xây dựng các nội dung hoạt động trải nghiệm có giá trị và có thể được tổ chức có hiệu quả trong quá trình phát triển các kỹ năng giao tiếp cho nhóm học sinh người Tày, Nùng tại các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu.

### ***3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo giáo dục sát với đời sống, điều kiện thực tiễn của học sinh***

Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn đòi hỏi trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục, giáo viên phải làm cho HS thấy được giá trị của hệ thống kỹ năng giao tiếp được vận dụng vào trong thực tiễn, giúp ích cho học sinh, góp phần phát triển và khẳng định bản thân của học sinh ra sao. Việc phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh phải thực hiện theo nguyên lý giáo dục là học phải đi đôi với hành, lí luận gắn liền với thực tiễn, nếu không có thực hành thì tất cả lý thuyết trở thành lý luận suông, xa rời cuộc sống, không đạt được mục tiêu giáo dục đề ra. Đối với việc

phát triển KNGT cho HS THCS người Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm chính là cách thức đưa học sinh được nhúng mình vào các mối quan hệ trong thực tiễn từ đó nâng cao khả năng giao tiếp của các em đồng thời hình thành được hiểu biết của các em về các mối quan hệ giao tiếp trong cuộc sống, học sinh biết cách giao tiếp có hiệu quả hơn, văn minh hơn. Chính vì vậy, thiết kế các hình thức hoạt động trải nghiệm giáo viên cần bám sát yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông song cũng cần hiện thực hóa vấn đề rèn luyện KNGT phù hợp với điều kiện môi trường sống của HS. Kết hợp và vận dụng nhiều phương pháp giúp HS hiểu và vận dụng các kỹ năng này vào trong các tình huống của thực tế cuộc sống.

### **3.2. Quy trình thiết kế, nội dung và hình thức của các nhóm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam**

#### ***3.2.1. Quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng***

Hoạt động trải nghiệm ngoài ý nghĩa giúp tăng cường sự hiểu biết và tiếp thu các giá trị truyền thống của dân tộc, tinh hoa văn hóa của nhân loại còn có vai trò quan trọng trong việc củng cố các kỹ năng đã có của học sinh. Do vậy, việc thiết kế các hoạt động trải nghiệm để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh người dân tộc Tày, Nùng là một định hướng phù hợp nhằm biến những tri thức của cuộc sống thành môi trường để học sinh thể nghiệm và phát triển năng lực của bản thân. Tuy nhiên để sự kết hợp đạt hiệu quả các hoạt động trải nghiệm cần được thiết kế theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tính khoa học như sau:

Quy trình được xây dựng gồm 06 bước sau:

#### ***Bước 1: Dự báo nhu cầu của học sinh về tổ chức hoạt động trải nghiệm***

Hoạt động trải nghiệm là quá trình trong đó học sinh trực tiếp tham gia vào các loại hình hoạt động phong phú đa dạng, tự biến đổi mình và làm phong phú mình bằng cách thu lượm và xử lý thông tin từ môi trường xung quanh. Chính vì vậy để đạt được hiệu quả mong muốn, việc xác định hoạt động trải nghiệm được tổ chức phải dựa trên nhu cầu thực tế của học sinh. Ở khâu này, người thiết kế không đi sâu dự báo nhu cầu giao tiếp của học sinh người dân tộc Tày, Nùng trong khu vực mà tập trung vào việc tìm kiếm thông tin về nhu cầu các loại hình hoạt động trải nghiệm cần tổ chức có tác dụng hỗ trợ phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh.

Kết quả đạt được ở bước 1 cần trả lời được các câu hỏi:

Những kỹ năng giao tiếp được phát triển thông qua hoạt động trải nghiệm gồm các kỹ năng nào? Nội dung của hoạt động là gì?

Hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm là hình thức nào?

Thông tin nguồn cho hoạt động trải nghiệm là gì?

Để dự báo nhu cầu về hoạt động trải nghiệm cần tổ chức cho học sinh, người thiết kế có thể sử dụng phối hợp các phương pháp: ngoại suy (dự báo dựa trên chương trình về hoạt động trải nghiệm sáng tạo được xây dựng trong chương trình giáo dục nhà trường); xét đoán (xin ý kiến phụ huynh học sinh và giáo viên khác) kết hợp với phỏng vấn và khảo sát nhu cầu của học sinh. Kết quả dự báo được tiến hành 1 lần có thể sử dụng để xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong các chủ đề hoạt động của cả năm học hướng tới mục tiêu ngày càng phát triển được kỹ năng giao tiếp cho nhóm học sinh người Tày, Nùng trên địa bàn nghiên cứu.

### ***Bước 2: Lựa chọn tên của hoạt động***

Lựa chọn tên hoạt động là một khâu quan trọng vì thông qua tên gọi sẽ bao hàm được chủ đề, mục tiêu, nội dung, hình thức của hoạt động trải nghiệm sẽ được tổ chức cho học sinh

Tên hoạt động phải tạo ra được sự hứng thú, hấp dẫn, lôi cuốn, tạo ra được tâm lý chờ đợi ở học sinh. Vì vậy, người thiết kế hoạt động cần có sự tìm tòi, suy nghĩ để đặt tên hoạt động sao cho phù hợp và tạo ra sức hấp dẫn đối với học sinh.

Việc đặt tên cho hoạt động cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Rõ ràng, ngắn gọn.
- Phản ánh được chủ đề và nội dung của hoạt động.
- Tạo được ấn tượng ban đầu, sự háo hức và chờ đợi của học sinh

Tên hoạt động đã được xác định trong bản kế hoạch HĐTN, nhưng có thể tùy thuộc vào khả năng và điều kiện cụ thể của từng trường, từng đối tượng học sinh để lựa chọn tên khác cho hoạt động phù hợp hơn

### ***Bước 3: Xác định mục tiêu của hoạt động***

Mỗi hoạt động trải nghiệm được tổ chức đều hướng tới thực hiện mục đích của chương trình giáo dục nhà trường, tuy nhiên ở mỗi hoạt động, người thiết kế cần xác định rõ mục đích cụ thể cho từng hoạt động được tổ chức

Mục tiêu của hoạt động là dự kiến trước kết quả của hoạt động do đó cần phải được xác định rõ ràng, cụ thể và chính xác; mục tiêu cần phản ánh được các mức độ cao thấp của yêu cầu cần đạt về kỹ năng giao tiếp cần phát triển. Đối với các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng, các kỹ năng cần được xác định rõ các mức độ phát triển thông qua từng khâu hoạt động trải nghiệm được tổ chức.

Việc xác định đúng mục tiêu sẽ giúp giáo viên:

- Định hướng cho hoạt động, là cơ sở để chọn lựa nội dung và điều chỉnh hoạt động
- Căn cứ vào mục tiêu để đánh giá, lượng hóa kết quả hoạt động
- Kích thích tính tích cực hoạt động của học sinh trong quá trình tham gia hoạt động trải nghiệm

Khi xác định mục tiêu cần phải trả lời các câu hỏi sau:

- Hoạt động này có thể hình thành cho học sinh những kỹ năng nào? (Khối lượng và chất lượng đạt được của kỹ năng?)
- Các mức độ phát triển của kỹ năng đó đạt được như thế nào sau khi tham gia hoạt động?
- Những giá trị nào trong giao tiếp có thể được hình thành hay thay đổi ở học sinh THCS người Tày, Nùng sau hoạt động trải nghiệm?

### ***Bước 4: Trích dẫn thông tin nguồn***

Thông tin nguồn được hiểu là cơ sở lý thuyết của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm. Những thông tin này được cung cấp đến học sinh trên cơ sở được lựa chọn và biên soạn của người thiết kế hoạt động. Mỗi hoạt động trải nghiệm khác nhau được xác định các thông tin từ những nguồn khác nhau song cần đảm bảo những thông tin đó mang tính chính xác, khoa học, có nguồn trích dẫn rõ ràng.



Thông thường việc xác định thông tin nguồn để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh người Tày, Nùng được thực hiện theo 2 cách sau:

Thứ nhất, người thiết kế hoạt động sưu tầm và biên soạn lại các tài liệu có liên quan đến văn hóa tộc người ở địa phương phục vụ tổ chức hoạt động và cung cấp đến học sinh trước khi tiến hành hoạt động

Thứ hai, người thiết kế có thể giới thiệu địa chỉ nguồn tài liệu có liên quan đến hoạt động để học sinh tìm hiểu. Tuy nhiên với cách làm này nguồn tài liệu cần đảm bảo các điều kiện: dễ tìm kiếm, có sẵn và dễ dàng mượn - trả. Do đặc thù của các nhà trường và địa bàn sinh sống của học sinh THCS người Tày, Nùng đó là còn hạn chế về thư viện, phòng đọc, nguồn tài nguyên thì cách làm này ít hiệu quả trong thực tiễn.

#### ***Bước 5: Xây dựng kế hoạch dự kiến hoạt động trải nghiệm được tổ chức***

Để xây dựng kế hoạch hoạt động trải nghiệm, người biên soạn cần tiến hành các khâu sau:

Khâu 1: Căn cứ vào từng chủ đề hoạt động, các mục tiêu đã xác định, điều kiện thực tế của lớp, của nhà trường và khả năng của học sinh THCS người Tày, Nùng để xác định các nội dung phù hợp cho các hoạt động, cần liệt kê đầy đủ các nội dung hoạt động phải thực hiện trước khi đưa vào kế hoạch.

Khâu 2: Cụ thể hóa nội dung hoạt động, xác định phương pháp, những phương tiện cần có để tiến hành hoạt động. Lựa chọn hình thức hoạt động tương ứng, có thể tiến hành một hoạt động bằng nhiều hình thức đan xen tuy nhiên cần xác định rõ trong đó hình thức nào đó là chủ đạo, hình thức khác là phụ trợ.

Khâu 3: Xác định nguồn lực: Bao gồm nguồn nhân lực và vật lực, tài liệu cho tổ chức hoạt động.

Việc xác định nguồn nhân lực nhằm trả lời cho các câu hỏi: những ai sẽ tham gia hoạt động, nhiệm vụ cụ thể của các thành viên là gì?

Tính toán chi phí cho tổ chức hoạt động trải nghiệm: bao gồm chi phí dành cho việc chuẩn bị, chi phí tiến hành hoạt động, chi phí in ấn, sao lưu tài liệu... Chi phí về tất cả các mặt phải được xác định cụ thể, rõ ràng, phải đảm bảo mức chi phí ít nhất cho việc thực hiện hoạt động song hiệu quả đạt được là cao nhất.

Khâu 4: Hoàn thiện kế hoạch tổ chức hoạt động: Thông tin trong kế hoạch có thể trình bày theo mẫu sau:

Thứ tự/thời gian	Nội dung công việc	Nhân sự tiến hành	Phương pháp, hình thức	Phương tiện, Tài liệu, Kinh phí	Dự kiến kết quả cần đạt	Ghi chú
1 Từ...đến..	Chuẩn bị tài liệu	Giáo viên phụ trách	Thu thập, phân tích, tổng hợp tài liệu	Máy tính, máy in, máy phô tô...	Tài liệu phát tay cho học sinh	
2 Từ...đến..	Đi tiền trạm	Giáo viên phụ trách, đại diện PHHS,	Liên hệ với cơ quan quản lí địa điểm trải nghiệm	Phương tiện di chuyển: Xe máy, ô tô Kinh phí: nhà trường hay nguồn xã hội hóa...	Bản ghi nhớ hoặc hợp đồng ....	
...	....	.....				

#### Khâu 5: Chuẩn hóa kế hoạch tổ chức hoạt động

Đây là khâu mà người thiết kế rà soát lại toàn bộ kế hoạch hoạt động, điều chỉnh những nội dung chưa cân đối. Tính cân đối của kế hoạch đòi hỏi giáo viên phải tìm ra đủ các nguồn lực và điều kiện để thực hiện mỗi nhiệm vụ. Cân đối giữa hệ thống công việc với các nguồn lực và điều kiện thực hiện chúng, hay nói khác đi, cân đối giữa yêu cầu và khả năng thực hiện của lực lượng nhân sự để đảm bảo tính khả thi của việc thực hiện kế hoạch.

#### ***Bước 6: Kiểm tra, điều chỉnh, hoàn thiện chương trình hoạt động***

Để tổ chức thành công một chương trình hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng cần có được quy trình tổ chức khoa học, hợp lí. Đây là bước quan trọng đảm bảo sự thành công của một hoạt động trải nghiệm được tổ chức.

Kiểm tra chương trình hoạt động là kiểm tra tất cả các bước và các khâu trong quy trình, nếu phát hiện những sai sót hoặc sự bất hợp lý ở bước nào thì kịp thời điều chỉnh. Bổ sung hoặc thay đổi những nội dung chưa phù hợp nhằm đảm bảo tính khả thi của chương trình hoạt động trải nghiệm được tổ chức.

***Yêu cầu khi thực hiện quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng***

Khi tiến hành quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm, GV đảm bảo các yêu cầu sau:

- Xác định rõ mục tiêu hoạt động, không quá cầu toàn về phương pháp và kỹ thuật tổ chức, mà chú trọng nhiều hơn đến cơ hội để học sinh được trải nghiệm và thực sự hứng thú trong quá trình tham gia. Trong hoạt động nên khuyến khích học sinh được tự do sáng tạo theo ý thích tuy nhiên vẫn có sự điều chỉnh để phù hợp với mục tiêu, tránh lặp lại các hoạt động giảng giải, áp đặt, truyền thụ một chiều.

- Khi thiết kế hoạt động cần tuân thủ đúng quy trình với các bước như trên. Có thể làm gộp nhưng không được đảo lộn thứ tự của quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm.

- Khi thiết kế các hoạt động phải tương thích với nội dung kỹ năng giao tiếp đã xác định, tránh làm hình thức hoặc nửa vời sẽ không phát triển được kiến thức, kỹ năng, năng lực cho HS.

- Phải lựa chọn các phương pháp cho vừa sức; phù hợp đặc điểm, sở thích và khả năng, sở trường của HS THCS người Tày, Nùng.

- Các hình thức hoạt động phải linh hoạt, sáng tạo và phù hợp với điều kiện, môi trường hoạt động thực tế, phát huy những giá trị đặc sắc của văn hóa dân tộc Tày, Nùng nhằm tạo ra được môi trường gần gũi giúp các em tự tin trong thể nghiệm bản thân đồng thời góp phần gìn giữ và bảo tồn văn hóa dân tộc.

***3.2.2. Nội dung và hình thức hoạt động trải nghiệm có ưu thế phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng***

Căn cứ vào thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng tại 03 tỉnh Thái Nguyên, Bắc Cạn, Cao Bằng, chúng tôi xác định được một số nhóm hoạt động giáo dục hướng vào phát triển các kỹ năng giao tiếp còn hạn chế của nhóm học sinh này. Những hoạt động được mô tả tại bảng sau:

**Bảng 3.1. Mô tả các nhóm hoạt động tương ứng với mức độ kỹ năng giao tiếp hiện có của học sinh**

Nhóm hoạt động	Hoạt động cụ thể		Mức độ kỹ năng giao tiếp	Các KNGT được PT
	Nội dung	Hình thức		
Hoạt động phát triển cá nhân	Vui chơi, giải trí	Diễn đàn giao lưu Chủ đề: Bạn là người như thế nào?	Yếu và TB	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp cận đối tượng giao tiếp;</li> <li>- Lắng nghe;</li> <li>- Diễn đạt;</li> <li>- Tự chủ cảm xúc, hành vi;</li> <li>- Chia sẻ;</li> <li>- Thuyết trình trước đám đông;</li> <li>- Chào hỏi</li> </ul>
		Tọa đàm và sân khấu hóa với chủ đề “kết bạn tòng”	Khá và Tốt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe;</li> <li>- Diễn đạt;</li> <li>- Tự chủ cảm xúc, hành vi;</li> <li>- Chia sẻ;</li> <li>- Thuyết trình trước đám đông</li> <li>- Xử lý tình huống</li> <li>- Làm việc nhóm</li> <li>- Giao tiếp qua ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ</li> </ul>

Nhóm hoạt động	Hoạt động cụ thể		Mức độ kỹ năng giao tiếp	Các KNGT được PT
	Nội dung	Hình thức		
Hoạt động lao động	Lao động	Hội thi: đồ xôi ngũ sắc	Yếu và TB	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm việc nhóm</li> <li>- Lắng nghe</li> <li>- Diễn đạt</li> <li>- Tiếp cận đối tượng giao tiếp</li> <li>- Nói lời yêu cầu, đề nghị</li> <li>- Thương lượng</li> <li>- Thuyết phục</li> <li>- Tự chủ cảm xúc, hành vi</li> </ul>
	Lao động công ích	Rẫy cỏ tại nghĩa trang liệt sĩ của địa phương	Khá và Tốt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp cận đối tượng giao tiếp</li> <li>- Nói lời yêu cầu, đề nghị</li> <li>- Làm việc nhóm</li> <li>- Thuyết phục</li> <li>- Diễn đạt</li> <li>- Lắng nghe</li> <li>- Phản hồi</li> <li>- Xử lý tình huống</li> </ul>
Hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng	Hoạt động vui chơi, giải trí	Tham quan vườn quốc gia Ba Bể - Bắc Cạn	Yếu và TB	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe</li> <li>- Phản hồi</li> <li>- Tiếp cận đối tượng giao tiếp</li> <li>- Làm việc nhóm</li> <li>- Xử lý tình huống</li> <li>- Tự chủ cảm xúc, hành vi</li> </ul>

Nhóm hoạt động	Hoạt động cụ thể		Mức độ kỹ năng giao tiếp	Các KNGT được PT
	Nội dung	Hình thức		
	Hoạt động chính trị xã hội	Hoạt động nhân đạo: quyên góp ủng hộ gia đình bạn nghèo, gia đình chính sách	Khá và Tốt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp cận đối tượng giao tiếp</li> <li>- Làm việc nhóm</li> <li>- Thuyết trình trước đám đông</li> <li>- Xử lý tình huống</li> <li>- Chia sẻ</li> <li>- Diễn đạt</li> <li>- Chào hỏi</li> </ul>
Hoạt động Giáo dục, hướng nghiệp	Định hướng nghề nghiệp	Tham quan, trải nghiệm: Một ngày ở làng chè Tân cương	Yếu và TB	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn đạt</li> <li>- Thuyết phục</li> <li>- Lắng nghe</li> <li>- Làm việc nhóm</li> <li>- Chào hỏi</li> </ul>
		Câu lạc bộ NCKH	Khá và Tốt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm việc nhóm</li> <li>- Chia sẻ</li> <li>- Diễn đạt</li> <li>- Thuyết phục</li> <li>- Lắng nghe</li> </ul>

### 3.2.2.1. Nhóm 1: Hoạt động phát triển cá nhân

- Nội dung: Hoạt động vui chơi, giải trí

- Hình thức tổ chức hoạt động: theo 2 hình thức hoạt động sau

+ Hình thức tổ chức diễn đàn giao lưu “**Bạn là người như thế nào?**”

- Đối tượng: Dành cho nhóm học sinh có kỹ năng giao tiếp ở mức Yếu và TB.
- Mục đích của hoạt động: nhằm nâng cao khả năng nhận thức của học sinh về bản thân, phát hiện được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân thông qua việc chia sẻ thông tin về bản thân, lắng nghe và đánh giá được về đặc điểm nhân cách của những người bạn xung quanh.

- Yêu cầu về kỹ năng sau giao tiếp sau khi tham gia hoạt động: Chuyển từ mức TB sang mức Khá; chuyển từ mức Yếu sang mức TB (đo theo bảng các biểu hiện các mức độ của kỹ năng giao tiếp)

+ Hình thức tổ chức tọa đàm và sân khấu hóa với chủ đề “**Kết bạn tông**”

- Đối tượng: Dành cho nhóm học sinh có kỹ năng giao tiếp ở mức độ Khá và Tốt
- Mục đích của hoạt động: Giúp học sinh có điều kiện được chia sẻ những hiểu biết của mình về truyền thống kết bạn tông (kết bạn thân) tốt đẹp của dân tộc, có nhu cầu thiết lập các mối quan hệ bạn bè thân thiết và biết cách để hiện thực hóa nhu cầu ấy thông qua việc sử dụng các kỹ năng giao tiếp cụ thể. Học sinh có thể lựa chọn các nhóm bạn theo lớp hoặc các nhóm ngẫu nhiên, cùng nhau xây dựng kịch bản và diễn hoạt cảnh với chủ đề tình bạn. Thông qua các hoạt động này học sinh thể nghiệm được các kỹ năng giao tiếp của bản thân.
- Yêu cầu về kỹ năng sau giao tiếp sau khi tham gia hoạt động: Chuyển từ mức Khá sang mức Tốt; chuyển từ mức Tốt sang mức Rất tốt (đo theo bảng các biểu hiện các mức độ của kỹ năng giao tiếp)

### 3.2.2.2. Nhóm 2: Hoạt động lao động

- Nội dung: Lao động và lao động công ích
- Hình thức tổ chức hoạt động: theo 2 hình thức sau

+ Hội thi “đô xôil ngũ sắc”

- Đối tượng: Dành cho nhóm học sinh có kỹ năng giao tiếp ở mức Yếu và TB.
- Mục đích của hoạt động: Giúp học sinh được trải nghiệm không khí của hội thi được tổ chức ở nhà trường, học sinh được thể nghiệm các kỹ năng chia sẻ, làm việc nhóm, thuyết phục, diễn đạt... để nhóm thực hiện được nhiệm vụ của hội thi nhờ vậy mà các kỹ năng giao tiếp của học sinh được phát triển.
- Yêu cầu về kỹ năng sau giao tiếp sau khi tham gia hoạt động: Chuyển từ mức TB sang mức Khá; chuyển từ mức Yếu sang mức TB (đo theo bảng các biểu hiện các mức độ của kỹ năng giao tiếp)

+ Lao động công ích “rẫy cỏ tại nghĩa trang liệt sĩ ở địa phương”

- Đối tượng: Dành cho nhóm học sinh có kỹ năng giao tiếp ở mức độ Khá và Tốt
- Mục đích của hoạt động: Giúp học sinh tự tổ chức hoạt động lao động từ khâu phân công, giao nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nhiệm vụ lao động trên. Chính trong quá trình này học sinh phát triển được các kỹ năng giao tiếp của bản thân.
- Yêu cầu về kỹ năng sau giao tiếp sau khi tham gia hoạt động: Chuyển từ mức Khá sang mức Tốt; chuyển từ mức Tốt sang mức Rất tốt (đo theo bảng các biểu hiện các mức độ của kỹ năng giao tiếp)

### 3.2.2.3. Nhóm 3: Hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng

- Nội dung: Hoạt động vui chơi, giải trí và hoạt động chính trị xã hội

- Hình thức tổ chức hoạt động: Theo 2 hình thức sau:

+ Tham quan vườn quốc gia Ba bể - Bắc Kạn

- Đối tượng: Dành cho nhóm học sinh có kỹ năng giao tiếp ở mức Yếu và TB.
- Mục đích của hoạt động: Giúp học sinh được trải nghiệm không gian mới mẻ nhằm thiết lập được các mối quan hệ giao tiếp đa dạng, giúp học sinh tự tin hơn, chủ động hơn trong quá trình giao lưu tiếp xúc với người khác.
- Yêu cầu về kỹ năng sau giao tiếp sau khi tham gia hoạt động: Chuyển từ mức TB sang mức Khá; chuyển từ mức Yếu sang mức TB (đo theo bảng các biểu hiện các mức độ của kỹ năng giao tiếp)

+ Quyên góp ủng hộ gia đình bạn nghèo hoặc gia đình chính sách.

- Đối tượng: Dành cho nhóm học sinh có kỹ năng giao tiếp ở mức độ Khá và Tốt
- Mục đích của hoạt động: Giúp học sinh thiết lập được mối quan hệ với các đối tượng giao tiếp trong và ngoài trường từ các bạn học sinh trong nhà trường đến các lực lượng giáo dục ngoài trường, huy động họ đóng góp để ủng hộ bạn nghèo hoặc gia đình chính sách.
- Yêu cầu về kỹ năng sau giao tiếp sau khi tham gia hoạt động: Chuyển từ mức Khá sang mức Tốt; chuyển từ mức Tốt sang mức Rất tốt (đo theo bảng các biểu hiện các mức độ của kỹ năng giao tiếp)



#### 3.2.2.4. Nhóm 4: Hoạt động giáo dục, hướng nghiệp

- Nội dung: Định hướng nghề nghiệp

- Hình thức tổ chức hoạt động: Theo 2 hình thức sau:

+ Tham quan, trải nghiệm

- Đối tượng: Dành cho nhóm học sinh có kỹ năng giao tiếp ở mức Yếu và TB.
- Mục đích của hoạt động: Giúp học sinh được trải nghiệm không gian lao động mang tính đặc thù của địa phương từ đó học sinh sẽ hiểu thêm về nghề truyền thống của địa phương, biết trân trọng giá trị của lao động và bước đầu hình thành các kỹ năng lao động của những ngành nghề truyền thống.
- Yêu cầu về kỹ năng sau giao tiếp sau khi tham gia hoạt động: Chuyển từ mức TB sang mức Khá; chuyển từ mức Yếu sang mức TB (đo theo bảng các biểu hiện các mức độ của kỹ năng giao tiếp)

+ Câu lạc bộ

- Đối tượng: Dành cho nhóm học sinh có kỹ năng giao tiếp ở mức độ Khá và Tốt
- Mục đích của hoạt động: Giúp học sinh được trải nghiệm niềm đam mê và hứng thú với các môn khoa học mà học sinh yêu thích. Thông qua đó học sinh rèn luyện được các kỹ năng giao tiếp để tổ chức mối quan hệ sao cho có hiệu quả nhằm phối hợp hoạt động giữa các thành viên hướng đến mục đích hoạt động chung của câu lạc bộ.
- Yêu cầu về kỹ năng sau giao tiếp sau khi tham gia hoạt động: Chuyển từ mức Khá sang mức Tốt; chuyển từ mức Tốt sang mức Rất tốt (đo theo bảng các biểu hiện các mức độ của kỹ năng giao tiếp)

### 3.2.3. Khảo nghiệm sự phù hợp và tính khả thi của các nhóm hoạt động được thiết kế

#### 3.2.3.1. Mục đích, đối tượng, cách thức khảo nghiệm

##### *i. Mục đích*

Đánh giá sự phù hợp và tính khả thi của các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng trên địa bàn nghiên cứu

### **ii. Đối tượng khảo nghiệm**

Tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của 30 GV và 60 học sinh THCS thuộc 3 tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên

### **iii. Nội dung khảo nghiệm**

Các nhóm hoạt động trải nghiệm được thiết kế nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS Tày, Nùng trong khu vực.

### **iv. Cách thức thực hiện**

Xây dựng phiếu khảo nghiệm: mỗi phiếu hỏi được đính kèm tài liệu về các nhóm hoạt động trải nghiệm bao gồm: mục đích, nội dung, hình thức hoạt động và yêu cầu về kỹ năng giao tiếp cần đạt sau khi tham gia hoạt động

Xử lý và phân tích kết quả khảo nghiệm: Đề tài sử dụng các phương pháp toán học, quy ước cách cho điểm các hoạt động, tính phần trăm, tính điểm TB và xếp thứ bậc về sự phù hợp và tính khả thi của các hoạt động. Kết quả khảo nghiệm được phân tích dựa trên cơ sở phân tích thông tin của phiếu.

#### **3.2.3.2. Kết quả khảo nghiệm**

**i. Đánh giá sự phù hợp của các nhóm hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng**

**Bảng 3.2. Đánh giá về sự phù hợp của các nhóm hoạt động trải nghiệm**

Nhóm hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp	Sự phù hợp						
	Điểm số				ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
	0	1	2	3			
Diễn đàn giao lưu Chủ đề: Bạn là người như thế nào?	0	9	21	60	2,57	0,67	2
Tọa đàm và sân khấu hóa với chủ đề “kết bạn tông”	1	8	31	50	2,44	0,70	3
Hội thi: đồ xôi ngũ sắc	0	20	27	43	2,26	0,08	5
Rầy cỏ tại nghĩa trang liệt sĩ của địa phương	1	5	15	69	2,69	0,63	1
Tham quan vườn quốc gia Ba Bể - Bắc Cạn	0	14	28	48	2,38	0,74	4
Hoạt động nhân đạo: quyên góp ủng hộ gia đình bạn nghèo, gia đình chính sách	1	8	31	50	2,44	0,70	3
Tham quan, trải nghiệm: Một ngày ở làng chè Tân cương	1	5	15	69	2,69	0,63	1
Câu lạc bộ NCKH	0	20	27	43	2,26	0,08	5

Thực chất, chúng tôi quy ước các mức điểm được cho ở trên cùng đồng nghĩa với các ý kiến đánh giá về các hoạt động trải nghiệm từ mức độ không cần thiết (0 điểm); ít cần thiết (1); cần thiết (2 điểm); rất cần thiết (3 điểm). Qua kết quả ở bảng trên, có thể thấy, GV và học sinh ở các trường THCS tại 03 tỉnh miền núi phía Bắc đánh giá cao sự cần thiết của các hoạt động. Hoạt động được đánh giá cao nhất là “Tham quan, trải nghiệm: Một ngày ở làng chè Tân cương” và “Rẫy cỏ tại nghĩa trang liệt sĩ của địa phương” với điểm TB là 2,69. Hoạt động “Câu lạc bộ NCKH” được đánh giá với mức điểm TB thấp nhất là 2,26. Mặc dù có sự chênh lệch về ĐTB giữa các hoạt động pháp song có thể thấy cả giáo viên và học sinh đều đánh giá cả các hoạt động được đưa ra ở mức độ cần thiết. Số liệu tổng hợp tại bảng trên cũng cho thấy chỉ số về độ lệch chuẩn (ĐLC) dao động từ 0,63 đến 0,8 có nghĩa sự phân tán quanh điểm số trung bình là tương đối cao. Thu thập thông tin qua phiếu hỏi hỗ trợ, chúng tôi nhận thấy, tất cả GV và học sinh được hỏi đều đã nghiên cứu về các hoạt động qua tài liệu đính kèm có nghĩa những đánh giá là có cơ sở và có độ tin cậy. Sự chênh lệch này có thể lí giải là do thực tiễn giáo dục tại các trường THCS là khác nhau hoặc do đặc trưng của từng địa phương nơi trường đóng. Mặc dù, giáo viên có thể đánh giá điểm số khác nhau nhưng hầu hết đều thừa nhận sự cần thiết của các hoạt động trải nghiệm trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS Tày, Nùng.

*ii. Đánh giá về tính khả thi của các hoạt động trải nghiệm trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS Tày, Nùng các tỉnh miền núi phía Bắc*

**Bảng 3.3. Đánh giá tính khả thi của các biện pháp**

Nhóm hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp	Tính khả thi						
	Điểm số				ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
	0	1	2	3			
Diễn đàn giao lưu Chủ đề: Bạn là người như thế nào?	1	7	26	56	2,52	0,69	3
Tọa đàm và sân khấu hóa với chủ đề “kết bạn từng”	0	0	32	58	2,64	0,48	2
Hội thi: đồ xôi ngũ sắc	0	1	0	89	2,98	0,21	1
Rẫy cỏ tại nghĩa trang liệt sĩ của địa phương	0	1	0	89	2,98	0,21	1
Tham quan vườn quốc gia Ba Bể - Bắc Kạn	2	14	36	38	2,22	0,79	5
Hoạt động nhân đạo: quyên góp ủng hộ gia đình bạn nghèo, gia đình chính sách	0	0	32	58	2,64	0,48	2
Tham quan, trải nghiệm: Một ngày ở làng chè Tân cương	3	4	27	56	2,51	0,74	4
Câu lạc bộ NCKH	3	4	27	56	2,51	0,74	4

Với cách quy ước điểm số tương tự cách đánh giá về tính cần thiết, kết quả đánh giá về tính khả thi của các hoạt động trải nghiệm được thiết kế nhìn chung có điểm số cao hơn so với đánh giá về tính cần thiết của hoạt động. Hoạt động trải nghiệm được đánh giá khả thi nhất là “Hội thi: đồ xôi ngũ sắc và hoạt động lao động công ích Rẫy cỏ tại nghĩa trang liệt sĩ của địa phương” với ĐTB đạt 2,98, điều này có nghĩa các hoạt động này được xem là rất khả thi khi thực hiện. Hoạt động được xếp thứ 2 là “Hoạt động nhân đạo: quyên góp ủng hộ gia đình bạn nghèo, gia đình chính sách” với ĐTB là 2,64. Để lí giải nguyên nhân chúng tôi hỏi ngẫu nhiên một số GV ở các tỉnh khác nhau, nhìn chung họ đều cho rằng để thực hiện được quá trình tích hợp giáo dục KNGT cho học sinh THCS người Tày, Nùng thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm, việc làm đầu tiên là phải biết thiết kế hoạt động sao cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của học sinh. Hầu hết các hoạt động đánh giá tính khả thi thấp hơn như tham quan, trải nghiệm là do các hoạt động trải nghiệm này để thực hiện cần đến kinh phí hoạt động, đây là khó khăn lớn cho các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu do vậy tính khả thi thấp hơn. Hoặc do năng lực còn hạn chế nên những trải nghiệm thông qua NCKH cũng không được đánh giá cao về tính khả thi so với các hoạt động trải nghiệm được khảo sát.

### ***iii. Đánh giá chung về khảo nghiệm***

Qua các kết quả tổng hợp tại hai bảng số liệu trên cho thấy, GV và HS được trưng cầu ý kiến có những khác biệt khác nhau giữa sự cần thiết và khả thi của các hoạt động trải nghiệm được thiết kế. Đối với nội dung của mỗi hoạt động trải nghiệm thì điểm số được cho là khá phân tán. Tuy nhiên, kết quả khảo sát không cho thấy những kết luận trái chiều, tất cả hoạt động trải nghiệm được đưa ra khảo sát đều được đánh giá ở mức độ cần thiết và khả thi. Điểm TB có sự chênh lệch song vẫn thuộc phạm vi các mức độ được quy ước.

Kết quả khảo nghiệm trên sẽ là một trong những căn cứ khoa học chắc chắn để tác giả đề tài định hướng, lựa chọn các hoạt động tổ chức thử nghiệm trong thực tiễn phát triển các KNGT cho học sinh THCS Tày, Nùng trong khu vực.

### ***3.2.4. Thử nghiệm sư phạm***

#### ***3.2.4.1. Khái quát về thử nghiệm sư phạm***

##### ***i. Xác định các hoạt động trải nghiệm tiến hành thử nghiệm***

Hệ thống các hoạt động trải nghiệm do tác giả xây dựng dựa trên yêu cầu về 04 nhóm hoạt động trải nghiệm theo chương trình hoạt động trải nghiệm của

chương trình giáo dục phổ thông mới. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài chúng tôi chỉ lựa chọn thử nghiệm 2 hoạt động là:

*Hoạt động 1:* Hội thi “đồ xôi ngũ sắc”

*Hoạt động 2:* Giao lưu chủ đề “kết bạn tông”

Căn cứ để chúng tôi lựa chọn các hoạt động trên là dựa vào những điều kiện thực tiễn của hoạt động giáo dục phát triển KNGT tại các trường THCS hiện nay. Mặt khác chúng tôi xác định, hai hoạt động trải nghiệm này có thể giúp phát huy tối đa kỹ năng giao tiếp của học sinh khi trực tiếp tham gia vào các khâu của hoạt động.

### **ii. Mục đích thử nghiệm**

Thẩm định tính hiệu quả của các nhóm hoạt động trải nghiệm đã thiết kế để phát triển KNGT cho học sinh THCS Tày, Nùng trong thực tiễn giáo dục tại các trường THCS của khu vực nhằm kiểm nghiệm giả thiết khoa học của đề tài.

### **iii. Đối tượng thử nghiệm**

Thử nghiệm tại tỉnh Bắc Kạn: Chúng tôi chọn trường PTDTNT THCS Ba Bể, huyện Chợ Rã với 5 GV và 34 HS trong đó 100% số HS trên là học sinh người dân tộc Tày, Nùng.

Thử nghiệm tại tỉnh Cao Bằng: chúng tôi tổ chức tại trường THCS Nước Hai, Huyện Hòa An; thử nghiệm tiến hành với 5 GV và 45 HS là người dân tộc Tày, Nùng tại trường.

### **iv. Nội dung thử nghiệm**

Tiến hành thử nghiệm 2 nội dung hoạt động trải nghiệm gồm:

*Hoạt động 1:* Hội thi “đồ xôi ngũ sắc”

*Hoạt động 2:* Tọa đàm và sân khấu hóa với chủ đề “kết bạn tông”

### **v. Thời gian thử nghiệm**

Thời gian thử nghiệm từ T9 - T11/2017

Thử nghiệm được tiến hành thông qua hai bước:

Bước 1: Tập huấn giáo viên về quy trình thiết kế hoạt động giáo dục nhằm phát triển KNGT học sinh cho nhóm học sinh THCS Tày, Nùng.

Bước 2: Tổ chức hoạt động trải nghiệm và tiến hành đo mức độ các kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người Tày, Nùng trước và sau khi tham gia các hoạt động trải nghiệm ở cả hai nhóm thử nghiệm và đối chứng.

### ***vi. Cách thức thử nghiệm***

a. Bước 1: Tập huấn giáo viên.

Biên soạn tài liệu hướng dẫn quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển các KNKT cho học sinh THCS Tày, Nùng.

Chọn nhóm GV thử nghiệm, phát tài liệu hướng dẫn.

Yêu cầu giáo viên nghiên cứu tài liệu và lập kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục theo quy trình hướng dẫn.

b. Bước 2: Tổ chức các hình thức hoạt động trải nghiệm đã được thiết kế của nhóm Gv tham gia thử nghiệm cho học sinh tại các lớp thử nghiệm

#### ***\* Chuẩn bị***

Lựa chọn mẫu thử nghiệm: Ở tỉnh Bắc Cạn chúng tôi lựa chọn thử nghiệm tác động với 34 học sinh người dân tộc Tày, Nùng thuộc trường PTDTNT THCS thị trấn Chợ Rã Huyện Ba Bể. Tại tỉnh Cao Bằng: chúng tôi thử nghiệm trên 45 em học sinh trường THCS Thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An.

Các nhóm học sinh có sự tương đồng về nhận thức, điều kiện và môi trường sống đảm bảo đánh giá chính xác kết quả sau thử nghiệm không phải do sự khác biệt ban đầu.

Khảo sát nhận thức của cả 2 nhóm thử nghiệm ở hai tỉnh về các kỹ năng giao tiếp của học sinh trước thử nghiệm.

Xác định các điều kiện thử nghiệm như: không gian tổ chức hoạt động, phương tiện, điều kiện về phía học sinh...

#### ***\* Tiến hành thử nghiệm***

GV tham gia tập huấn tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh các lớp thử nghiệm. Đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu của hoạt động thử nghiệm là nhằm giúp học sinh được chủ động tự tổ chức các hoạt động trải nghiệm.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm, nhóm nghiên cứu chủ động quan sát, nắm bắt thông tin phục vụ cho việc đánh giá kết quả sau thử nghiệm được toàn diện, khách quan và chính xác đồng thời hỗ trợ GV và HS thử nghiệm.

### ***vii. Các tiêu chí và thang đánh giá***

Đánh giá sự phát triển của các kỹ năng giao tiếp thông qua bảng đo các mức độ biểu hiện của các kỹ năng.

*\* Công cụ đánh giá và thang đánh giá*

+ Định lượng: Đánh giá mức độ phát triển của các kỹ năng giao tiếp ở học sinh ở cả nhóm thử nghiệm và đối chứng thông qua bảng tự đánh giá của học sinh tương ứng với các mức độ biểu hiện của kỹ năng. Đồng thời sử dụng các bài tập tình huống để đánh giá khả năng áp dụng kỹ năng giao tiếp trong quá trình giải quyết các mối quan hệ mang tính giả định.

+ Định tính: Được đánh giá thông qua quan sát biểu hiện của học sinh khi tham gia các hoạt động trải nghiệm kết hợp phỏng vấn để khẳng định độ tin cậy mức độ biểu hiện của các kỹ năng giao tiếp. Chúng tôi quan sát và phân tích hứng thú, thái độ của học sinh trong thử nghiệm để làm rõ kết quả thực nghiệm với các mức sau:

Mức độ 1: Rất hứng thú, rất tích cực

Hứng thú, thái độ: Học sinh tỏ ra sự hào hứng cao, phấn khởi và háo hức trong quá trình tham gia các hoạt động trải nghiệm được tổ chức.

Hành vi: Trong quá trình tham gia các hoạt động trải nghiệm, học sinh nhiệt tình, sôi nổi, hào hứng chứng tỏ năng lực của bản thân, của nhóm, cố gắng nỗ lực và phát huy tinh thần tập thể để giành kết quả cao hoặc sự đánh giá cao của giáo viên trong các nội dung hoạt động.

Mức độ 2: Hứng thú, tích cực

Hứng thú, thái độ: học sinh tương đối thích thú với các trải nghiệm được tổ chức. Đôi khi tỏ ra mất tập trung hoặc còn lơ là khi tham gia ở một vài khâu của hoạt động.

Hành vi: Học sinh tỏ ra tích cực trong một số hoạt động, đôi khi sao nhãng yêu cầu thực hiện một số nhiệm vụ mà giáo viên giao cho.

Mức độ 3: Bình thường

Hứng thú, thái độ: học sinh không có biểu hiện là không thích song cũng không tỏ thái độ hào hứng, tích cực trong học tập hay hoạt động được tham gia.

Hành vi: Học sinh thực hiện theo mệnh lệnh của giáo viên, ít chú tâm đến kết quả thực hiện các yêu cầu.

Mức độ 4: Không hứng thú, không tích cực

Hứng thú, tích cực: Học sinh tỏ thái độ thờ ơ hoặc khó chịu với các hoạt động trải nghiệm, không tích cực trong hoạt động giáo dục được tổ chức.

Hành vi: Không quan tâm đến việc thực hiện yêu cầu của giáo viên và cũng không quan tâm đến kết quả làm việc của các nhóm khác.

### viii. Xử lý kết quả thử nghiệm

Phân tích định lượng: Chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS để tính toán những chỉ số có liên quan như: giá trị TB, phương sai, độ lệch chuẩn, tỉ lệ phần trăm và luận giải một số thông số... Chúng tôi sử dụng một số công thức sau:

- Giá trị trung bình  $\bar{X}$ : thể hiện trị số trung bình của điểm, nhằm so sánh mức học trung bình của HS trước và sau thử nghiệm. Giá trị trung bình được tính theo công thức:

$$\bar{X} = \frac{n_1x_1 + n_2x_2 + \dots + n_kx_k}{n_1 + n_2 + \dots + n_k} \quad \text{Hoặc } \bar{X} = \sum_{i=1}^n \frac{X_i f_i}{n}$$

Trong đó: n là số HS

$X_i$  là các giá trị quan sát được

$\bar{X}$ : là trung bình cộng được

$f_i$ : là tần số của giá trị i

- Phương sai và độ lệch chuẩn: độ lệch chuẩn phản ánh sự sai lệch hay độ dao động của các số liệu xung quanh giá trị trung bình. Độ lệch càng nhỏ thì kết quả khảo sát của HS phân tán quanh  $\bar{X}$  càng ít và ngược lại.

+ Phương sai được tính theo công thức:

$$\delta^2 = \frac{1}{N} \sum_{i=1}^N (X_i - \bar{X})^2$$

Trong đó:  $\delta^2$ : phương sai của nhóm thử nghiệm

$X_i$ : giá trị i

$\bar{X}$ : giá trị trung bình

$f_i$ : tần số

+ Độ lệch chuẩn:

$$\delta = \sqrt{\delta^2} = \sqrt{\frac{1}{N} \sum_{i=1}^N (X_i - \bar{X})^2}$$



- Giá trị  $p$  của phép kiểm chứng t-test: là xác suất xảy ra ngẫu nhiên, thông thường hệ số  $p \leq 0,05$ . Sử dụng phép kiểm chứng t-test độc lập để kiểm chứng sự chênh lệch về giá trị  $\bar{X}$  của học sinh trước và sau TN có xảy ra ngẫu nhiên hay không. Nếu giá trị  $p > 0,05$  có nghĩa chênh lệch xảy ra hoàn toàn ngẫu nhiên. Ngược lại, nếu  $p \leq 0,05$  có nghĩa là tác động mà chúng tôi thực hiện đã thực sự tạo ra sự thay đổi ở nhóm TN hay sự chênh lệch có ý nghĩa về mặt thống kê.

Phân tích định tính và các chỉ tiêu hỗ trợ: Căn cứ vào hứng thú của học sinh, tính tích cực và các kết quả trực tiếp trong hoạt động đã được ghi lại (ví dụ: kết quả hội thi, cách xử lí các tình huống trong quá trình tham gia hoạt động, biểu hiện của các kỹ năng...), thời gian hoàn thành phiếu hỏi của các lần thử nghiệm, xử lí tình huống giao tiếp, thông qua quan sát, video và phỏng vấn trực tiếp để củng cố tính vững chắc của kết quả thử nghiệm.

### 3.2.4.2. Kết quả thử nghiệm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh người Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam

#### i. Kết quả định lượng

\* Phân tích kết quả trước thử nghiệm

Chúng tôi tiến hành khảo sát mức độ biểu hiện của kỹ năng giao tiếp của học sinh ở cả hai tỉnh. Kết quả thu được thể hiện tại bảng sau:

**Bảng 3.4. Biểu hiện của học sinh về kỹ năng giao tiếp trước thử nghiệm**

Nhận thức	Rất tốt (%)	Tốt (%)	Khá (%)	Trung bình (%)	Yếu (%)	$\bar{X}$
Bắc Kạn	0	22,5	33,5	28,4	15,6	<b>5,0</b>
Cao Bằng	0	19	34,7	29,6	16,7	<b>4,88</b>

Kết quả khảo sát mức độ biểu hiện các kỹ năng của học sinh trước thử nghiệm ở Bắc Kạn cho thấy, không có học sinh nào đạt mức Rất tốt, có 22,5% học sinh đạt mức Tốt, mức trung bình là 33,5%, còn lại là số lượng học sinh ở mức trung bình và

yếu. Tại tỉnh Cao Bằng không có học sinh nào ở mức rất tốt, tỉ lệ học sinh đạt mức tốt là 19%, tỉ lệ học sinh ở mức yếu là 16,7% và có 29,6% học sinh mức trung bình. Với tỉ lệ điểm như trên,  $\bar{X}$  được tính ở học sinh tỉnh Bắc Kạn là 5,0 và Cao Bằng là 4,88. Tương quan so với điểm tuyệt đối là 10 điểm thì biểu hiện kỹ năng giao tiếp của học sinh ở cả hai tỉnh trước thử nghiệm ở mức độ trung bình.

Kết quả khảo sát trước thử nghiệm cho thấy học sinh ở cả hai nhóm thử nghiệm tại hai địa phương có sự biểu hiện các kỹ năng giao tiếp đạt ở mức trung bình khá.

\* Phân tích kết quả sau thử nghiệm

+ Nội dung cụ thể trong thử nghiệm: chúng tôi yêu cầu giáo viên thiết kế các hoạt động trải nghiệm theo quy trình đã được tập huấn. Tổ chức thử nghiệm 2 hình thức trải nghiệm đã lựa chọn cho lớp thử nghiệm. Chúng tôi phân loại học sinh lớp thử nghiệm mặc định thành 2 nhóm, nhóm 1: các em có kỹ năng giao tiếp ở mức yếu và TB. Nhóm 2: những học sinh có kỹ năng giao tiếp ở mức Khá và Tốt (Đánh giá mức độ kỹ năng giao tiếp dựa trên kết quả khảo sát trước thử nghiệm và xin ý kiến của GVCN và PHHS về biểu hiện giao tiếp hàng ngày của học sinh). Ở hoạt động 1 “Thi đồ xôi ngũ sắc” chúng tôi tập trung quan sát biểu hiện của các em học sinh ở nhóm 1, xem cách học sinh tổ chức và giao tiếp làm việc nhóm như thế nào để đạt được hiệu quả. Ở hoạt động 2, chúng tôi tổ chức cho học sinh 1 buổi tọa đàm trong phạm vi lớp thử nghiệm, học sinh được trao đổi, chia sẻ hiểu biết về tình bạn và phong tục kết bạn tông của người Tày, Nùng. Học sinh được lựa chọn nhóm gồm 3 thành viên, mỗi nhóm xây dựng kịch bản của 1 tình huống với chủ đề tình bạn gửi cho ban tổ chức dưới sự giám sát của GV tổ chức hoạt động trải nghiệm. Các nhóm sân khấu hóa cách giải quyết tình huống bốc thăm được. Đây là hoạt động dành cho nhóm có kỹ năng giao tiếp Khá và Tốt thể hiện thông qua việc trao đổi để xây dựng tình huống, việc lựa chọn cách xử lý tình huống bốc thăm mang tính chất bất ngờ cần có kỹ năng giao tiếp để diễn đạt, chia sẻ, thuyết phục và thống nhất cách làm việc của nhóm.

+ Kết quả thu được: Kết quả được đo bằng phiếu hỏi kết hợp quan sát kết quả của hoạt động thử nghiệm.

**Bảng 3.5. Biểu hiện của học sinh về KNGT sau TN**

Nhận thức		Rất Tốt (%)	Tốt (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)
<b>Bắc Kạn</b>	<b>Trước TN</b>	0	22,5	33,5	28,4	15,6
	<b>Sau TN 1</b>	8,7	33,8	29,6	21,8	6,1
<b>Cao Bằng</b>	<b>Trước TN</b>	0	19	34,7	29,6	16,7
	<b>Sau TN 1</b>	7,4	28,6	28,7	24,6	10,7

- Tại Bắc Kạn: Sau TN lần 1, số học sinh ở mức Rất Tốt tăng từ 0 lên 8,7%. Mức Tốt ở lớp BK 22,5% lên 33,8%. Tỷ lệ điểm mức Khá giảm từ 33,5% xuống 29,6%. Điểm TB giảm mạnh từ 28,4% xuống còn 21,8%. Giảm mạnh nhất là tỷ lệ Mức Yếu từ 15,6% xuống còn 6,1%.

- Tại Cao Bằng: Sau TN lần 1, tỷ lệ Mức Rất tốt tăng lên 7,4%; Mức Tốt tăng từ 19% lên 28,6%; mức Khá giảm từ 34,7% xuống còn 28,7%; Mức TB giảm từ 29,6% xuống còn 24,6%; mức yếu có sự giảm sâu từ 16,7% xuống 10,7%..

Dựa trên tương quan điểm số so với trước TN ở cả hai tỉnh rõ ràng có sự cải thiện đáng kể về mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của học sinh. Tuy nhiên để kiểm định sự thay đổi là do tác động thử nghiệm mang lại hay hoàn toàn do ngẫu nhiên, chúng tôi đã sử dụng phép kiểm chứng t-test độc lập để kiểm chứng sự chênh lệch về giá trị  $\bar{X}$  của hai nhóm học sinh trước và sau TN.

**Bảng 3.6. Biểu hiện mức độ kỹ năng giao tiếp của HS trước và sau TN**

Nhận thức	Trước TN		Sau TN lần 1		p
	TB	S	TB	S	
<b>Bắc Kạn</b>	5,0	1,42	5,87	1,45	0,00
<b>Cao Bằng</b>	4,88	1,4	5,47	1,36	0,00

Như vậy ở tỉnh Bắc Kạn,  $\bar{X}$  nhận thức ở lớp TN từ 5,0 (trước TN) tăng lên thành 5,87, tăng 0,87 điểm.

Tại Cao Bằng,  $\bar{X}$  nhận thức ở lớp TN tăng từ 4,88 (trước TN) lên 5,47 (sau TN lần 1), tăng 0,59 điểm.

Giá trị p tính được bằng 0,00 < 0,05 như vậy sự thay đổi về nhận thức của học sinh lớp TN ở Bắc Kạn và Cao Bằng là có ý nghĩa.

### Paired Samples Test

		Paired Differences					t	df	Sig. (2-tailed)
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower	Upper			
BK	kngiaotiep-kngiaotiep1	-.87478	.78775	.16426	.59413	1.27543	5.691	22	<b>.000</b>
CB	kngiaotiep - kngiaotiep1	-.59824	.73390	.17800	.71090	1.46557	6.114	16	<b>.000</b>

Kết quả kiểm nghiệm ở Bắc Kạn với  $t = 5,691$ , độ tự do  $df$  là 22, sự tương quan trong kiểm nghiệm hai giá trị trước thử nghiệm và sau TN lần 1 với  $P=0,00 < 0,05$ , như vậy sự khác biệt này là có ý nghĩa, không phải là sự thay đổi ngẫu nhiên mà do tác động thử nghiệm mang lại.

Kết quả kiểm nghiệm trên lớp TN ở Cao Bằng với  $t = 6,114$ , độ tự do  $df$  là 16,  $p=0,00 < 0,05$ . Như vậy cũng có thể kết luận, sự thay đổi trong nhận thức của học sinh là có ý nghĩa và đây chính là kết quả tác động bởi thử nghiệm mang lại.

Như vậy, kết quả thử nghiệm tại tỉnh Bắc Kạn và Cao Bằng cho thấy, có sự thay đổi tích cực về các biểu hiện của kỹ năng giao tiếp. Học sinh bước đầu thể hiện được sự tự tin, chủ động và có cố gắng trong việc giao tiếp với các bạn trong nhóm. Mặc dù được kiểm định sự khác biệt có ý nghĩa song điểm trung bình trước và sau TN chưa có sự gia tăng cách biệt, tính tương quan với điểm tuyệt đối nhìn chung đều ở mức dưới TB. Trên thực tế các kết quả thử nghiệm trong đề tài mới bước đầu khẳng định tính ưu thế của hoạt động trải nghiệm trong việc phát triển các kỹ năng giao tiếp cho nhóm học sinh THCS người Tày, Nùng trên địa bàn nghiên cứu. Để có sự thay đổi bền vững của hệ thống kỹ năng giao tiếp cho học sinh, giáo viên cần thiết kế được chương trình hoạt động trải nghiệm có tính hệ

thống được tổ chức thường xuyên trong nhà trường mới đạt được mục đích giáo dục đặt ra.

*ii. Kết quả định tính*

Trong quá trình tổ chức thử nghiệm, chúng tôi tiến hành quan sát trực tiếp hoặc thông qua các sản phẩm hoạt động do học sinh thực hiện như sản phẩm hội thi, kết quả giải quyết tình huống tập tình huống, hứng thú của học sinh khi tham gia hoạt động trải nghiệm... và tổng hợp thành một số nhận định sau:

Ban đầu đa số học sinh còn tỏ ra ngại ngùng, chưa chủ động khi tham gia hoạt động trải nghiệm. Khi GV đặt ra yêu cầu học sinh thực hiện rất nghiêm túc nhưng thái độ không cởi mở. Tuy nhiên khi tiến trình của hoạt động càng đi sâu, học sinh dần bỏ được cảm giác thiếu tự tin, các em trở nên chủ động và cởi mở. Kỹ năng giao tiếp được thể nghiệm và phát triển khi các em được hòa mình vào hoạt động.

+ Nhận định của nhóm nghiên cứu dựa trên kết quả quan sát

Căn cứ vào các mức độ của kỹ năng giao tiếp đã xác định, chúng tôi trực tiếp quan sát học sinh hoặc thông qua tài liệu ghi lại như biên bản quan sát, video clip cách thể hiện hành vi giao tiếp của học sinh trong các hoạt động trải nghiệm cho thấy.

Có 25% học sinh lớp TN ở Bắc Kạn và 32 % ở Cao Bằng tỏ ra đặc biệt hứng thú với các hoạt động trong thử nghiệm. Các em rất hào hứng, sôi nổi, hăng hái, có nhiều em tự tin diễn đạt, thuyết phục và điều khiển các thành viên khác, thể hiện được vai trò dẫn dắt nhóm. Đây là những cá nhân thể hiện sự nhiệt tình cao từ đầu hoạt động đến cuối hoạt động trải nghiệm. Những học sinh này chính là các em có kỹ năng giao tiếp tốt, mạnh dạn, tự tin và linh hoạt trong việc giải quyết tình huống đặt ra cho nhóm.

Có 45 % học sinh lớp Bắc Kạn và 35% học sinh lớp Cao Bằng tỏ ra hứng thú với hoạt động trải nghiệm trong thử nghiệm. Các em chú ý lắng nghe yêu cầu của giáo viên và nghiêm túc thực hiện. Các em là những thành viên tích cực góp ý trong các hoạt động nhóm, hăng hái phát biểu ý kiến của mình. Tuy nhiên hứng thú này không duy trì được lâu trong tất cả mọi hoạt động. Nhóm học sinh có thể hứng thú với hoạt động này song lại thờ ơ với một số hoạt động khác mặc dù được tổ chức cùng trong một buổi của hoạt động trải nghiệm.

Có 30% học sinh lớp TN ở Bắc Kạn và 35% ở lớp Cao Bằng tỏ thái độ bình thường trước các hoạt động trải nghiệm do chúng tôi tổ chức. Đôi khi các em cũng bị cuốn vào một số hoạt động cùng với lớp, có tham gia góp ý nhưng không chủ

động, muốn nói xong các bạn chưa tập trung thì cũng dễ dàng từ bỏ việc chia sẻ ý kiến của bản thân. Khi cô giáo chỉ định, các em vẫn có thể trả lời dù diễn đạt chưa trôi chảy. Khoảng 10% học sinh lớp TN ở cả hai tỉnh không hứng thú với hoạt động trải nghiệm. Đây là nhóm học sinh hoàn toàn thờ ơ trước yêu cầu của giáo viên, bản thân không chủ động tham gia đóng góp ý kiến khi làm việc nhóm, không chủ động trò chuyện trao đổi với người xung quanh.

#### + Kết quả phỏng vấn học sinh

Chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn một số học sinh về các hoạt động trải nghiệm cho học sinh THCS người Tày, Nùng mà nhóm nghiên cứu đề xuất, cụ thể như sau:

- Trường hợp em Hoàng Ngọc Mai (dân tộc Tày) - Học sinh lớp 8, trường PTDTNT THCS Chợ Rã (Bắc Kạn) đã bày tỏ “Em rất thích những hoạt động được này, em hiểu thêm về các bạn mình và biết có thể nói như thế nào các bạn sẽ nghe”

- Trường hợp em Chu Thị Hoàng (dân tộc Nùng) - Học sinh lớp 8, trường THCS Nước Hai (Cao Bằng) cho biết “Nhóm em là nhóm cuối, nhóm em không được nhận thành viên, có 1 bạn trong nhóm em không hay chơi cùng ở trên lớp nhưng khi tham gia hoạt động này em thấy bạn nói chuyện rất hay, bạn cũng rất chịu khó nghe khi em nói và ủng hộ em. Sau này em với bạn có thể chơi cùng nhau nhiều hơn”.

Kết quả thử nghiệm cho thấy, hoạt động trải nghiệm hoàn toàn phù hợp với đặc điểm của học sinh THCS người Tày, Nùng. Đây cũng chính là một trong những phương thức giáo dục khắc phục nhược điểm đặc trưng của học sinh THCS người Tày, Nùng là sự rụt rè, nhút nhát và thiếu tự tin trong giao tiếp cũng như trong học tập và tham gia hoạt động.

### **Tiểu kết chương 3**

Phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS qua HĐTN là một nhiệm vụ quan trọng, song cũng là một nhiệm vụ đòi hỏi tính kiên trì, sự tâm huyết của giáo viên và sự ủng hộ của các bậc phụ huynh học sinh. Để việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh đạt hiệu quả cao đòi hỏi phải thực hiện được đồng bộ và linh hoạt các hoạt động giáo dục trải nghiệm theo quy trình đã thiết kế.

Quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho nhóm học sinh THCS người Tày, Nùng gồm 6 bước:

Bước 1: Dự báo nhu cầu của học sinh về tổ chức hoạt động trải nghiệm

Bước 2: Lựa chọn tên của hoạt động

Bước 3: Xác định mục tiêu của hoạt động

Bước 4: Trích dẫn thông tin nguồn

Bước 5: Xây dựng kế hoạch dự kiến hoạt động trải nghiệm được tổ chức

Bước 6: Kiểm tra, điều chỉnh, hoàn thiện chương trình hoạt động

Từ quy trình trên, đề tài thiết kế thử nghiệm 2 hoạt động trải nghiệm ứng với các mức độ kỹ năng giao tiếp của học sinh từ mức yếu đến tốt, bao gồm:

1) Tọa đàm và sân khấu hóa với chủ đề “kết bạn tổng”

2) Hội thi: đồ xôi ngũ sắc

Hai hoạt động được lựa chọn thử nghiệm do đảm bảo các điều kiện phù hợp với thực tế tại các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu và nhận được sự đồng tình của học sinh và PHHS khi thăm dò về sự phù hợp và tính khả thi. Kết quả thử nghiệm 2 hoạt động trên bước đầu cho thấy có sự thay đổi về biểu hiện các kỹ năng của học sinh THCS người Tày, Nùng thể hiện ở chỗ: học sinh có nhu cầu giao tiếp nhiều hơn, thiết lập được các mối quan hệ mang tính cởi mở hơn và tự tin hơn trong giao tiếp, biết sử dụng từ ngữ một cách linh hoạt để diễn tả ý định của bản thân...

## **KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

Phát triển KNGT thông qua HĐTN cho HS THCS người Tày, Nùng là một nội dung giáo dục quan trọng. Thông qua HĐTN sẽ giúp học sinh có điều kiện trải nghiệm được các mối quan hệ giao tiếp, tự tin hơn và giao tiếp có hiệu quả hơn. Phát triển KNGT thông qua các HĐTN vừa góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường vừa góp phần giúp học sinh hiểu thêm về văn hóa đặc trưng của dân tộc để từ đó biết gìn giữ, bảo tồn những tinh hoa văn hóa của chính dân tộc mình.

### **1. Kết luận**

Phát triển KNGT là một nội dung giáo dục quan trọng của quá trình giáo dục trong nhà trường nhằm hướng đến sự phát triển toàn diện nhân cách học sinh. Phát triển KNGT thông qua HĐTN cho HS là phương thức giáo dục mới đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay. Thực hiện hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm dựa trên cơ sở lí luận về phương pháp và hình thức tổ chức, nội dung và các nhóm hoạt động trải nghiệm ở trường THCS, các yếu tố ảnh hưởng. Đặc biệt cần xác định được mức độ biểu hiện các kỹ năng giao tiếp của học sinh để trên cơ sở đó lựa chọn các hoạt động trải nghiệm nhằm phát huy tốt nhất vai trò trong phát triển các kỹ năng giao tiếp của học sinh lên mức độ cao hơn.

Thực trạng triển khai tổ chức các hoạt động trải nghiệm trên đại bàn nghiên cứu cho thấy một số vấn đề sau:

Nhìn chung các kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người Tày, Nùng tại các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên nhìn chung ở mức TB khá, học sinh đã có sự tự tin hơn so với giai đoạn trước đây song chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn học tập và sinh hoạt. Nhiều em có biểu hiện thờ ơ, thiếu linh hoạt và không chủ động trong các hoạt động giao tiếp hàng ngày, nội dung giao tiếp nghèo nàn, phạm vi giao tiếp nhìn chung khá hẹp.

Việc triển khai các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển KNGT ở các trường THCS trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc bước đầu có sự quan tâm của nhà trường. Tuy nhiên, GV còn lúng túng trong việc tổ chức các HĐTN, nhận thức chưa đầy đủ về hoạt động trải nghiệm và vai trò của nó với việc phát triển các kỹ năng giao tiếp của học sinh, năng lực triển khai, tổ chức các hoạt động trải để phát triển KNGT của GV còn hạn chế, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động còn



chưa đáp ứng đầy đủ. Sự huy động và phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường trong công tác tổ chức các hoạt động trải nghiệm chưa thực sự phát huy được hiệu quả.

Từ những vấn đề lí luận và thực tiễn cho thấy cần thiết phải có một quy trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển được các kỹ năng giao tiếp của học sinh. Quy trình phải chỉ rõ các bước thiết kế một hoạt động trải nghiệm hướng tới mục đích phát triển các kỹ năng giao tiếp cho nhóm học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng trên địa bàn nghiên cứu. Khi thiết kế hoạt động cần dựa vào nhu cầu của học sinh, xác định đúng các mức độ kỹ năng giao tiếp của học sinh để lựa chọn hình thức và nội dung hoạt động sao cho phù hợp. Đặc biệt nội dung các hoạt động phải gắn với thực tiễn cuộc sống, với đặc trưng văn hóa vùng miền, dân tộc và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.

Để đảm bảo sự phù hợp và tính khả thi của các hoạt động trải nghiệm được xác định, đề tài đã tiến hành khảo nghiệm và thử nghiệm sư phạm trên các lớp thử nghiệm. Phân tích và đối chiếu kết quả với các lớp đối chứng, kiểm nghiệm kết quả nghiên cứu bằng các phương pháp thống kê toán học. Kết quả cho thấy, mặc dù chưa có sự thay đổi khác biệt do thử nghiệm song cho phép nhóm nghiên cứu khẳng định những hoạt động trải nghiệm mà nhóm xác định là có ý nghĩa trong việc phát triển các kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng tại một số tỉnh khu vực miền núi phía Bắc.

## **2. Khuyến nghị**

### **2.1. Đối với các trường Sư phạm:**

Trong chương trình đào tạo giáo viên ở các trường phạm cần phải dành một thời lượng thoả đáng cho việc rèn kỹ năng giao tiếp của sinh viên; nâng cao chất lượng các khóa đào tạo kỹ năng mềm trong đó có kỹ năng giao tiếp sư phạm cho sinh viên, đảm bảo rằng sau khi ra trường sinh viên sư phạm có thể tiến hành một cách có hiệu quả các hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS thông qua các hình thức giáo dục đa dạng, phong phú. Đồng thời các trường sư phạm cũng đẩy mạnh công tác nghiên cứu xây dựng các chương trình bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực tổ chức các hoạt động trải nghiệm nói riêng và năng lực giáo dục học sinh của GV nói chung đáp ứng yêu cầu của việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông hiện nay.

## ***2.2. Đối với các trường THCS khu vực miền núi phía Bắc***

Cần xây dựng được một cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và các lực lượng giáo dục nhằm huy động sự đóng góp mọi nguồn lực cho các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh nói riêng và giáo dục toàn diện học sinh nói chung. Đối với giáo dục miền núi do nhiều điều kiện khó khăn, sự hỗ trợ từ cơ chế phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường là yếu tố đảm bảo cho sự thành công của các hoạt động giáo dục. Mặt khác các trường THCS chủ động lên kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên, vận dụng linh hoạt hoạt động trải nghiệm để tích hợp các nội dung giáo dục học sinh có hiệu quả. Chủ động mời báo cáo viên là giảng viên các trường sư phạm để tập huấn và cập nhật những kiến thức mới nhất có liên quan đến yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

## ***2.3. Đối với giáo viên các trường THCS miền núi phía Bắc***

Là người trực tiếp tiến hành các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển KNGT cho HS. GV cần chủ động tự học, tự bồi dưỡng để có nhận thức đúng về tầm quan trọng của hoạt động phát triển KNGT cho HS. Giúp HS nhận thức được vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của phát triển KNGT thông qua HĐTN, giúp học sinh hình thành được hứng thú và nhu cầu tham gia vào các hoạt động trải nghiệm được tổ chức trong nhà trường. Chủ động và tích cực trong các đợt bồi dưỡng, tập huấn về phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm gắn với đặc điểm đặc trưng của nhóm học sinh THCS người Tày, Nùng.

## ***2.4. Đối với phụ huynh học sinh***

Quan tâm tạo điều kiện tốt nhất về thời gian cho HS học tập và tham gia đầy đủ các HĐTN ở nhà trường. Tăng cường liên lạc với GVCN để nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của HS nói chung cũng như việc phát triển các kỹ năng mềm nói riêng. Tạo điều kiện về vật chất, ủng hộ nhà trường khi tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển các kỹ năng cho HS trong đó có kỹ năng giao tiếp.

Phụ huynh cần dành thời gian tham gia các hoạt động trải nghiệm cùng với con em mình nhằm hỗ trợ nhà trường trong hoạt động theo dõi, đánh giá các kết quả của hoạt động giáo dục ở nhà trường và phát triển KNGT của HS tại gia đình. Khuyến khích, động viên khích lệ con em tích cực tham gia HĐTN trong và ngoài nhà trường để phát triển KNGT trong mọi mối quan hệ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.G. Covaliov (1994), *Tâm lý học cá nhân*, NXB Giáo dục Hà Nội.
2. A.S.Macarenco (1984), *Giáo dục người công dân*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Trọng An (2012), *Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong thời kì mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Hoàng Anh (chủ biên), Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thạc (2007), *Hoạt động giao tiếp nhân cách*, NXB Đại học Sư phạm.
5. Triều Ân (2012), *Huyền thoại dân tộc Tày (Toạ nửa đĩa gấc tày)*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
6. Nguyễn Duy Bắc tuyển chọn (2001), *Lễ hội Tày - Nùng*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
7. Đỗ Thúy Bình (1994), *Hôn nhân và gia đình các dân tộc Tày, Nùng và Thái ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Thanh Bình (2008), "Giáo dục kỹ năng sống dựa vào trải nghiệm", *Tạp chí giáo dục*, số 203 kì 1 tháng 8/2008
9. Nguyễn Thanh Bình (2008), *Giáo dục Việt Nam trong thời kì đổi mới*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
10. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Một số vấn đề trong công tác chủ nhiệm lớp ở trường THPT hiện nay*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
11. Bộ GD&ĐT (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Hà Nội
12. Bộ GD&ĐT (2017), *Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường tiểu học*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT về Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa*, Hà Nội.
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Tăng cường năng lực làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học cơ sở*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
15. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường trung học*; Tài liệu tập huấn giáo viên, Hà Nội.
16. Lê Thị Bùng (2004), *Giao tiếp tuổi tuổi trăng tròn*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.

17. Mai Chi - Khánh Hòa - Hồng Kỳ (1999), *Giáo dục và chăm sóc sức khỏe trẻ em miền núi*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
18. Vàng Thung Chúng (2003), *Phong tục tập quán người Nùng Dín ở Tùng Lôu*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
19. Phạm Khắc Chương - chủ biên (1998), *Giáo dục gia đình*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
20. Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Thị Lan, *Chăm sóc và giáo dục trẻ em*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
21. David A.Kolb (2015), “Lý thuyết học qua trải nghiệm”, *Tạp chí khoa học*, ĐHSP Hà Nội.
22. Phạm Tất Dong (1991), “Những thiệt thòi của trẻ em dân tộc thiểu số ở Việt Nam”, *Tạp chí Thông tin Khoa học giáo dục số 27*, tr. 3-4, Viện khoa học Giáo dục Việt Nam.
23. Phạm Tất Dong (2014), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn của đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục theo Nghị quyết TW XI*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
24. Ma Ngọc Dung (2005), “Ứng xử xã hội trong ăn uống của người Tày”, *Tạp chí Dân tộc học số 3/2005*, tr. 40-45.
25. Vũ Dũng (1996), *Văn hóa giao tiếp*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
26. Ninh Văn Độ - Chủ biên (2003), *Văn hóa truyền thống các dân tộc Tày, Dao, Sán Dìu ở Tuyên Quang*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
27. Nguyễn Văn Đồng (2009), *Tâm lý học giao tiếp*, NXB Chính trị - Hành chính
28. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
29. Trần Quang Đức (2009), *Trò chơi tập thể trong sinh hoạt Đoàn, Hội, Đội*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
30. Phùng Thị Hằng (2015), *Một số đặc điểm giao tiếp của học sinh dân tộc Tày, Nùng*, NXB Giáo dục Việt Nam.
31. Phó Đức Hòa, *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
32. Ngô Công Hoàn (1992), *Một số vấn đề về tâm lý học về giao tiếp sư phạm*, NXB Hà Nội.

33. Nguyễn Văn Hộ (2002), *Lí luận dạy học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
34. Nguyễn Văn Hộ, Hà Thị Đức (2002), *Giáo dục học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
35. Lê Văn Hồng (chủ biên, 2001), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
36. Nguyễn Hữu Hợp (2015), *Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
37. Nguyễn Sinh Huy (1996), “Giáo dục gia đình trong xã hội phát triển và tiến bộ hiện nay”, *Tạp chí thông tin Khoa học giáo dục số 53*, Viện khoa học giáo dục Việt Nam.
38. Ilina T.A (1978), *Giáo dục học tập 3*, NXB Giáo dục
39. Trần Kiểm (2000), “Trẻ em được bảo vệ, chăm sóc về giáo dục”, *Tạp chí Thông tin Khoa học giáo dục số 78*, tr. 19-20, Viện khoa học giáo dục Việt Nam.
40. Nguyễn Thị Liên (chủ biên) (2016), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, NXB Giáo dục Việt Nam.
41. *Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em* (2008), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
42. Triệu Thị Mai (2012), *Văn hóa dân gian người Tày, Nùng Cao Bằng*, Nxb Lao động, Hà Nội.
43. Manabu Sato & Masaaki Sato (2015), *Cộng đồng học tập - Mô hình đổi mới toàn diện nhà trường*, NXB ĐH Sư phạm
44. Nguyễn Bá Minh (2008), *Giáo trình nhập môn khoa học giao tiếp*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
45. Bùi Thị Mùi (2016), *Tình huống sư phạm trong công tác giáo dục học sinh Trung học phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
46. Hoàng Nam (1992), *Dân tộc Nùng ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
47. Hà Thế Ngữ (2001), *Giáo dục học - Một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
48. Nông Thị Ninh (2000), *Âm nhạc dân gian các dân tộc Tày, Nùng, Dao*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
49. Phạm Hồng Quang (2002), *Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho sinh viên sư phạm*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

50. Phạm Hồng Quang (2003), *Tổ chức dạy học cho học sinh dân tộc, miền núi*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
51. Phạm Hồng Quang (2006), *Môi trường giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
52. Hoàng Quyết - Tuấn Dũng (1994), *Phong tục tập quán dân tộc Tày ở Việt Bắc*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
53. Robin McClure - Đỗ Minh Hương dịch (2017), *Gia đình là trường học đầu tiên của con*, NXB Dân trí, Hà Nội
54. Nguyễn Đức Sơn (2016), *Giáo trình đánh giá nhân cách*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội
55. Vũ Thị Sơn (1999), “Giáo dục gia đình ngày nay”, *Tạp chí Thông tin Khoa học giáo dục số 72*, tr. 25, Viện khoa học giáo dục Việt Nam.
56. Nguyễn Ngọc Thanh (2005), “Đặc trưng lễ hội truyền thống của người Tày, Nùng ở Việt Bắc”, *Tạp chí Dân tộc học số 4/2005*, tr. 3-8.
57. Hà Đình Thành, *Văn hóa dân gian Tày - Nùng ở Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
58. Trương Thanh Thúy, “Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học phổ thông qua hoạt động ngoại khóa”, *Tạp chí khoa học Giáo dục*, (Số 116/2015).
59. Mạc Văn Trang (2011), *Xã hội học giáo dục*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
60. Bùi Sỹ Tụng, Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Phi Long, Trần Quốc Thành (2006) *Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, Sách giáo viên lớp 10*, NXB Giáo dục.
61. Bùi Sỹ Tụng, Lê Văn Cầu, Lê Thanh Sử, Đỗ Tường Vi (2007), *Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, Sách giáo viên lớp 11*, NXB Giáo dục.
62. Bùi Sỹ Tụng, Lê Văn Cầu, Nguyễn Đức Quang (2007), *Tập sách hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, Sách giáo viên lớp 12*, NXB Giáo dục.
63. Thái Duy Tuyên (2001), *Giáo dục học hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
64. Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyến, Trần Quốc Thành (1995), *Tâm lý học đại cương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
65. Viện Dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*, Hà Nội.
66. Phan Thị Hồng Vinh (2010), *Giáo trình Giáo dục học*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1

#### PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP

Mẫu 1.1:

#### PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN

*(Dành cho học sinh)*

Để phục vụ cho công tác nghiên cứu hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, em vui lòng cho biết những thông tin dưới đây:

#### Phần 1: Thông tin cá nhân

Học sinh lớp .....

Giới tính: .....

Dân tộc:  Tày                       Nùng

Trường: .....

#### Phần 2: Nội dung

##### Câu 1. Theo em, kỹ năng giao tiếp là gì?

*(Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)*

Là sự vận dụng tri thức kinh nghiệm của cá nhân vào trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả các mục đích giao tiếp đề ra.

Là cách nói chuyện với người khác một cách lôi cuốn, hấp dẫn đạt được hiệu quả trong giao tiếp.

Kỹ năng giao tiếp là khả năng phối hợp hài hòa, hợp lý những thao tác, cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ trong giao tiếp để đạt được mục đích giao tiếp

##### Câu 2. Theo em, kỹ năng giao tiếp có vai trò như thế nào trong đời sống và học tập?

*(Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)*

Rất quan trọng

Quan trọng

Bình thường

Ít quan trọng

Không quan trọng

**Câu 3: Em vui lòng cho biết các kỹ năng giao tiếp sau đây của em ở mức độ nào?**

*(Đánh dấu X vào phương án lựa chọn tương ứng với mỗi kỹ năng, mỗi kỹ năng chỉ chọn 01 mức em cảm thấy đúng nhất)*

TT	Kỹ năng giao tiếp	Ý kiến				
		Rất tốt	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Kỹ năng chào hỏi					
2	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi					
3	Kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp					
4	Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị					
5	Kỹ năng từ chối lời yêu cầu, đề nghị của người khác					
6	Kỹ năng phản hồi					
7	Kỹ năng chia sẻ					
8	Kỹ năng xử lý tình huống					
9	Kỹ năng thuyết trình trước đám đông					
10	Kỹ năng làm việc nhóm					
11	Kỹ năng thuyết phục					
12	Kỹ năng lắng nghe					
13	Kỹ năng diễn đạt					
14	Kỹ năng thương lượng					
15	Kỹ năng giao tiếp qua ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ					

**Câu 4: Ở trường em có tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh không?**

*(Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)*

Có

Không

**Lưu ý: Nếu trả lời là “có” thì trả lời các câu tiếp theo; Nếu trả lời là “không” thì dừng, không trả lời các câu hỏi sau.**



**Câu 5: Em hãy cho biết tần suất và mức độ hứng thú của em tham gia các hoạt động trải nghiệm do trường em tổ chức.**

*(Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)*

Tần suất		Hứng thú	
<input type="checkbox"/>	Chưa tham gia	<input type="checkbox"/>	Không hứng thú với các hoạt động
<input type="checkbox"/>	Thỉnh thoảng	<input type="checkbox"/>	Hứng thú với từng hoạt động
<input type="checkbox"/>	Thường xuyên	<input type="checkbox"/>	Rất hứng thú với các hoạt động

**Câu 6: Theo em, các hoạt động trải nghiệm có vai trò như thế nào với việc phát triển các kỹ năng giao tiếp của bản thân?**

*(Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)*

- Rất tốt
- Tốt
- Bình thường
- Ít có tác dụng
- Không có tác dụng gì

**Câu 7: Khi tham gia vào các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường, em thấy những kỹ năng giao tiếp của bản thân phát triển như thế nào?**

*(Đánh dấu X vào một mức độ tương ứng với từng kỹ năng, nếu kỹ năng không thay đổi tích vào ô không thay đổi)*

**Quy ước: 1: Thay đổi rất nhiều; 2: Có thay đổi tương đối; 3: Thay đổi rất ít; 4: Không thay đổi**

TT	Kỹ năng giao tiếp	Ý kiến của HS			
		1	2	3	4
1	Kỹ năng chào hỏi				
2	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi				
3	Kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp				
4	Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị				

TT	Kỹ năng giao tiếp	Ý kiến của HS			
		1	2	3	4
5	Kỹ năng từ chối lời yêu cầu, đề nghị của người khác				
6	Kỹ năng phản hồi				
7	Kỹ năng chia sẻ				
8	Kỹ năng xử lý tình huống				
9	Kỹ năng thuyết trình trước đám đông				
10	Kỹ năng làm việc nhóm				
11	Kỹ năng thuyết phục				
12	Kỹ năng lắng nghe				
13	Kỹ năng diễn đạt				
14	Kỹ năng thương lượng				
15	Kỹ năng giao tiếp qua ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ				

**Câu 8: Trường em đã tổ chức các nội dung trải nghiệm nào dưới đây?**

*(Đánh dấu X vào phương án chọn, có thể chọn nhiều phương án)*

TT	Nội dung trải nghiệm	Ý kiến
1	Khoa học, kỹ thuật	
2	Văn hóa, nghệ thuật	
3	Vui chơi, giải trí	
4	Thể dục, thể thao	
5	Lao động vệ sinh xung quanh trường và lao động công ích	
6	Chính trị, xã hội	
7	Định hướng nghề nghiệp	
8	<i>Ý kiến khác của em: .....</i>	

**Câu 9: Trường em tổ chức các hoạt động trải nghiệm để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh bằng các hình thức nào?**

*(Đánh dấu X vào phương án chọn, có thể chọn nhiều phương án)*

<b>TT</b>	<b>Hình thức</b>	<b>Ý kiến</b>
1	Câu lạc bộ	
2	Trò chơi	
3	Diễn đàn	
4	Sân khấu tương tác	
5	Tham quan, dã ngoại	
6	Hội thi/cuộc thi	
7	Tổ chức sự kiện	
8	Giao lưu	
9	Hoạt động chiến dịch	
10	Hoạt động nhân đạo	
11	Hoạt động tình nguyện	
12	Lao động công ích	
13	Sinh hoạt tập thể	
14	Hoạt động NCKH	
15	Ý kiến khác	

*Chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp của em!*

Mẫu 1.2:

**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN**  
**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP**  
**THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP**  
*(Dành cho giáo viên)*

Để phục vụ cho công tác nghiên cứu về vấn đề phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THCS. Kính mong quý Thầy (cô) vui lòng trả lời các câu hỏi sau:

**Phần 1: Thông tin cá nhân**

Tuổi.....; Số năm công tác:.....

Giới tính: .....

Môn học giảng dạy.....

Trình độ chuyên môn.....

Trường:.....

**Phần 2: Nội dung**

**Câu 1: Theo thầy cô, kỹ năng giao tiếp được hiểu là?**

*(Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)*

- Là sự vận dụng tri thức kinh nghiệm của cá nhân vào trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả các mục đích giao tiếp đề ra.
- Là cách nói chuyện với người khác một cách lời cuốn, hấp dẫn đạt được hiệu quả trong giao tiếp.
- Kỹ năng giao tiếp là khả năng phối hợp hài hòa, hợp lý những thao tác, cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ trong giao tiếp để đạt được mục đích giao tiếp.

**Câu 2. Thầy cô đánh giá như thế nào về kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người Tày, Nùng tại trường nơi thầy cô đang công tác?**

*(Đánh dấu X vào phương án lựa chọn tương ứng với mỗi kỹ năng, mỗi kỹ năng chỉ chọn 01 mức thầy cô thấy đúng nhất)*

TT	Kỹ năng giao tiếp	Ý kiến				
		Rất tốt	Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Kỹ năng chào hỏi					
2	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi					
3	Kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp					
4	Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị					
5	Kỹ năng từ chối lời yêu cầu, đề nghị của người khác					
6	Kỹ năng phản hồi					
7	Kỹ năng chia sẻ					
8	Kỹ năng xử lý tình huống					
9	Kỹ năng thuyết trình trước đám đông					
10	Kỹ năng làm việc nhóm					
11	Kỹ năng thuyết phục					
12	Kỹ năng lắng nghe					
13	Kỹ năng diễn đạt					
14	Kỹ năng thương lượng					
15	Kỹ năng giao tiếp qua ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ					

**Câu 3: Theo thầy cô, hoạt động trải nghiệm được hiểu là?**

*(Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)*

Hoạt động trải nghiệm là các hoạt động giáo dục thực tiễn được tiến hành song song với hoạt động dạy học trong nhà trường. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một bộ phận của quá trình giáo dục được tổ chức ngoài giờ học các môn văn hóa ở trên lớp và có mối quan hệ bổ sung, hỗ trợ cho hoạt động dạy học.

Hoạt động TN là hoạt động giáo dục, trong đó từng cá nhân học sinh được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong môi trường nhà trường cũng như môi trường gia đình và xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, phẩm chất nhân cách, các năng lực.

Hoạt động TN là hoạt động giáo dục, trong đó nội dung và cách thức tổ chức tạo điều kiện cho từng học sinh được tham gia trực tiếp và làm chủ thể của hoạt động, tự lên kế hoạch, chủ động xây dựng chiến lược hành động cho bản thân và cho nhóm để hình thành, phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị kỹ năng sống và những năng lực cần có của công dân trong xã hội hiện đại, qua hoạt động học sinh phát huy khả năng sáng tạo để thích ứng và tạo ra cái mới, giá trị cho cá nhân và cộng đồng.

**Câu 4: Ở trường thầy cô có tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh không?** *(Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)*

Có

Không

**Lưu ý:** Nếu trả lời là “có” thì trả lời các câu tiếp theo; Nếu trả lời là “không” thì dừng, không trả lời các câu hỏi sau.

**Câu 5: Thầy cô hãy cho biết tần suất và mức độ hứng thú của em học sinh người Tày, Nùng khi tham gia các hoạt động trải nghiệm do nhà trường tổ chức.**

*(Đánh dấu X vào ô lựa chọn, chỉ chọn 01 phương án)*

Tần suất		Hứng thú	
<input type="checkbox"/>	Chưa tham gia	<input type="checkbox"/>	Không hứng thú với các hoạt động
<input type="checkbox"/>	Thỉnh thoảng	<input type="checkbox"/>	Hứng thú với tùy từng hoạt động
<input type="checkbox"/>	Thường xuyên	<input type="checkbox"/>	Rất hứng thú với các hoạt động

**Câu 6: Theo thầy cô, các hoạt động trải nghiệm sẽ giúp phát triển các kỹ năng giao tiếp của học sinh người Tày, Nùng như thế nào?**

*(Đánh dấu X vào một ô số tương ứng với mức độ phát triển của từng kỹ năng)*

**Quy ước: 1: Thay đổi rất nhiều; 2: Tương đối thay đổi; 3: Thay đổi rất ít;**

**4: Không thay đổi**

TT	Kỹ năng giao tiếp	Ý kiến của GV			
		1	2	3	4
1	Kỹ năng chào hỏi				
2	Kỹ năng tự chủ cảm xúc, hành vi				
3	Kỹ năng tiếp cận đối tượng giao tiếp				
4	Kỹ năng nói lời yêu cầu đề nghị				
5	Kỹ năng từ chối lời yêu cầu, đề nghị của người khác				
6	Kỹ năng phản hồi				
7	Kỹ năng chia sẻ				
8	Kỹ năng xử lý tình huống				
9	Kỹ năng thuyết trình trước đám đông				
10	Kỹ năng làm việc nhóm				
11	Kỹ năng thuyết phục				
12	Kỹ năng lắng nghe				
13	Kỹ năng diễn đạt				
14	Kỹ năng thương lượng				
15	Kỹ năng giao tiếp qua ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ				

**Câu 7: Trường của thầy cô thường sử dụng các hình thức nào để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm?**

*(Đánh dấu X vào phương án lựa chọn)*

TT	Mức độ thực hiện		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
	Hình thức				
1	Câu lạc bộ				
2	Trò chơi				
3	Diễn đàn				
4	Sân khấu tương tác				
5	Tham quan, dã ngoại				
6	Hội thi/cuộc thi				
7	Tổ chức sự kiện				
8	Giao lưu				
9	Hoạt động chiến dịch				
10	Hoạt động nhân đạo				
11	Hoạt động tình nguyện				
12	Lao động công ích				
13	Sinh hoạt tập thể				
14	Hoạt động NCKH				
15	Ý kiến khác				



**Câu 8: Theo thầy, cô có những yếu tố nào ảnh hưởng đến việc phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh người Tày, Nùng thông qua các hoạt động trải nghiệm?**

*(Đánh dấu X vào phương án lựa chọn)*

TT	Yếu tố	Mức độ		
		Rất ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1	Nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên về ý nghĩa của việc phát triển KNGT thông qua hoạt động trải nghiệm			
2	Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của giáo viên			
3	Điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường			
4	Nhận thức và hứng thú của học sinh đối với việc phát triển KNGT thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.			
5	Sự quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi của phụ huynh HS			
6	Sự phối hợp của các lực lượng xã hội trong tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh THCS người Tày, Nùng			
7	Ý kiến khác..... .....			

*Chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp của thầy cô!*

## **Phụ lục 2**

### **MẪU PHIẾU PHỎNG VẤN**

*(Sử dụng để phỏng vấn phụ huynh học sinh)*

Họ và tên người được phỏng vấn.....

Giới tính.....

Tuổi.....

Nghề nghiệp hiện tại:.....

Là người dân tộc: .....

Xin anh chị vui lòng trả lời một số câu hỏi sau:

**Câu 1:** Anh chị có biết thông tin nào về HĐTN trong nhà trường không?

**Câu 2:** Anh chị hãy cho biết, con của anh chị có phải là người biết giao tiếp không?

Anh chị vui lòng kể một vài biểu hiện cụ thể của cháu?

**Câu 3:** Nếu nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục để giúp con anh chị phát triển kỹ năng giao tiếp cũng như các kỹ năng khác, anh chị có ủng hộ không?

**Câu 4:** Anh chị ủng hộ các hoạt động của nhà trường bằng các hình thức nào?

**Câu 5:** Nếu có 1 đề nghị được thay đổi các hoạt động giáo dục trong nhà trường, anh chị muốn thay đổi điều gì?

*Xin cảm ơn anh chị, chúc anh chị luôn dồi dào sức khỏe!*

....., ngày..... tháng..... năm 20

**Người phỏng vấn**

**Phụ lục 3**

**MẪU PHIẾU QUAN SÁT**

*(Dùng để quan sát các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường)*

Họ và tên người quan sát:.....

Hoạt động trải nghiệm quan sát:.....

Thời gian, địa điểm tổ chức:.....

Trường THCS:

Tỉnh: .....

**NỘI DUNG QUAN SÁT**

**(Ghi tóm tắt nội dung quan sát)**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày..... tháng..... năm 20

**Người quan sát**

**Phụ lục 4**

**MẪU PHIẾU PHỎNG VẤN**

*(Dùng trong phỏng vấn GV và HS khi khảo sát thực trạng hoặc thử nghiệm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường)*

**I. Thông tin về người được phỏng vấn**

Họ và tên người được phỏng vấn:.....

GV       HS

Trường/Lớp:.....

Nội dung phỏng vấn (ghi tóm tắt câu hỏi và nội dung câu trả lời.....

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Nội dung cần lưu ý:.....

.....  
.....

....., ngày..... tháng..... năm 20

**Người phỏng vấn**

## Phụ lục 5

### MẪU PHIẾU KHẢO SÁT HỌC SINH TRƯỚC VÀ SAU THỬ NGHIỆM

*(Dùng trong khảo sát HS trước và sau thử nghiệm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường)*

**Em vui lòng tự đánh giá bản thân em có biểu hiện nào dưới đây?**

*(Nếu có em tích dấu X, nếu không em để trống)*

<b>Nhu cầu giao tiếp</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Đối tượng, Phạm vi giao tiếp</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Nội dung giao tiếp</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Cách sử dụng phương tiện GT</b>	<b>Ý kiến</b>
Không muốn giao tiếp với ai, thu mình trong mọi hoạt động		Chỉ giao tiếp với bố mẹ và một hoặc hai bạn trong lớp; không có bạn ngoài lớp, ngoài trường, hiếm khi nói chuyện với thầy cô giáo.		Chỉ nói việc cần thiết như hỏi đồ đạc để ở đâu, hỏi ý kiến bố mẹ cho phép làm việc gì, chỉ hỏi bạn khi mượn đồ dùng học tập hoặc nhờ vả 1 việc mang tính bắt buộc		Rất khó khăn khi tìm một từ để diễn tả ý định của mình.  Không biết thể hiện thái độ của mình cho người khác hiểu.	
Có nhu cầu trò chuyện với bố mẹ và 1 vài bạn trong lớp		Giao tiếp với bố mẹ, đôi khi nói chuyện với một vài bạn trong lớp; Thỉnh thoảng có trao đổi với thầy cô giáo		Trao đổi những vấn đề liên quan đến sinh hoạt trong gia đình và việc học tập với bạn cùng lớp.		Biết sử dụng từ ngữ diễn tả cho người đối thoại có thể hiểu được ý định của bản thân.  Biết bày tỏ thái độ khi không hài lòng, khi vui vẻ ít bộc lộ	

Nhu cầu giao tiếp	Ý kiến	Đối tượng, Phạm vi giao tiếp	Ý kiến	Nội dung giao tiếp	Ý kiến	Cách sử dụng phương tiện GT	Ý kiến
Có mong muốn được trò chuyện với bố mẹ, ông bà, anh chị em, bạn cùng lớp		Thường xuyên trò chuyện với ông bà cha mẹ và người thân, có nhóm bạn thân và giao tiếp cởi mở với nhóm này, chủ động trong mối quan hệ với thầy cô giáo.		<p>Tâm sự với bố mẹ cả những vấn đề có liên quan đến các mối quan hệ xung quanh mình.</p> <p>Trao đổi tâm tình với nhóm bạn thân, giao lưu học tập với các bạn trong lớp</p> <p>Thường xuyên trao đổi với giáo viên những vấn đề có liên quan đến học tập</p>		<p>Biết sử dụng từ ngữ để diễn đạt tương đối nhanh và rõ ý định mong muốn.</p> <p>Biết bày tỏ buồn vui trong các mối quan hệ với bạn, biết nhìn nhận tâm trạng của người giao tiếp thông qua ánh mắt và nét mặt</p>	
Thường xuyên có nhu cầu được trò chuyện với cha mẹ ông bà, hàng xóm cùng thôn, bản, làng Mong muốn được chia sẻ với bạn cùng lớp mọi việc, bắt đầu có sự mở rộng kết giao bạn bè		Thường xuyên trò chuyện với cha mẹ về mọi vấn đề của cuộc sống. Biết hỏi thăm và trò chuyện với hàng xóm, láng giềng. Có các mối quan hệ hòa nhã với các bạn trong lớp, kết giao với các bạn khác lớp, khác khối thông qua việc tham gia các hoạt động chung		<p>Nội dung giao tiếp liên quan đến chuyện gia đình, chuyện ở trường và bước đầu biết đánh giá các hiện tượng trong đời sống xã hội.</p> <p>Thường xuyên trao đổi với thầy cô giáo về chuyện học tập, có tâm sự những câu chuyện liên quan đến các bạn trong lớp.</p>		Diễn đạt lưu loát, biết biểu lộ cảm xúc, thái độ của bản thân trong các câu chuyện với người đối diện	

Nhu cầu giao tiếp	Ý kiến	Đối tượng, Phạm vi giao tiếp	Ý kiến	Nội dung giao tiếp	Ý kiến	Cách sử dụng phương tiện GT	Ý kiến
<p>Có nhu cầu trò chuyện với cha mẹ và người thân hàng ngày.</p> <p>Có nhu cầu gặp gỡ với bạn bè trong trường, trong lớp và ngoài trường, ngoài lớp với các hoạt động đa dạng: vui chơi, tham quan, du lịch...</p>		<p>Rất thường xuyên tiếp xúc với hàng xóm, người xung quanh, giao tiếp cởi mở.</p> <p>Có nhiều mối quan hệ bạn bè trong và ngoài trường, có kết bạn phương xa.</p> <p>Tích cực tham gia các tổ, nhóm, CLB theo sở thích.</p>		<p>Phong phú, đa dạng về mọi mặt của cuộc sống như: sinh hoạt, học tập, vui chơi giải trí và thỏa mãn sở thích, đam mê riêng.</p> <p>Rất thường xuyên trò chuyện với các thầy cô về tất cả những vấn đề của cuộc sống: học tập, tình bạn, tình yêu, quan điểm sống, cách ứng xử...</p>		<p>Thể hiện được sự hoạt bát, diễn đạt trôi chảy, sử dụng từ ngữ phong phú, có sự trau chuốt và tinh tế trong cách trò chuyện.</p> <p>Bày tỏ rõ nét thái độ thông qua cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt.</p> <p>Nhận biết rõ thái độ của người đối diện dù không thể hiện bằng ngôn ngữ nói.</p>	

## **Phụ lục 6**

### **MẪU THỬ' NGHIỆM BẢN THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM NHẪM PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THCS NGƯỜI TÀY, NÙNG**

#### ***TÊN KẾ HOẠCH: KẾ HOẠCH TỔ CHỨC “HỘI THI ĐỒ XÔI NGŨ SẮC”***

*(Người lập kế hoạch: GV phụ trách tổ chức hoạt động trải nghiệm trường THCS  
Nước Hai, Huyện Hòa An, Tỉnh Cao Bằng)*

#### **1. Mục tiêu của hoạt động**

- Nhằm tạo ra không gian giao tiếp bổ ích và lí thú cho học sinh THCS người Tày, Nùng (lớp thử nghiệm) được thể nghiệm các kỹ năng chia sẻ; diễn đạt; làm việc nhóm; bày tỏ cảm xúc, hành vi; thuyết phục...khi thực hiện nhiệm vụ chung của nhóm được giao.

- Học sinh tham gia hoạt động này là học sinh lớp thử nghiệm được các xác định từ mức độ kỹ năng giao tiếp thấp nhất là mức yếu, mục đích thông qua hoạt động, học sinh được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp có thể nâng cao kỹ năng giao tiếp của học sinh đến mức độ cao hơn.

#### **2. Thông tin nguồn của hoạt động**

##### **2.1. Thông tin bản chữ**

##### **2.2. Thông tin video, hình ảnh**

(Có tài liệu riêng đính kèm kế hoạch)

#### **3. Kế hoạch tổ chức hoạt động thi “đồ xôi ngũ sắc”**

##### **3.1 Chuẩn bị:**

- Giáo viên cho học sinh nhận thành viên, mỗi nhóm 3 thành viên, tổ chức thành 5 nhóm thi; khuyến khích những học sinh ít giao tiếp, kỹ năng giao tiếp còn hạn chế. Các thành viên còn lại trong lớp thử nghiệm quan sát, hỗ trợ các nhóm thi. Thông báo thời gian chuẩn bị, thời gian thi, nguyên liệu cần chuẩn bị, phát tài liệu hỗ trợ học sinh đọc và nghiên cứu, chiếu video về cách đồ xôi.

- Học sinh: nhận thành viên của nhóm, trao đổi các công việc có liên quan gồm: mua gạo, nguyên liệu nhuộm màu, mượn chỗ đồ xôi, chuẩn bị gạo, củi, bếp...



- Kinh phí: Từ kinh phí của đề tài gồm kinh phí hỗ trợ mua nguyên liệu và giải thưởng. (Mỗi nhóm nhận kinh phí để tự mua gạo và các nguyên liệu nhuộm màu).

- Hình thức đánh giá: Sản phẩm của hội thi là các phần xôi được trình bày và bài thuyết trình về cách làm của đại diện nhóm.

### 3.2 Xây dựng kế hoạch chi tiết:

<b>Thứ tự/thời gian</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Nhân sự tiến hành</b>	<b>Phương pháp, hình thức</b>	<b>Phương tiện, Tài liệu, Kinh phí</b>	<b>Dự kiến kết quả cần đạt</b>	<b>Ghi chú</b>
Chiều ngày 16/9/2017 (từ 14-15h30)	Chuẩn bị nguyên liệu	Giáo viên phụ trách, các nhóm học sinh GV đã phân công	Học sinh các nhóm thảo luận, GV quan sát, theo dõi	Mua gạo, nguyên liệu nhuộm màu	Chuẩn bị đủ gạo, nguyên liệu nhuộm màu, củi bếp, chỗ đồ xôi.	
Chiều ngày 16/9/2017 (từ 15h30-17h)	Sơ chế nguyên liệu	Giáo viên phụ trách, các nhóm học sinh GV đã phân công	Học sinh các nhóm thảo luận, GV quan sát, theo dõi	Gạo, nguyên liệu nhuộm màu	Gạo được đãi, vo sạch, nguyên liệu nhuộm màu được chế biến để ngâm gạo	
Sáng ngày 17/9/2017 (7-8h)	Chuẩn bị đồ xôi	Giáo viên phụ trách, đại diện PHHS, đại diện BGH, học	HS trao đổi, thảo luận, giao việc, GV quan sát,	Gạo đã nhuộm màu, củi bếp, chỗ xôi	Chuẩn bị đủ và đúng nguyên vật liệu	

		sinh lớp TN	giảng giải			
Sáng ngày 17/9/2017 (8h-10h)	Thi đồ xôi	GV phát lệnh, bấm giờ đồng hồ để theo dõi thời gian	HS làm việc theo nhóm	Các nguyên liệu và vật dụng cần thiết	Chỗ xôi chín, đủ màu sắc theo quy định	
17/9/2017 (10h - 11h)	Đánh giá kết quả hội thi	Ban giám khảo là gồm 3 người: Đại diện BGH, Đại diện PHHS, đại diện nhóm nghiên cứu đề tài	Đại diện nhóm học sinh giới thiệu cách làm của nhóm, BGK chấm điểm	Xôi đã được trình bày, lời thuyết trình của nhóm	Kết quả đánh giá của BGK	
17/9/2017	Tổng kết hội thi, trao thưởng, liên hoan	GV phụ trách, BGH, PH và học sinh lớp thử nghiệm	Khen thưởng	Sản phẩm của hội thi		

#### 4. Chuẩn hóa và điều chỉnh kế hoạch

Đại diện các nhóm có liên quan gồm: GVPT, đại diện BGH, đại diện nhóm nghiên cứu, PHHS và đại diện 1 số học sinh tham dự để chuẩn hóa kế hoạch, điều chỉnh cho phù hợp

#### 5. Tổ chức triển khai kế hoạch theo dự kiến.

## 6. Thông tin nguồn

### \* Tài liệu bài viết

#### **Bài viết 1: Ngon lạ “xôi ngũ sắc của người Tày, Nùng Cao Bằng”**

Xôi ngũ sắc là món ăn truyền thống của người Tày, Nùng ở Cao Bằng, gắn với các lễ, tết suốt bốn mùa trong năm và trong những dịp hiếu, hỷ. Xôi ngũ sắc có năm màu chủ đạo (đỏ, đen, xanh, trắng, vàng), được chế biến từ nguyên liệu chính là gạo nếp Pi Pát có hạt tròn, dẻo, thơm và các loại cây, hoa tạo màu.

Để có những màu sắc này, người Tày, Nùng dùng các loại cây phẩm màu tự nhiên được trồng trong vườn nhà hoặc hái trong rừng để nhuộm gạo.

Màu đỏ được nhuộm từ lá cây chấu ché, cây mồng tơi lá đỏ hoặc vỏ cây vàng đỏ; màu đen nhuộm từ lá cây sau sau, cây chấu ché tím; màu xanh nhuộm từ lá gừng, lá dứa; màu vàng nhuộm bằng cây hoa “Bjooóc phón” - loại cây mọc tự nhiên trong rừng, hoa nở vào mùa xuân có hương thơm rất đặc trưng, đến mùa hoa nở người dân hái về phơi khô dùng quanh năm.



Các loại cây phẩm màu tự nhiên được rửa sạch, giã nát và nấu kỹ sẽ cho ra các màu sắc đặc trưng. Gạo nếp vo, đãi sạch, ngâm vào những chậu nước màu từ 10 - 12 giờ. Trước khi đồ xôi, vớt gạo lên để ráo nước rồi cho vào chỗ đồ khoảng 30 - 40 phút cho đến khi xôi chín; quá trình đồ xôi lửa phải đều, không bị khò. Gạo nếp Pì Pát đồ xôi thơm, dẻo, dù nóng hay nguội khi nắm chặt tay xôi sẽ không bị dính. Xôi chín được chia thành năm nắm, mỗi màu một nắm xếp lên mâm, lên mẹt ghép thành hình bông hoa năm cánh trông rất đẹp mắt. Theo quan niệm của người Tày, Nùng, mỗi màu đều có ý nghĩa khác nhau, mâm xôi ngũ sắc được tạo thành hình bông hoa năm cánh, tượng trưng cho âm dương, ngũ hành, biểu tượng của nhân sinh quan cao đẹp, hội tụ đầy đủ những giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại.

Thông qua món xôi đặc biệt này, người Tày, Nùng thể hiện sự tôn kính đối với trời, đất, nước, thần linh, tổ tiên, cha mẹ và mong muốn vươn tới sự trồn vẹn, no đủ, hạnh phúc. Mặt khác, xôi ngũ sắc còn thể hiện sự đảm đang, khéo tay của người phụ nữ Tày, Nùng ở Cao Bằng.

## **Bài viết 2: Dẻo thơm xôi ngũ sắc người Tày**

**Xôi ngũ sắc là món ăn quan trọng không thể thiếu của dân tộc Tày trong các dịp lễ tết, hội hè...**

Những nét đặc sắc về văn hóa của người Tày không những được thể hiện trong các hội làng, những điệu ca hát đối đáp, hát ví, hát then mà còn trong cả những nét văn hoá ẩm thực. Và xôi ngũ sắc là một sản phẩm đặc trưng của người Tày.

Xôi ngũ sắc là món ăn quan trọng không thể thiếu của dân tộc Tày trong các dịp lễ tết, hội hè... Mỗi đĩa xôi ngũ sắc mời khách trong những ngày lễ, tết là cả tấm lòng mến khách chân thành, chứa đựng biết bao giọt mồ hôi và công sức của chủ nhà, và còn là những ước mơ về hạnh phúc, khát vọng ngàn đời no đủ, mong ước mưa thuận gió hòa để mùa màng tốt tươi.



Xôi thường có 5 màu nên người ta gọi chung là “xôi ngũ sắc”. Điểm đặc biệt của món xôi này là màu sắc độc đáo. Những hạt xôi thơm dẻo được đồ bằng gạo nếp cái hoa vàng. Màu xôi đẹp tự nhiên và hấp dẫn, với 5 màu chính là trắng, đỏ, xanh, tím, vàng. Trắng là màu nguyên của gạo, các màu còn lại được tạo nên bằng cách ngâm gạo với nước của các loại lá và củ cây rừng. Để xôi có màu đỏ, màu tím, bà con lấy lá cây “Bầu khâu đăm đeng” (lá cây đỏ đen) giã nhỏ, hoà với nước đun sôi rồi lấy nước để ngâm gạo. Sau 5-6 tiếng, vớt gạo ra cho vào chỗ đồ chín, cơm xôi sẽ có màu đỏ hoặc tím rất đẹp.

Tiếp đến, xôi có màu vàng chính là nhờ nghệ. Người Tày lấy 2 -3 củ nghệ tươi đem giã cho nhỏ mịn, đem hòa nước để ngâm gạo rồi đồ chín. Cuối cùng là xôi màu xanh. Khác với những dân tộc khác, bà con dân tộc Tày thôn Lèn, xã Việt Lâm (huyện Vị Xuyên, Hà Giang) dùng những nguyên liệu như lá cây và rom nếp để tạo màu xanh cho xôi. Các bà, các chị chỉ cần lấy một nắm lá đỏ đen, giã nhỏ với ít tro rom nếp rồi hòa nước để ngâm gạo, khi xôi chín sẽ có màu xanh đậm trông rất lạ mắt.

Theo quan niệm của người xưa, xôi ngũ sắc tượng trưng cho ngũ hành. Người ta quan niệm rằng sự tồn tại của ngũ hành làm nên sự tươi tốt của Thiên - Địa - Nhân. Với người Tày, những ai ăn xôi ngũ sắc trong các ngày lễ, tết thì họ sẽ gặp nhiều điều may mắn, tốt lành.

Xôi ngũ sắc cũng chính là niềm tự hào của chị em phụ nữ dân tộc Tày, bởi nó thể hiện sự khéo léo, đảm đang của họ. Xôi 5 màu được chế biến từ những nguyên liệu thiên nhiên nên ăn rất ngon và bổ dưỡng.

**\* Tài liệu nghe, nhìn**

- Kênh VOV - Đài Tiếng nói Việt Nam có bài: VOV4.VN - Âm thực của người Tày tương đối phong phú và đa dạng. Nhiều món ăn của họ mang những ý nghĩa sâu xa, thể hiện mong ước về cuộc sống, tình yêu lứa đôi. Xôi ngũ sắc là một trong những món ăn không thể thiếu trong các dịp lễ hội, cũng như cúng bái ở mỗi gia đình người Tày.

- Video clip: Tìm kiếm trên Google với từ khóa “Video xôi ngũ sắc”.